TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM CTCP
Digitally signed by TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=HÀ NỘI, O=TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=mst:2103010868
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026-04-20 17:52:23
Foxit PhantomPDF Version: 10.0.1

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC
VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

QUYẾT LIỆT CHUYỂN MÌNH
BỨT PHÁ GIÁ TRỊ MỚI

MỤC LỤC

1 PHẦN MỞ ĐẦU

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc 06
Một số chỉ tiêu chính 08

2 GIỚI THIỆU VỀ VEAM

Thông tin chung 12
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 18
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 20
Giới thiệu Ban lãnh đạo 24
Vị thế 32
Định hướng phát triển 33
Các rủi ro 35

3 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 42
Tổ chức và nhân sự 45
Tình hình đầu tư và tình hình thực hiện các dự án 46
Các công ty con, công ty liên kết 50
Tình hình tài chính 64
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 65

4 BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 68
Tình hình tài chính 72
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 73
Kế hoạch phát triển trong tương lai 74
Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến của kiểm toán độc lập 76

5 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của VEAM 84
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành 87
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 88

6 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị 92
Ban kiểm soát 110
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành 112
Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty 114

7 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đánh giá của Ban điều hành 118
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty 120

8 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc 128
Báo cáo kiểm toán độc lập 130
Bảng cân đối kế toán hợp nhất 133
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 135
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 136
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất 137

PHẦN MỞ ĐẦU

01

Thông điệp của
Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc 06

Một số chỉ tiêu chính 08

THÔNG ĐIỆP CỦA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi Quý khách hàng, Quý đối tác và Quý cổ đông cùng toàn thể người lao động VEAM,

Năm 2025 đã khép lại trong một bối cảnh đặc biệt khi nền kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì ổn định vĩ mô, đồng thời đón nhận những định hướng lớn từ Trung ương về hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế tư nhân, đổi mới mô hình tăng trưởng và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Những chủ trương quan trọng này đã tạo nên một nền tảng chính trị – xã hội thuận lợi, mở ra không gian phát triển mới cho cộng đồng doanh nghiệp nói chung và Tổng công ty nói riêng.

Đối với Tổng công ty, năm 2025 là năm của củng cố và chuẩn bị. Chúng ta đã tập trung rà soát toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh, tái đánh giá danh mục đầu tư, từng bước hoàn thiện mô hình quản trị, đồng thời nâng cao kỷ luật vận hành và hiệu quả sử dụng nguồn lực. Những nỗ lực đó không chỉ nhằm vượt qua thách thức trước mắt, mà quan trọng hơn, là để xây dựng một nền tảng đủ vững cho những chuyển động lớn trong giai đoạn tiếp theo.

Bước sang năm 2026, bối cảnh phát triển tiếp tục được củng cố với các định hướng mới về phát triển kinh tế nhà nước theo tinh thần các Nghị quyết của Trung ương như Nghị quyết 79, trong đó nhấn mạnh vai trò dẫn dắt, tạo nền tảng và định hướng của doanh nghiệp nhà nước trong các ngành, lĩnh vực then chốt. Đây vừa là cơ hội, vừa là yêu cầu đặt ra cho Tổng công ty phải chuyển mình mạnh mẽ hơn, thực chất hơn và hiệu quả hơn.

Với nhận thức đó, Tổng công ty xác định thông điệp hành động cho năm 2026 là: ***"Quyết liệt chuyển mình, Bứt phá giá trị mới"***

Tiếp tục củng cố những yếu tố nền tảng cốt lõi đã được xây dựng, từ năng lực tài chính, quản trị, tổ chức đến các lĩnh vực kinh doanh chủ lực. Đây là điều kiện tiên quyết để đảm bảo sự ổn định và tính bền vững trong dài hạn. _ là thay đổi mạnh mẽ trong tư duy và hành động: Tái cấu trúc hệ thống quản trị vận hành, danh mục đầu tư, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị, hoàn thiện mô hình quản trị theo hướng hiện đại, minh bạch và có trách nhiệm cao hơn với các mục tiêu ngắn, trung và dài hạn. Sự chuyển mình này không chỉ diễn ra ở cấp độ chiến lược, mà cần thấm sâu vào từng cấp quản lý, từng đơn vị và từng cá nhân trong toàn hệ thống.

"Bứt phá giá trị mới" là mục tiêu xuyên suốt, hướng tới việc tạo ra những giá trị gia tăng cao hơn cho cổ đông, đối tác và xã hội; đồng thời khẳng định vai trò và vị thế của Tổng công ty trong các ngành công nghiệp trọng điểm.

Chúng tôi tin rằng với nền tảng đã được củng cố trong năm 2025, cùng với sự đồng thuận và quyết tâm cao của toàn hệ thống, Tổng công ty sẽ từng bước hiện thực hóa các mục tiêu tái cấu trúc, nâng cao hiệu quả hoạt động và phát triển bền vững trong giai đoạn tới.

Quyết liệt chuyển mình, Bứt phá giá trị mới

Ngô Khải Hoàn
- Chủ tịch Hội đồng quản trị -

Nguyễn Hoàng Giang
- Tổng Giám đốc -

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban điều hành, chúng tôi trân trọng cảm ơn sự tin tưởng, đồng hành của Quý cổ đông, Quý đối tác và toàn thể cán bộ, người lao động. Sự ủng hộ và gắn bó của Quý vị chính là nguồn động lực quan trọng để Tổng công ty vững bước trên hành trình phía trước.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, thành công và thịnh vượng.

Trân trọng!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngô Khải Hoàn

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàng Giang

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH *(Số liệu Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã kiểm toán)*

Chỉ tiêu	Đơn vị	2021	2022	2023	2024	2025
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Doanh thu	Tỷ đồng	596	533	319	317	554
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	596	533	318	317	554
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	105	37	(113)	26	34
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	6.139	5.756	6.977	6.389	7.178
Doanh thu từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	6.209	5.918	7.940	6.532	7.498
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	Tỷ đồng	(8)	(6)	(19)	3	(27)
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6.130	5.749	6.958	6.392	7.151
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6.018	5.624	6.761	6.253	7.006
Bảng cân đối kế toán						
Tổng tài sản	Tỷ đồng	19.494	20.084	20.351	19.755	20.559
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	13.288	13.288	13.288	13.288	13.288
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	19.296	18.902	20.049	19.542	20.294
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu						
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	29	28	33	31	35
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	30	29	35	32	35

TỔNG TÀI SẢN

20.559 TỶ ĐỒNG

VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.294 TỶ ĐỒNG

DOANH THU THUẦN

554 TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

7.006 TỶ ĐỒNG

DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

7.498 TỶ ĐỒNG

(Đơn vị: Tỷ đồng)

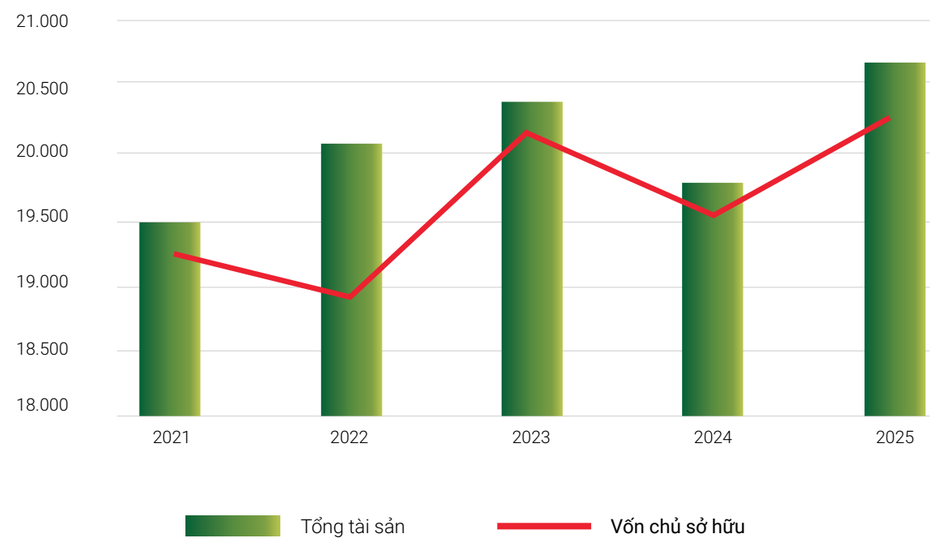

(Đơn vị: Tỷ đồng)

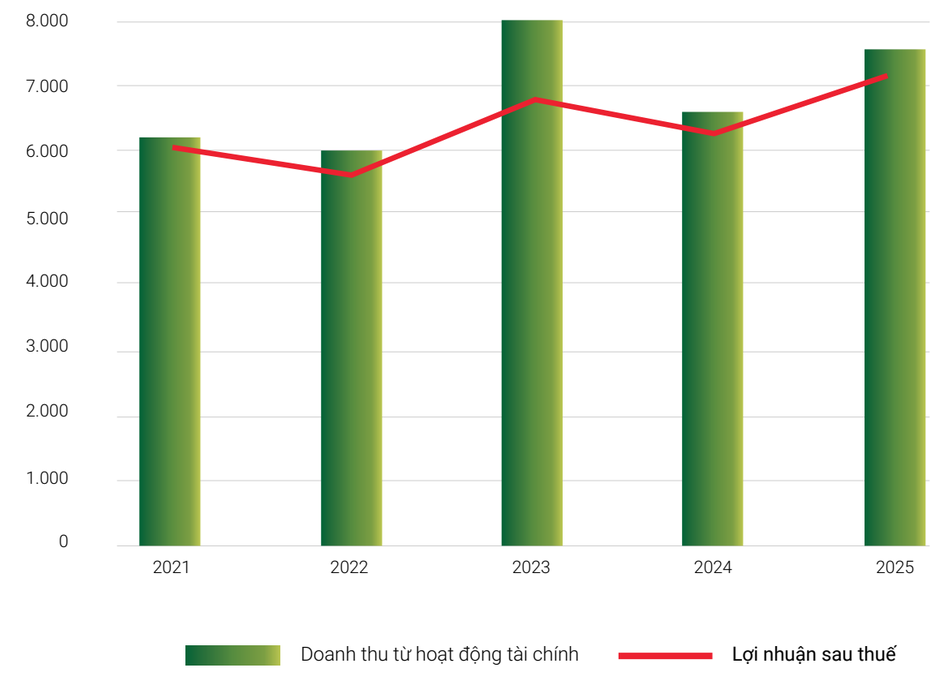

GIỚI THIỆU VỀ VEAM

02

Thông tin chung	12
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	18
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	20
Giới thiệu Ban Lãnh đạo	24
Vị thế	32
Định hướng phát triển	33
Các rủi ro	35

THÔNG TIN CHUNG

TÊN GIAO DỊCH

Tên công ty bằng Tiếng Việt	Tổng công ty MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP
Tên công ty bằng Tiếng Anh	VIETNAM ENGINE AND AGRICULTURAL MACHINERY CORPORATION
Tên viết tắt	VEAM

VỐN ĐIỀU LỆ: 13.288.000.000.000 ĐỒNG

Bằng chữ	Mười ba nghìn hai trăm tám mươi tám tỷ đồng

VỐN CHỦ SỞ HỮU: 27.040.875.033.382 ĐỒNG

Bằng chữ	Hai mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi tỷ tám trăm bảy mươi lăm triệu không trăm ba mươi ba nghìn ba trăm tám mươi hai đồng.

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Số giấy CNĐKDN	0100103866
Mã số thuế	0100103866
Người đại diện theo pháp luật	**ÔNG NGUYỄN HOÀNG GIANG** - TỔNG GIÁM ĐỐC VEAM

MÃ CỔ PHIẾU: VEA

Số lượng cổ phiếu	1.328.800.000 cổ phiếu
Sàn giao dịch	UPCoM
Địa chỉ	Lô D, khu D1, phường Tây Hồ, Hà Nội (toà nhà VEAM, ngõ 689 Lạc Long Quân)
Số điện thoại	84 - 246 280 0802
Fax	84 - 246 280 0809
Website	www.veamcorp.com

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2025

- Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 24 tháng 01 năm 2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần (thay đổi lần thứ 7) do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và hoạt động theo Điều lệ của VEAM, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.
- VEAM có số vốn điều lệ là: 13.288.000.000.000 đồng, trong đó vốn thuộc sở hữu Nhà nước chiếm 88,47% vốn điều lệ, vốn thuộc sở hữu các cổ đông khác chiếm 11,53% vốn điều lệ.
- Công ty mẹ VEAM hiện đầu tư vốn tại 25 đơn vị bao gồm các đơn vị trực thuộc (chi nhánh), công ty con và công ty liên kết.

2018

Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP được Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCoM, mã cổ phiếu giao dịch: VEA theo Quyết định số 369/QĐ-SGDHN ngày 25 tháng 6 năm 2018.

2017

Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là công ty đại chúng theo Công văn số 5972/UBCK-GSĐC ngày 05 tháng 9 năm 2017.

2016

Công ty mẹ Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam được phê duyệt Phương án cổ phần hóa theo Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, theo đó tên gọi là: Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

2014

Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 4874/QĐ-BCT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương.

2010

Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp được chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 3367/QĐ-BCT ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương, theo đó tên gọi của Công ty mẹ là Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam.

1996

Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp cùng với HONDA Nhật Bản và HONDA Châu Á thành lập Công ty liên doanh HONDA VIỆT NAM (HVN).

1995

Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp cùng với TOYOTA Nhật Bản và Công ty KUO Singapore thành lập Công ty liên doanh TOYOTA VIỆT NAM (TMV).

1990

Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp được thành lập theo Quyết định số 153-HĐBT ngày 12 tháng 5 năm 1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và được thành lập lại theo Quyết định số 1119/QĐ-TCCBDT ngày 27 tháng 10 năm 1995 của Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương).

SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM 2025

01

Vững vàng trước biến động

02

Giữ vững ổn định tài chính, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước

03

Lợi nhuận năm 2025 cao nhất giai đoạn 2021 - 2025

04

Ô tô VEAM tiêu thụ tăng mạnh, xử lý cơ bản xe tồn kho

05

Tất cả các công ty con đều có lãi

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

ĐỊA BÀN KINH DOANH

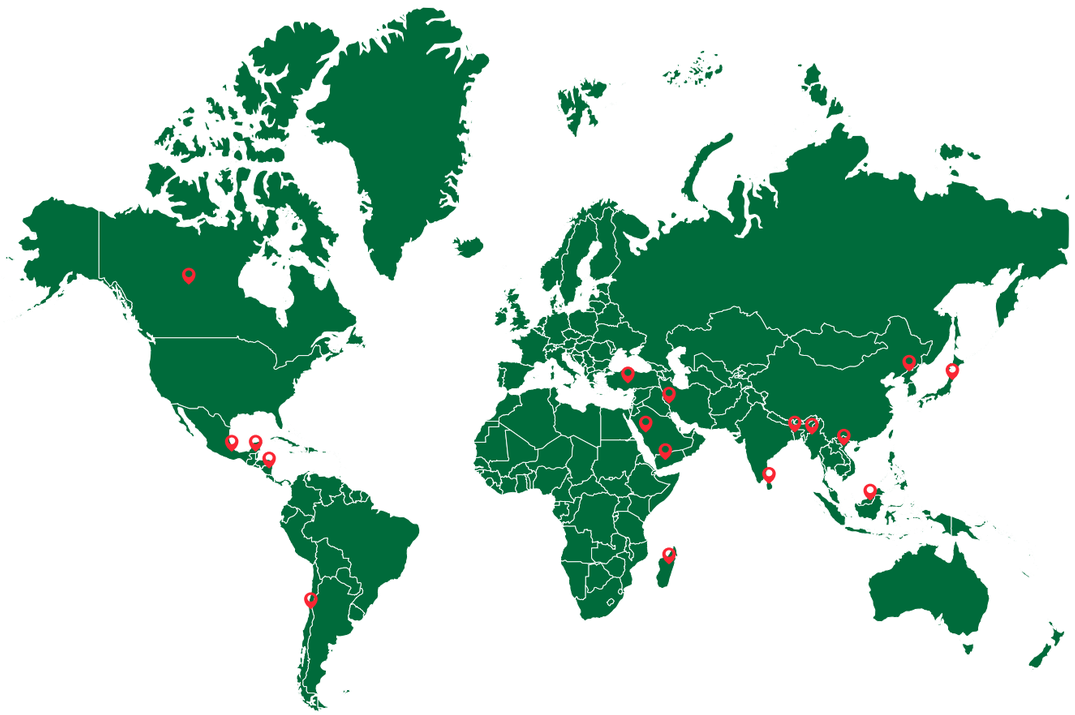

Việt Nam và nước ngoài.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

1. Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp
2. Sản xuất động cơ, tua bin
3. Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác, sản xuất xe có động cơ
4. Sản xuất bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động
5. Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác
6. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.
7. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
8. Đại lý ô tô và xe có động cơ khác

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

VEAM cử người quản lý, người đại diện vốn tại các công ty có vốn góp của VEAM là các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh.

CÔNG TY 100% VỐN VEAM
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam
Viện Công nghệ
CÔNG TY VEAM NẮM GIỮ TRÊN 50% VỐN ĐIỀU LỆ
Công ty CP Phụ tùng máy số 1
Công ty CP Cơ khí Phổ Yên
Công ty CP Cơ khí chính xác số 1
Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ
Công ty CP Cơ khí Cổ Loa
Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM
Công ty VEAM Korea
CÔNG TY VEAM NẮM GIỮ DƯỚI 50% VỐN ĐIỀU LỆ
Công ty Honda VN
Công ty Toyota VN
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto
Công ty CP Cơ khí Vinh
Công ty CP NAKYCO
Công ty CP Cơ khí An Giang
Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ
Công ty KUMBA
Công ty CP MATEXIM Hải Phòng

(*) Công ty Ford Việt Nam (FVL) có 25% vốn góp của DISOCO.

Mô hình tổ chức, quản trị của VEAM (sơ đồ dưới đây) gồm Văn phòng Công ty mẹ và các chi nhánh.

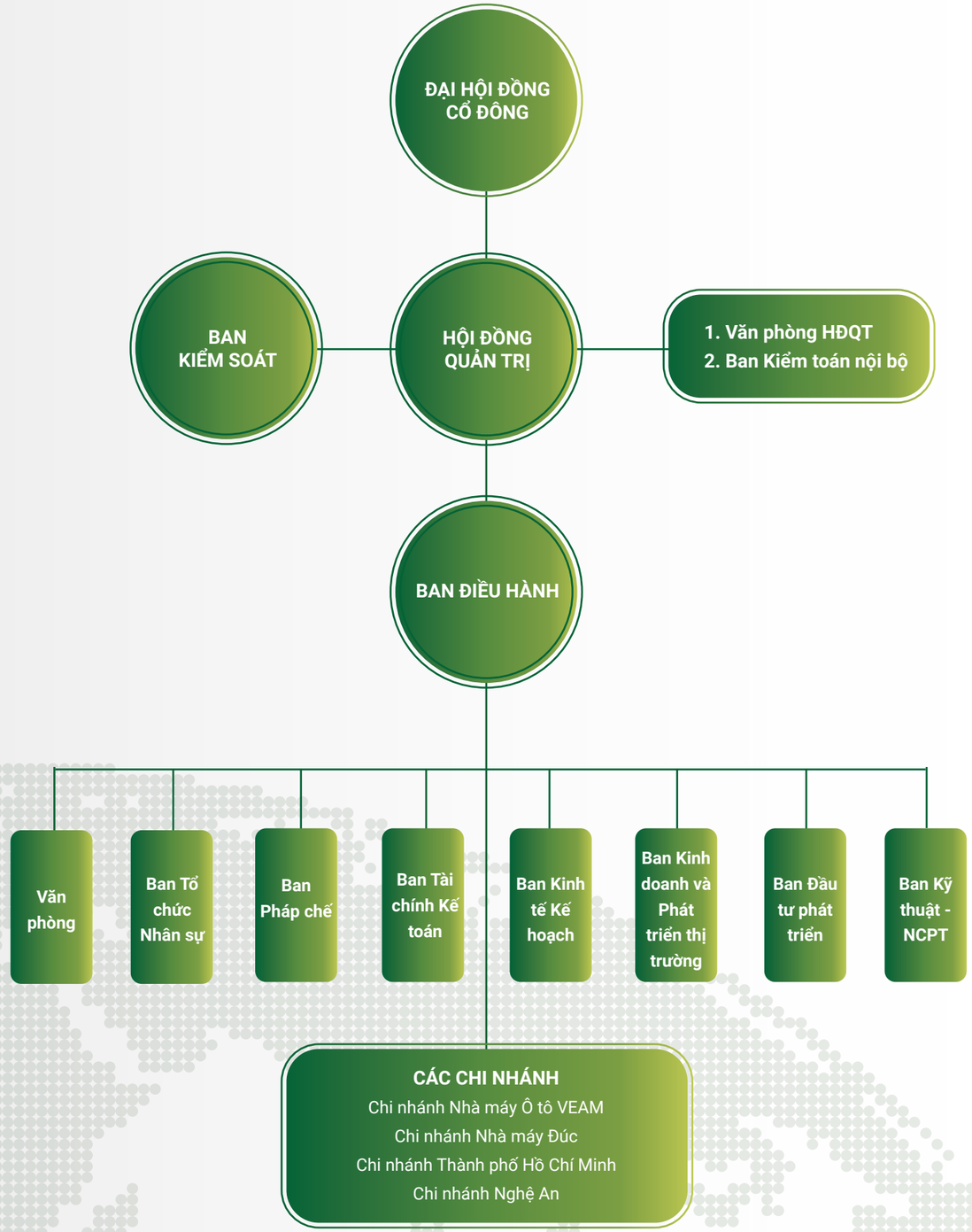

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

DANH SÁCH CÔNG TY CON

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Phường Bá Xuyên, Tỉnh Thái Nguyên	Công nghiệp hỗ trợ và máy nông nghiệp	1.490,0	100,00%
2	Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	Phường Hà Đông, TP. Hà Nội	Sản xuất kinh doanh máy nông nghiệp	151,5	100,00%
3	Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	Phường Tam Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất kinh doanh động cơ	110,7	100,00%
4	Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai	Sản xuất kinh doanh động cơ và máy nông nghiệp	347,0	100,00%
5	Viện Công nghệ	Vũ Ngọc Phan , TP. Hà Nội	Nghiên cứu công nghệ, sản phẩm đúc, nhiệt luyện	141,6	100,00%
6	Công ty CP Phụ tùng máy số 1	Phường Bá Xuyên, Tỉnh Thái Nguyên	Công nghiệp hỗ trợ cho các ngành xe máy, ô tô	70,8	55,00%
7	Công ty CP Cơ khí Phổ Yên	Phường Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên	Công nghiệp hỗ trợ cho các ngành xe máy, ô tô	37,0	51,00%
8	Công ty CP Cơ khí chính xác số 1	Xã Phú Nghĩa, TP. Hà Nội	Công nghiệp hỗ trợ cho ô tô và các sản phẩm khác	96,0	51,00%
9	Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ	Phường Nghĩa Đô, TP. Hà Nội	Khai thác mỏ, luyện kim, thương mại, dịch vụ vận tải	222,0	51,00%
10	Công ty CP Cơ khí Cổ Loa	Xã Thư Lâm, TP. Hà Nội	Sản xuất các sản phẩm cơ khí	6,0	53,60%
11	Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội	Dịch vụ vận tải, kinh doanh thương mạ	12,5	51,00%
12	Công ty VEAM Korea	Daegu, Korea	Kinh doanh thương mại	17,3	89,00%

DANH SÁCH CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty Honda VN	Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ	Sản xuất kinh doanh xe máy, ô tô	1.190,8	30,00%
2	Công ty Toyota VN	Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ	Sản xuất kinh doanh ô tô	752,2	20,00%
3	Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto	Xã Đông Anh, TP. Hà Nội	Sản xuất kinh doanh ô tô		18,00%
4	Công ty CP Cơ khí Vinh	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	Sản xuất các sản phẩm cơ khí	8,6	49,00%
5	Công ty CP NAKYCO	Phường Tân Sơn Nhì, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các sản phẩm cơ khí	8,2	49,00%
6	Công ty CP Cơ khí An Giang	Phường Bình Đức, Tỉnh An Giang	Sản xuất, kinh doanh máy nông nghiệp	32,9	47,40%
7	Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ	Phường Tây Hồ, TP. Hà Nội	Cung cấp dịch vụ văn phòng	31,1	29,00%
8	Công ty KUMBA	Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các linh kiện cơ khí		2,22%
9	Công ty CP MATEXIM Hải Phòng	Phường Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	Kinh doanh vật tư thiết bị, vận tải	150,0	19,50%

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông NGÔ KHẢI HOÀN
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh	1979
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	
• **Đại diện sở hữu của Bộ Công Thương**	225.896.000 cổ phần chiếm 21,47% vốn điều lệ
• **Cá nhân sở hữu**	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác

8/2002 - 6/2007	Chuyên viên Vụ Thị trường Châu Phi - Tây Á - Nam Á, Bộ Thương mại.
6/2007 - 3/2011	Tùy viên Thương mại Thương vụ Việt Nam tại Dubai, Đại sứ quán Việt Nam tại Các Tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất (UAE).
3/2011 - 10/2014	Tham tán Thương mại Thương vụ Việt Nam tại Dubai, Đại sứ quán Việt Nam tại Các Tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất (UAE).
10/2014 - 03/2015	Chuyên viên Vụ Thị trường Châu Phi - Tây Á - Nam Á, Bộ Công Thương.
4/2015 - 02/2016	Trưởng phòng, Phòng Nam Á Vụ Thị trường Châu Phi - Tây Á - Nam Á, Bộ Công Thương.
02/2016 - 8/2017	Phó Vụ trưởng Vụ Thị trường Châu Phi - T ây Á - Nam Á, Bộ Công Thương.
8/2017 - 4/2019	Phó Vụ trưởng Vụ Thị trường Châu Á - Châu Phi, Bộ Công Thương.
4/2019 - 6/2024	Phó Cục trưởng Cục Công nghiệp, Bộ Công Thương.
20/6/2024 - nay	Người đại diện phần vốn Nhà nước tại VEAM, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

Ông NGUYỄN HOÀNG GIANG
Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Năm sinh	1972
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	
• **Đại diện sở hữu của Bộ Công Thương**	225.896.000 cổ phần chiếm 17% vốn điều lệ
• **Cá nhân sở hữu**	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác

3/1995 - 5/2005	Chuyên viên Phòng Công nghệ, Đầu tư xây dựng cơ bản - Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam.
6/2005 - 03/2006	Ban quản lý dự án - Cục Xúc tiến thương mại - Bộ Thương mại.
4/2006 - 6/2007	Chuyên viên Vụ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Thương mại.
7/2007 - 6/2010	Chuyên viên Vụ Kế hoạch - Bộ Công Thương.
6/2010 - 6/2014	Trưởng phòng Đầu tư Vụ Kế hoạch - Bộ Công Thương.
6/2014 - 6/2024	Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch nay là Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp - Bộ Công Thương .
20/6/2024 - nay	Người đại diện phần vốn Nhà nước tại VEAM, Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

Bà NGUYỄN THỊ HOA
Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	1977
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	
• **Đại diện sở hữu của Bộ Công Thương**	199.320.000 cổ phần chiếm 15% vốn điều lệ
• **Cá nhân sở hữu**	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác

9/1999 - 01/2003	Kế toán trưởng Công ty TNHH Đại Minh, Hà Nội.
02/2003 - 7/2008	Cán bộ tín dụng Phòng Tín dụng 2, BIDV - Chi nhánh Hà Nội.
8/2008 - 10/2010	Chuyên viên Quan hệ khách hàng (QHKH), Phòng QHKH 3, BIDV-Chi nhánh Hà Nội.
11/2010 - 8/2012	Chuyên viên QHKH, Phòng QHKH 2, Ban QHKH, BIDV.
8/2012 - 01/2015	Phó Trưởng phòng, Ban QHKH, BIDV.
02/2015 - 03/2016	Trưởng phòng Khách hàng lớn, Ban Khách hàng doanh nghiệp lớn, BIDV.
03/2016 - 7/2017	Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ thực hiện nhiệm vụ chuyên trách tại Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Bộ Công Thương
7/2017 - 8/2017	Phụ trách bộ phận thường trực Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Bộ Công Thương.
8/2017 - 11/2022	Phó Vụ trưởng, Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp, Bộ Công Thương.
12/2022 - 6/2024	Phó Vụ trưởng, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Công Thương.
20/6/2024 - nay	Người đại diện phần vốn Nhà nước tại VEAM, Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

Bà TRẦN THỊ NGUYỆT
Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	1977
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân
Chức vụ tại tổ chức khác	+ Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội; + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Intimex Việt Nam; + Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội; + Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cung ứng Dịch vụ Tổng hợp Thịnh Nguyên; + Giám đốc Công ty Luật TNHH SLCC; + Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cho thuê máy bay Việt Nam.
Tổng số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác

2001 - nay	Đoàn Luật sư TP. Hà Nội.
6/2016 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội.
11/2018 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Intimex Việt Nam.
12/2019 - nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội.
8/2021 - nay	Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cung ứng Dịch vụ Tổng hợp Thịnh Nguyên.
01/2023 - nay	Giám đốc Công ty Luật TNHH SLCC.
10/2023 - nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cho thuê máy bay Việt Nam.
6/2024 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

Ông NGÔ QUANG TRUNG
Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	1965
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	
• **Đại diện sở hữu của Bộ Công Thương**	199.320.000 cổ phần chiếm 15% vốn điều lệ
• **Cá nhân sở hữu**	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác

02/1984 - 03/1987	Đi bộ đội, chiến sĩ tại D5, E50, F350 Quân khu III.
5/1987 - 5/1989	Công tác tại Xí nghiệp Vật tư xây dựng Việt Trì - Bộ Xây dựng.
6/1989 - 10/1996	Công tác tại Xí nghiệp Giầy da xuất khẩu Việt Trì.
11/1996 - 03/1999	Chuyên viên, Sở Công nghiệp Vĩnh Phú (sau là Sở Công nghiệp Vĩnh Phúc).
9/1999 - 9/2004	Phó Trưởng phòng, sau là Chánh Văn phòng, Sở Công nghiệp Vĩnh Phúc.
9/2004 - 10/2006	Giám đốc Trung tâm Khuyến công, Sở Công nghiệp Vĩnh Phúc.
10/2006 - 5/2008	Phó Giám đốc Sở Công nghiệp Vĩnh Phúc.
5/2008 - 03/2009	Phó Giám đốc Sở Công Thương Vĩnh Phúc.
03/2009 - 9/2015	Phó Cục trưởng Cục Công nghiệp địa phương
10/2015 - 8/2017	Cục trưởng Cục Công nghiệp địa phương
8/2017 - 10/2017	Phụ trách Cục Công Thương địa phương
10/2017 - 02/2025	Cục trưởng Cục Công Thương địa phương
25/4/2025 - nay	Người đại diện phần vốn Nhà nước tại VEAM, Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

Ông NGUYỄN TIẾN VỴ
Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Năm sinh	1955
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ
Chức vụ tại tổ chức khác	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (SABECO)
Tổng số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác

8/1972 - 12/1976	Bộ đội.
12/1976 - 10/1981	Sinh viên Đại học Tổng hợp Hà Nội.
10/1981- 4/1983	Cán bộ Thư viện Đại học Tổng hợp Hà Nội.
5/1983 - 4/1988	Cán bộ giáo vụ; Phó Bí thư Đoàn Trường Quản lý xí nghiệp Bộ Công nghiệp nhẹ.
5/1988 - 4/1990	Chuyên viên Trung tâm Thông tin Kinh tế và Khoa học kỹ thuật Công nghiệp nhẹ.
5/1990 - 10/1995	Chuyên viên; Phó Trưởng phòng; Trưởng phòng Hành chính Pháp chế Văn phòng Bộ Công nghiệp nhẹ.
11/1995 - 02/1998	Trưởng phòng Hành chính Văn phòng Bộ Công nghiệp
02/1998 - 03/2000	Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế Bộ Công nghiệp.
4/2000 - 03/2007	Vụ trưởng Vụ Pháp chế Bộ Công nghiệp.
4/2007 - 8/2007	Chánh Văn phòng Bộ Công nghiệp.
8/2007 - 03/2011	Chánh Văn phòng Bộ Công Thương.
03/2011 - 11/2015	Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Bộ Công Thương.
4/2000 - 03/2007 và 03/2011 - 11/2015	Thành viên Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Bộ Công Thương.
4/2016 - nay	Luật sư Đoàn Luật sư Thành phố Hà nội.
01/2006 - 12/2010	Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Thiết bị Điện Việt Nam.
01/2011 - 4/2016	Cố vấn Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam (GELEX).
01/2016 - 4/2021	Phó Chủ tịch Hiệp hội Bia - Rượu - Nước giải khát Việt Nam
9/2017 - 12/2019	Chủ tịch Diễn đàn Uống có Trách nhiệm Việt Nam.
4/2021 - nay	Ủy viên Thường vụ Hiệp hội Bia - Rượu - Nước giải khát Việt Nam.
7/2018 - nay	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn.
6/2019 - nay	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

BAN KIỂM SOÁT

Bà NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN
Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh	1978
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác

12/2001- 8/2008	Kế toán tổng hợp, Phòng Kinh tế - Tài chính Viện Công nghệ.
9/2008 - 12/2008	Kế toán trưởng Công ty CP FLC.
01/2009 - 12/2010	Kế toán tổng hợp, Phòng Kinh tế - Tài chính Viện Công nghệ.
01/2011 -12/2015	Phó Trưởng phòng Kinh tế - Tài chính Viện Công nghệ.
01/2016 - 5/2018	Trưởng phòng Kinh tế - Tài chính Viện Công nghệ.
11/2016 - 5/2018	Kế toán trưởng Viện Công nghệ.
6/2018 - 02/2019	Phó Trưởng phòng Kế toán - Tài chính, VEAM.
03/2019 - 6/2022	Phó Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị - VEAM.
6/2019 - 9/2021	Kiểm soát viên tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo.
6/2019 - 9/2022	Kiểm soát viên tại Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp.
5/2021 - 11/2022	Người đại diện vốn VEAM, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cơ khí Chính xác số 1.
24/6/2022 - nay	Trưởng Ban kiểm soát VEAM.

Bà NGUYỄN THỊ DIÊN
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh	1980
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác

8/2002 - 12/2016	Chuyên viên Phòng Tài chính kế toán Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam.
01/2017 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

Bà LÊ THỊ THANH BÌNH
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh	1975
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân
Chức vụ tại tổ chức khác	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, Người được UQ CBTT, Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean
Tổng số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác

/9/1996 - 12/1998	Chuyên viên Ngân hàng VID Public Bank Hà Nội.
01/1999 - 10/2008	Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế toán Ngân hàng Tokyo Mitsubishi UFJ.
03/2015 - 8/2021	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dịch vụ Du lịch Đường sắt Hà Nội.
5/01/2009 - nay	Quyền Tổng giám đốc, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Asean.
10/6/2015 - nay	Người được ủy quyền công bố thông tin Công ty cổ phần Chứng khoán Asean.
4/2015 - nay	Thành viên HĐQT, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần chứng khoán Asean.
01/2017 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.
12/2023 - nay	Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean.

BAN ĐIỀU HÀNH

Ông LÊ MINH QUY
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	1971
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng; Cử nhân QTKD
Chức vụ tại tổ chức khác	Thành viên HĐTV Công ty Honda Việt Nam
Tổng số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác

6/1994 - 01/2002	Kỹ sư, Phòng Thiết kế công trình, Phòng Kế hoạch và Quản lý dự án Công ty Tư vấn Đầu tư phát triển và Xây dựng (Công ty THIKECO).
02/2002 - 5/2003	Phó Trưởng phòng, Phòng Kế hoạch và Quản lý dự án Công ty THIKECO.
6/2003 - 5/2007	Kỹ sư, VPTH VEAM; Trưởng phòng, Phòng Quản lý xây dựng Nhà máy ô tô VEAM.
6/2007 - 9/2013	Trưởng phòng XDCB VEAM; Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ.
10/2013 - 01/2017	Trưởng phòng, Phòng Quản lý XDCB VEAM; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM; Giám đốc Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ.
02/2017 - 9/2018	Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị VEAM; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM.
10/2018 - 9/2019	Người phụ trách quản trị VEAM; Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị VEAM; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM.
10/2019 - 5/2020	Phó Tổng Giám đốc VEAM; Người đại diện vốn, Thành viên HĐTV Công ty Honda Việt Nam; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM.
6/2020 - 6/2022	Phó Tổng Giám đốc VEAM; Người đại diện vốn, Thành viên HĐTV Công ty Honda Việt Nam.
6/2022-6/2025	Phó Tổng Giám đốc VEAM; Người đại diện vốn, Thành viên HĐTV Công ty Honda Việt Nam; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ.
6/2025 - nay	Phó Tổng Giám đốc VEAM; Người đại diện vốn, Thành viên HĐTV Công ty Honda Việt Nam.

Ông PHẠM ANH TUẤN
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	1978
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Tiến sĩ Kinh tế Quốc tế
Chức vụ tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam
Tổng số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác

6/2006 - 6/2010	Chuyên viên Vụ Chính sách thương mại đa biên, Bộ Công Thương
7/2010 - 5/2011	Chuyên viên Vụ Thị trường Châu Âu, Bộ Công Thương
5/2011 - 7/2011	Chuyên viên Văn phòng Bộ Công Thương
7/2011 - 8/2012	Phó Trưởng phòng Tổng hợp, Văn phòng Bộ Công Thương
8/2012 - 4/2019	Hàm Trưởng phòng Tổng hợp, Văn phòng Bộ Công Thương
4/2019 - 3/2023	Chánh Văn phòng Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng, Bộ Công Thương
3/2023 4/2023	Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM)
4/2023 - 12/2023	Người đại diện phần vốn Nhà nước tại VEAM, Phó Tổng Giám đốc VEAM
12/2023 - nay	Người đại diện phần vốn Nhà nước tại VEAM, Phó Tổng Giám đốc VEAM, Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam

Ông LÊ CÔNG HOÀNG
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	1979
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh tế
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	
• **Đại diện sở hữu của Bộ Công Thương**	132.880.000 cổ phần chiếm 10% vốn điều lệ
• **Cá nhân sở hữu**	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác

9/2001 - 9/2003	Chuyên viên Sở Ngoại Vụ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
9/2003- 9/2006	Học viên Cao học Trường Đại học Giao thông Đường sắt Quốc gia Matxcova - Liên Bang Nga.
9/2006 - 9/2010	Giảng viên Khoa Vận tải tài chính kinh tế, Trường Đại học Giao thông vận tải Hà Nội.
9/2010 -6/2013	Công chức Vụ Công nghiệp nhẹ, Bộ Công Thương.
6/2016 - 8/2017	Trưởng phòng Phòng Công nghiệp tiêu dùng, Vụ Công nghiệp nhẹ - Bộ Công Thương.
9/2017 - 10/2018	Công chức - Phụ trách Phòng Công nghiệp Chế biến, chế tạo, Cục Công nghiệp, Bộ Công Thương.
11/2018 - 3/2021	Phó Viện trưởng Viện Công nghiệp Giấy và Xenluylo, Bộ Công Thương.
3/2021 - 9/2022	Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng công ty Giấy Việt Nam.
9/2022 - 7/2023	Thành viên Hội đồng thành viên; Quyền Tổng Giám đốc, Tổng công ty Giấy Việt Nam.
7/2023 - 8/2025	Thành viên Hội đồng thành viên; Tổng Giám đốc, Tổng công ty Giấy Việt Nam.
8/2025 - nay	Người đại diện phần vốn Nhà nước tại VEAM, Phó Tổng Giám đốc VEAM.

Ông VŨ PHONG HẢI
Phụ trách kế toán

Năm sinh	1982
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ kinh tế
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác

7/2005 - 10/2008	Kế toán tại Ban quản lý dự án Nhà máy ô tô VEAM Thanh Hóa.
11/2008 - 02/2019	Làm việc tại Nhà máy ô tô VEAM, trải qua các vị trí công tác: Trưởng Bộ phận Thống kê Kế toán; Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán; Phó Trưởng phòng Kế hoạch điều độ; Trưởng phòng Tài chính Kế toán; Trưởng phòng Thị trường; Phó Trưởng phòng Thị trường Kinh doanh.
03/2019 - 9/2019	Phụ trách kế toán - Công ty TNHH Liên doanh Phân bón Hữu Nghị.
9/2019 - 04/9/2022	Kế toán trưởng Nhà máy ô tô VEAM - Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.
05/9/2022 - 09/6/2024	Phó Giám đốc Nhà máy ô tô VEAM.
10/06/2024 - nay	Phụ trách kế toán VEAM

VỊ THẾ CÔNG TY

VỊ THẾ

VEAM định hướng trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất cơ khí, tập trung vào các ngành trọng điểm gồm: máy động lực, máy nông nghiệp, công nghiệp hỗ trợ và ô tô thương mại. Đồng thời, Tổng công ty hướng tới nâng cao vị thế trong khu vực ASEAN thông qua việc mở rộng quy mô, nâng cao năng lực công nghệ và tăng cường hội nhập chuỗi giá trị toàn cầu.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Trong năm 2025, VEAM tiếp tục tập trung phát triển các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, bao gồm: động cơ và máy nông nghiệp; ô tô - xe máy; công nghiệp hỗ trợ. Tổng công ty định hướng duy trì tăng trưởng ổn định, nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, đồng thời tối ưu hóa lợi ích cho cổ đông.

1

QUY MÔ

Tiếp tục củng cố vị thế Tổng công ty theo hướng quy mô lớn, quản trị hiện đại, chuyên môn hóa cao theo ngành nghề kinh doanh chính; nâng cao năng lực quản trị theo chuẩn mực quốc tế.

2

NHÂN SỰ

Phát triển đội ngũ nhân sự chất lượng cao, chú trọng đào tạo chuyên môn, kỹ năng quản trị và đổi mới sáng tạo. Xây dựng cơ chế thu hút và giữ chân nhân tài phù hợp với cơ chế thị trường.

3

THỊ TRƯỜNG

Mở rộng thị trường trong nước và quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển thương hiệu VEAM gắn với các sản phẩm chủ lực. Tăng cường hợp tác chiến lược và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

4

NĂNG LỰC SẢN XUẤT

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đầu tư đổi mới thiết bị và tối ưu hóa quy trình sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả hoạt động. Tăng cường năng lực tài chính, đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Về năng lực cạnh tranh

Nâng cao năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực chế tạo máy nông nghiệp, công nghiệp hỗ trợ bằng cách đầu tư phát triển nguồn nhân lực, đầu tư năng lực thiết bị, công nghệ, phát triển sản phẩm chủ lực có tính trọng tâm nhằm chiếm thị phần tương xứng trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu.

Về thị trường

Tích cực tham gia các chuỗi cung ứng toàn cầu trong lĩnh vực xe máy, ô tô và nhiều loại máy móc công nghiệp khác. Tăng cường hợp tác quốc tế và nội địa hóa đối với sản phẩm ô tô tải do VEAM sản xuất.

Về tái cấu trúc

Tái cơ cấu Công ty mẹ, các công ty con theo hướng tăng cường công tác quản trị, khai thác năng lực, thế mạnh của các đơn vị và thoái vốn tại các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả thấp.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

VEAM định hướng phát triển bền vững dựa trên việc phát triển đồng thời các yếu tố thị trường, nhân lực, công nghệ, sản phẩm. Tổng công ty tăng cường xây dựng uy tín, là một thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng doanh nghiệp.

CÁC RỦI RO

RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG KINH TẾ VĨ MÔ

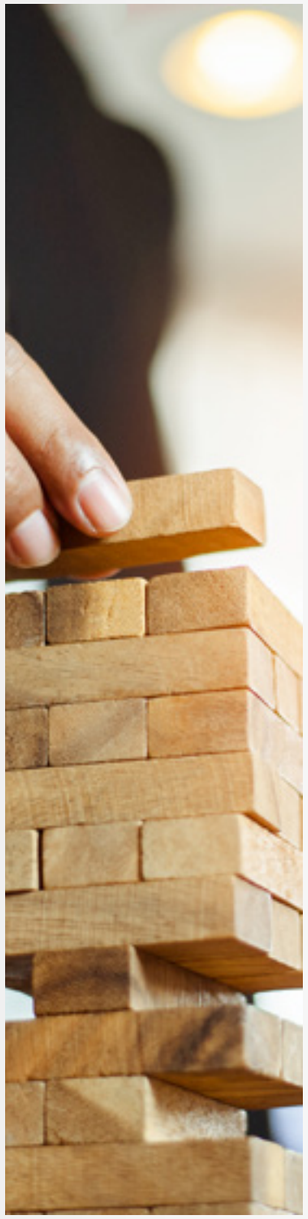

Rủi ro từ yếu tố địa chính trị và thương mại

Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc, các biện pháp phòng vệ thương mại, bảo hộ hàng nội địa… có thể làm giảm tăng trưởng thương mại toàn cầu, gây gián đoạn chuỗi cung ứng. Các chính sách thuế quan của chính phủ Mỹ như thuế đối ứng, thuế phụ thu đối với hàng hoá nhập khẩu vào Mỹ vẫn sẽ tiếp tục tác động mạnh đến doanh nghiệp xuất khẩu.Các biến động vĩ mô khác như lạm phát, thay đổi chính sách tài khoá, tiền tệ tại Mỹ, Trung Quốc, các quốc gia trong khối EU có thể làm giảm triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2026.

Rủi ro về lạm phát và tỷ giá

Áp lực lạm phát cao: Xung đột và mâu thuẫn địa chính trị giữa các quốc gia chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, đặc biệt là tại một số khu vực có nguồn cung năng lượng lớn, khiến giá mặt hàng năng lượng, nhiên liệu sẽ còn nhiều biến động mạnh, làm gia tăng chi phí đầu vào cho doanh nghiệp như chi phí vận tải, logistics… Giá cả hàng hóa, nguyên liệu nhập khẩu và chi phí sản xuất tăng có thể đẩy lạm phát lên cao, gây sức ép lên thu nhập thực tế của người dân và doanh nghiệp.

Biến động tỷ giá USD/VND: VND có xu hướng giảm giá trị so với USD do tác động từ dòng vốn đầu tư, chính sách tiền tệ của các nước lớn (Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản). Điều này làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên vật liệu và tác động đến lạm phát.

Rủi ro từ chính sách

Sự thay đổi trong chính sách thuế và đầu tư: Nếu chính sách thuế hoặc ưu đãi đầu tư thay đổi theo hướng bất lợi có thể ảnh hưởng xấu đến môi trường kinh doanh của doanh nghiệp.

Hiệu quả quản lý nhà nước: Việt Nam đang từng bước cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư, nhưng vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề như trùng lặp, chồng chéo trong văn bản pháp luật, thủ tục hành chính.

Rủi ro từ biến đổi khí hậu và môi trường

Thiên tai và biến đổi khí hậu: Việt Nam là một trong những nước chịu ảnh hưởng lớn do tác động từ biến đổi khí hậu, với nguy cơ lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn tác động đến nông nghiệp và sản xuất.

Áp lực về chuyển đổi năng lượng: Việt Nam đang thực hiện cam kết giảm phát thải theo các thỏa thuận quốc tế, nhưng quá trình chuyển đổi sang năng lượng tái tạo đòi hỏi nguồn vốn lớn và cần một lộ trình dài hạn.

RỦI RO TRONG NGÀNH CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ VIỆT NAM (CNPT)

Rủi ro về tăng trưởng kinh tế và nhu cầu thị trường

Sự phụ thuộc vào doanh nghiệp FDI: Phần lớn các doanh nghiệp CNPT Việt Nam là nhà cung ứng cấp 2, cấp 3 cho các doanh nghiệp FDI lớn như Samsung, Toyota, Honda... Nếu các tập đoàn này dịch chuyển sản xuất sang nước khác hoặc hoạt động sản xuất bị suy giảm, ngành CNPT trong nước sẽ bị ảnh hưởng nặng nề.

Suy giảm nhu cầu linh kiện, phụ tùng trên thế giới: Do ngành CNPT Việt Nam phụ thuộc nhiều vào các tập đoàn FDI, nên khi xuất hiện những biến động về vĩ mô như kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, nhu cầu linh kiện, phụ tùng từ các doanh nghiệp FDI có thể giảm, gây ảnh hưởng lớn đến doanh nghiệp trong nước.

Cạnh tranh từ các nước khác: Việt Nam phải cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp đến từ các quốc gia lân cận có ngành CNPT phát triển, năng lực công nghệ cao như Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Trung Quốc; ngoài ra một số quốc gia có chi phí lao động thấp cũng đang đổi mới công nghệ, dần bắt kịp với trình độ sản xuất của Việt Nam, điều này khiến các doanh nghiệp trong nước khó mở rộng thị phần.

RỦI RO TRONG NGÀNH CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ VIỆT NAM (TIẾP)

Rủi ro về tài chính và đầu tư

Hạn chế về tiếp cận vốn và công nghệ: Doanh nghiệp CNPT trong nước chủ yếu là các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, khó tiếp cận được những nguồn vốn vay dài hạn với lãi suất ưu đãi để đầu tư đổi mới công nghệ. Điều này khiến các doanh nghiệp khó nâng cao năng lực cạnh tranh.

Chi phí sản xuất tăng, làm tăng giá thành sản phẩm: Giá nguyên vật liệu nhập khẩu, chi phí vận tải, logistics ngày càng tăng do biến động về giá năng lượng thế giới, trong bối cảnh doanh nghiệp Việt Nam vẫn phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu, gây ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm, làm giảm khả năng cạnh tranh.

Rủi ro về chính sách và môi trường kinh doanh

Doanh nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận chính sách hỗ trợ: Mặc dù Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho doanh nghiệp CNPT như Nghị định 111/2015/NĐ-CP, Nghị định 205/2025/NĐ-CP, Thông tư 65/2025/TT-BCT, tuy nhiên nhiều doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn trong việc đáp ứng yêu cầu, chưa tiếp cận được các biện pháp hỗ trợ của Nhà Nước.

Thiếu sự kết nối với các doanh nghiệp quốc tế lớn: Nhiều doanh nghiệp CNPT trong nước chưa tham gia sâu được vào chuỗi cung ứng toàn cầu của các doanh nghiệp FDI do chưa đáp ứng được yêu cầu về năng lực sản xuất, tiêu chuẩn kỹ thuật cao từ phía đối tác.

Rủi ro từ xu hướng công nghệ và đổi mới sáng tạo

Chậm đổi mới công nghệ: Nhiều doanh nghiệp Việt vẫn sử dụng công nghệ lạc hậu, ứng dụng tự động hóa còn thấp, công nghệ sản xuất vẫn phụ thuộc nhiều vào lao động thủ công, trong khi các nước khác đã áp dụng AI, IoT, robot và sản xuất thông minh để tối ưu hoá sản xuất. Thiếu nhân lực kỹ thuật trình độ cao: Ngành công nghiệp Việt Nam đang thiếu vắng nhân lực có tay nghề, chuyên môn cao về cơ khí, tự động hóa, và công nghệ nông nghiệp.

Nhiều doanh nghiệp chưa chú trọng nguồn lực, đẩy mạnh đầu tư vào công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới (R&D), dẫn đến việc thua sút năng lực cạnh tranh so với các doanh nghiệp quốc tế.

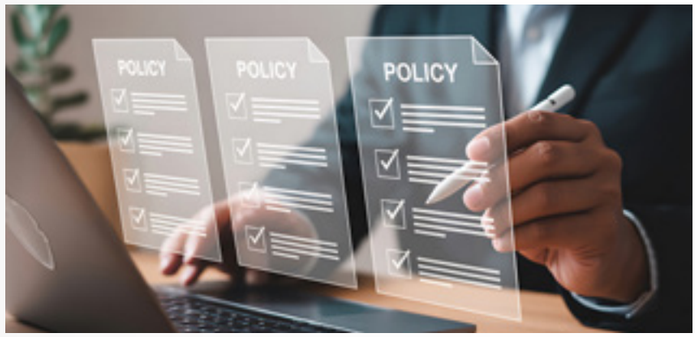

RỦI RO TRONG NGÀNH CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ VIỆT NAM (TIẾP)

Rủi ro từ biến đổi khí hậu và yêu cầu về phát triển bền vững

Áp lực về việc đáp ứng tiêu chuẩn bảo vệ môi trường: Các doanh nghiệp CNPT phải dần đổi mới công nghệ để đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường khắt khe hơn về sản xuất xanh, giảm lượng phát thải, kiểm định khí thải...trong khi phần lớn doanh nghiệp vẫn đang sử dụng công nghệ sản xuất cũ, tiêu tốn nhiều năng lượng; nguồn vốn và năng lực đổi mới của các doanh nghiệp còn nhiều hạn chế. Thiên tai và nguy cơ gây gián đoạn chuỗi cung ứng: Các yếu tố bất thường như thiên tai, bão lũ cực đoan, dịch bệnh có thể làm gián đoạn đến hoạt động sản xuất của doanh nghiệp và logistics của ngành.

Rủi ro về nhân sự và nhân sự kế thừa

Lao động ngành cơ khí, chế tạo máy là ngành lao động kỹ thuật nặng nhọc, thu nhập chưa cao nên khó thu hút được nguồn lao động chất lượng cao, có trình độ quản lý giỏi. Các chính sách về sử dụng nhân sự, thu hút nhân lực của các doanh nghiệp do nhà nước nắm cổ phần chi phối chưa kịp thời thay đổi để phù hợp với cơ chế thị trường; Biện pháp kiểm soát: nâng cao công tác đào tạo, hoàn thiện hệ thống quy định, quy chế tiền lương, chế độ, chính sách đãi ngộ đối với Người lao động.

Công ty mẹ gồm Văn phòng Công ty mẹ và 04 đơn vị trực thuộc, trong đó Nhà máy Ô tô VEAM và Nhà máy Đúc là đơn vị SKD trực tiếp với tổng số lao động gần 500 người.

RỦI RO TRONG NGÀNH CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ VIỆT NAM (TIẾP)

Rủi ro về cạnh tranh

Cả ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp (máy móc, thiết bị, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, hệ thống tưới tiêu, dịch vụ công nghệ nông nghiệp...) và ngành công nghiệp phụ trợ (sản xuất linh kiện, phụ tùng cho ô tô, điện tử, cơ khí...) đều đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, cả hai ngành này đều phải đối mặt với nhiều rủi ro cạnh tranh, ảnh hưởng đến khả năng phát triển bền vững.

1

Rủi ro cạnh tranh trong nước

Các thương hiệu nước ngoài như Kubota, Yanmar (Nhật Bản), John Deere (Mỹ), và các doanh nghiệp Trung Quốc có lợi thế về công nghệ và tài chính, tạo sức ép cạnh tranh lớn lên các doanh nghiệp Việt Nam.

Các thương hiệu quốc tế thường xuyên thay đổi, cải tiến mẫu mã sản phẩm, đưa ra nhiều chính sách khuyến mãi ưu đãi cho khách hàng, trong khi các doanh nghiệp trong nước chưa chú trọng đổi mới thường xuyên mẫu mã sản phẩm, chưa có nhiều chính sách để khuyến khích tiêu thụ sản phẩm.

2

Rủi ro cạnh tranh quốc tế

Chất lượng sản phẩm chưa đạt chuẩn quốc tế: Các nhà cung ứng Việt Nam vẫn gặp khó khăn trong việc đáp ứng tiêu chuẩn khắt khe của các doanh nghiệp FDI lớn.

Cạnh tranh với các nước lân cận: Việt Nam phải cạnh tranh với Thái Lan, Malaysia, Indonesia trong lĩnh vực sản xuất linh kiện ô tô, cơ khí, khiến các tập đoàn FDI có thể chọn đầu tư vào nước khác thay vì Việt Nam.

Chi phí vận tải, logistics còn cao so với khu vực, trong khi năng suất lao động vẫn ở mức thấp: Dù Việt Nam có lợi thế về chi phí lao động, nhưng chi phí nguyên vật liệu, logistics cao và năng suất lao động thấp vẫn là rào cản.

Sự phát triển mạnh mẽ của nông nghiệp & công nghiệp thông minh: Các nước đang đẩy mạnh áp dụng công nghệ AI, IoT, robot trong sản xuất, tạo khoảng cách lớn về năng suất và hiệu quả so với Việt Nam.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

03

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025	42
Tổ chức và nhân sự	45
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	46
Các công ty con, công ty liên kết	50
Tình hình tài chính	64
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	65

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

DOANH THU
3.603,4 TỶ ĐỒNG
TĂNG 3% SO VỚI 2024

DOANH THU
4.795,7 TỶ ĐỒNG
TĂNG 6% SO VỚI 2024

LNTT
7.833,5 TỶ ĐỒNG
TĂNG 11% SO VỚI 2024;
VƯỢT 15% KẾ HOẠCH NĂM

KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA CÔNG TY MẸ VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Trong bối cảnh kinh tế trong nước duy trì đà tăng trưởng tích cực nhưng phải đối mặt với áp lực chi phí đầu vào, cạnh tranh thị trường, Công ty mẹ và các đơn vị thành viên đã nỗ lực triển khai đồng bộ nhiều giải pháp về sản xuất, tiêu thụ, tài chính và quản trị. Nhờ đó, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 ước đạt mức khả quan, nhiều chỉ tiêu hoàn thành và vượt kế hoạch năm; cơ cấu sản phẩm tiếp tục có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, bám sát xu thế thị trường:

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CÔNG TY MẸ

(Đơn vị : Tỷ đồng)

Các chỉ tiêu chính	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	So sánh (%)	
				TH 2025/ TH 2024	TH 2025/ KH 2025
1	*2*	*3*	*4*	*5=4/2*	*6=4/3*
1. Tổng doanh thu	6.848,7	7.139,8	8.051,1	118%	113%
- Doanh thu thuần BH&CCDV	316,9	448,3	553,5	175%	123%
+ Sản xuất công nghiệp	*302,8*	*425,7*	*549,9*	*182%*	*129%*
+ Thương mại, dịch vụ	*14,1*	*22,6*	*3,6*	*26%*	*16%*
- Doanh thu tài chính	6.531,8	6.691,5	7.497,6	115%	112%
2. Lợi nhuận trước thuế	6.391,7	6.396,1	7.150,6	112%	112%
3. Lợi nhuân sau thuế	6.253,4	6.330,3	7.005,7	112%	111%

(Số liệu của Công ty mẹ theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán)

- Hoạt động sản xuất công nghiệp được thực hiện bởi các Chi nhánh Nhà máy Đúc và Nhà máy Ô tô.
- Hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ được thực hiện bởi Văn phòng Công ty mẹ và Chi nhánh Nghệ An.
- Hoạt động đầu tư tài chính bao gồm các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại các công ty con, công ty liên kết và đầu tư tài chính ngắn hạn.

Công ty mẹ tiếp tục duy trì hoạt động ổn định và hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu chính được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. Hiệu quả sản xuất công nghiệp tăng, doanh thu tài chính duy trì ở mức cao; cơ cấu doanh thu có sự thay đổi theo hướng giảm tỷ trọng thương mại - dịch vụ, tăng tỷ trọng sản xuất công nghiệp, phù hợp định hướng đã đề ra trong năm 2025:

Hoạt động sản xuất công nghiệp tăng mạnh trở lại chủ yếu nhờ vào sản lượng tiêu thụ ô tô tại VM, bao gồm cả hoạt động sản xuất mới cũng như tiêu thụ xe tồn.

Do Công ty mẹ chủ trương tạm dừng hoạt động kinh doanh vật tư, ưu tiên tập trung tiêu thụ xe tải Changan và máy kéo ISEKI tồn kho nên doanh thu thương mại, dịch vụ đạt khá thấp.

Doanh thu tài chính tăng 15% so với năm 2024 và vượt 12% kế hoạch năm nhờ hiệu quả từ HVN và việc công ty mẹ tối ưu dòng tiền, tối đa hóa doanh thu tiền gửi.

Lợi nhuận sau thuế hoàn thành vượt 12% mục tiêu được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. Kết quả này đã phản ánh hiệu quả từ việc tối ưu hóa nguồn vốn và danh mục đầu tư tài chính của Công ty mẹ.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CÔNG TY MẸ (TIẾP)

Trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động, kết quả năm 2025 cho thấy Công ty mẹ đã điều hành linh hoạt, kiểm soát tốt rủi ro và tối ưu hóa hoạt động tài chính, đồng thời từng bước giải quyết các vấn đề tồn đọng để nâng cao hiệu quả bền vững. Hoạt động SXKD của Công ty mẹ đã bám sát định hướng điều hành, đạt kết quả khả quan ở hai trụ cột: sản xuất công nghiệp và tài chính. Công ty mẹ tiếp tục thể hiện vai trò đầu tàu, vừa trực tiếp sản xuất, kinh doanh, vừa quản lý vốn đầu tư và kết nối các đơn vị thành viên.

Doanh thu hợp nhất sau thuế năm 2025 tăng 362 tỷ đồng, tương đương 8,82% so với cùng kỳ năm trước, làm tăng lợi nhuận gộp 60 tỷ đồng, tương ứng 9,60% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế năm 2025 giảm 212 tỷ đồng, tương đương 2,86% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do phần lãi từ công ty liên doanh liên kết giảm 100 tỷ đồng, tương ứng 1,48% so với cùng kỳ năm trước và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 208 tỷ đồng, tương ứng 43,76% so với cùng kỳ năm trước.

Các chỉ tiêu báo cáo tài chính hoạt động hợp nhất Công ty mẹ - công ty con năm 2025 như sau:

(Đơn vị : Tỷ đồng)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
1	Tổng tài sản	27.543,2	28.377,4
2	Vốn chủ sở hữu (400)	26.248,2	27.040,9
3	Doanh thu thuần BH và CCDV	4.103,4	4.465,5
4	Giá vốn hàng bán	3.477,8	3.779,8
5	Lợi nhuận gộp	625,7	685,7
6	Doanh thu hoạt động tài chính	857,6	930,9
7	Chi phí tài chính	7,2	5,7
8	Phần lãi/lỗ từ công ty LD, LK	6.729,7	6.630,1
9	Chi phí bán hàng	88,5	98,7
10	Chi phí quản lý DN	486,7	694,7
11	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	7.630,6	7.447,6
12	Lợi nhuận khác	-4,3	-23,2
13	Lợi nhuận trước thuế	7.626,3	7.424,4
14	Lợi nhuận sau thuế	7.431,7	7.219,4

(Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán)

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2025

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, Hội đồng quản trị VEAM đã ban hành Quyết định số 39/QĐ-HĐQT về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Lê Công Hoàng kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2025.

SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ CÔNG TY MẸ

TT	Tiêu chí	Số lượng 2024 (người)	Năm 2025	
			Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	**Theo trình độ lao động**	**650**	**623**	
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	266	251	40,29%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	99	105	16,85%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	84	128	20,55%
4	Lao động phổ thông	201	139	22,31%
II	**Theo đối tượng lao động**	**650**	**623**	
1	Lao động trực tiếp	285	267	42,86%
2	Lao động gián tiếp	365	356	57,14%
III	**Theo giới tính**	**650**	**623**	
1	Nam	468	440	70,63%
2	Nữ	182	183	29,37%
IV	**Theo thời hạn HĐLĐ**	**650**	**623**	
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	0	3	0,48%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	106	73	11,72%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	544	547	87,80%
V	**Theo độ tuổi**	**650**	**623**	
1	Từ 18 đến 25 tuổi	23	24	3,85%
2	Từ 26 đến 35 tuổi	109	87	13,96%
3	Từ 36 đến 45 tuổi	328	300	48,15%
4	Trên 45	190	212	34,03%

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiền gửi có kỳ hạn tại Văn phòng Công ty mẹ). Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025, lãi suất tiền gửi ngân hàng là 6,6% là do tác động khởi sắc của nền kinh tế, các ngân hàng đẩy mạnh việc giải ngân tín dụng. Cuối năm 2025, các ngân hàng bắt đầu tăng nhẹ lãi suất huy động vốn.

Kỳ hạn (tháng)	31/12/2024		31/12/2025	
	Số tiền (tỷ đồng)	Lãi suất/năm	Số tiền (tỷ đồng)	Lãi suất/năm
12	11.860,00	4,2% - 5,45%	12.299,00	4,5% - 6,6%
Tổng	**11.860,00**		**12.299,00**	

Đầu tư tài chính dài hạn

Trong năm 2025, Đầu tư tài chính dài hạn không có biến động về giá trị đầu tư, chỉ phát sinh trích lập/hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

Khoản đầu tư tại các công ty liên doanh có vốn nước ngoài đạt hiệu quả cao nhất, đầu tư tại các công ty hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ có lãi khá cao, đầu tư tại các công ty hoạt động trong lĩnh vực máy nông nghiệp đã có lãi, tuy nhiên còn thấp do khó khăn chung của thị trường máy nông nghiệp.

2 ĐẦU TƯ DỰ ÁN/HẠNG MỤC

Kế hoạch đầu tư năm 2025 của toàn Tổng công ty dự kiến được duyệt và kế hoạch giải ngân năm 2025

192,445 TỶ ĐỒNG

Giá trị xây lắp
35,063 tỷ đồng

Giá trị thiết bị
142,73 tỷ đồng

Khác
14,562 tỷ đồng

Thực hiện đầu tư năm 2025

132,915 TỶ ĐỒNG

~ 69% kế hoạch năm 2025
~ 195% so với năm 2024

Công ty mẹ
10,186 tỷ đồng

- VP Công ty mẹ **1,611 tỷ đồng**
- VF **7,909 tỷ đồng**
- VM **0,666 tỷ đồng**

Công ty con
122,729 tỷ đồng

2

ĐẦU TƯ DỰ ÁN/HẠNG MỤC

Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công

DISOCO

Giá trị thực hiện

40,11 TỶ ĐỒNG

Hoàn thành 12 hạng mục (07/11 hạng mục chuyển tiếp và 05/08 hạng mục đầu tư mới). Các hạng mục xây dựng hoàn thành đáp ứng mục tiêu theo quy mô theo kế hoạch được duyệt, các thiết bị mua sắm được bàn giao đưa vào sử dụng ngay có thông số kỹ thuật, công suất đảm bảo bằng hoặc cao hơn kế hoạch được phê duyệt.

Tổng số hạng mục thực hiện dở dang xin chuyển tiếp sang năm 2026

04 hạng mục hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, quyết toán A-B xong trong năm 2025 (Hệ thống PCCC, Mua 01 lò nấu gang trung tần 1 tấn, Máy phun bi treo, xe nâng hàng 02 tấn). **Ước giá trị thực hiện năm 2025 là 25,473 tỷ đồng.** Năm 2026, thực hiện việc kiểm toán quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành và thanh toán cho nhà thầu với giá trị là 0,158 tỷ đồng.

02 hạng mục đầu tư mới đang thực hiện chưa xong xin chuyển tiếp sang năm 2026 (Hoàn thiện hệ thống PCCC; Hệ thống hút lọc bụi các lò điện trung tần và hệ thống hút lọc bụi buồng nhúng sơn bán tự động). Giá trị thực hiện năm 2025 là 0,835 tỷ đồng. **Giá trị chuyển tiếp sang thực hiện 2026 là 5,825 tỷ đồng.**

Tổng số hạng mục chưa triển khai thực hiện, không có kế hoạch chuyển tiếp sang năm 2026: 01 hạng mục (Xây mới phòng họp).

Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo

Giá trị thực hiện

6,464 TỶ ĐỒNG

Đang thực hiện đầu tư Hạng mục PCCC bổ sung thuộc Dự án "Di chuyển và xây mới Công ty THĐ", **giá trị thực hiện trong năm đạt 4,036 tỷ đồng**. Dự kiến hoàn thành tháng 4/2026.

Các hạng mục đầu tư mới năm 2025 Công ty THĐ đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. **Giá trị thực hiện năm 2025 là 2,425 tỷ đồng.**

Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp

TAMAC

Giá trị thực hiện

1,088 TỶ ĐỒNG

Trong năm 2025, TAMAC triển khai hạng mục đầu tư Sửa chữa, cải tạo nâng nền, thay mái phân xưởng cơ khí ngành trục - bánh răng.

Công ty Cổ phần Phụ tùng Máy số 1

FUTU1

Giá trị thực hiện

41,624 TỶ ĐỒNG

Hoàn thành 21 hạng mục (bao gồm 10 hạng mục chuyển tiếp và 11 hạng mục đầu tư mới); hạng mục đã ký hợp đồng đang thực hiện dở dang: 02 hạng mục; hạng mục dừng, không triển khai đầu tư là 03 hạng mục.

Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM

VETRANCO

Giá trị thực hiện

3,23 TỶ ĐỒNG

Hoàn thành 01/01 hạng mục (hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng tháng 7/2025).

Viện Công nghệ

VCN

Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam

SVEAM

Giá trị thực hiện

11,989 TỶ ĐỒNG

Hoàn thành nghiệm thu bàn giao 02/04 hạng mục trong năm 2025; 02 hạng mục chưa hoàn thành, xin chuyển tiếp sang năm.

Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên

FOMECO

Giá trị thực hiện

17,897 TỶ ĐỒNG

Hoàn thành trong năm là 11 hạng mục, đang thực hiện dở dang 11 hạng mục, 01 hạng mục chưa triển khai thực hiện.

Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa

COLOAMEC

Giá trị thực hiện

0,33 TỶ ĐỒNG

Hoàn thành 01/01 hạng mục (hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng tháng 7/2025).

VCN không phát sinh hoạt động đầu tư trong năm.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÁC CÔNG TY CON

Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công (DISOCO)

DISOCO tiếp tục duy trì giao dịch mua và bán với các đơn vị có vốn góp. Một số đơn vị có doanh thu tăng mạnh so với kế hoạch như SVEAM, CK THĐ, VCN. Nhìn chung, DISOCO tiếp tục là một trong những đơn vị sản xuất chủ lực của VEAM, duy trì tăng trưởng ổn định cả về quy mô và hiệu quả.

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Các chỉ tiêu chính	Thực hiện 2024	Năm 2025		Thực hiện 2025 so với	
		Kế hoạch	Thực hiện	TH 2024	KH 2025
1	*2*	*3*	*4*	*5=4/2*	*6=4/3*
1. Giá trị SXCN	801,5	821,0	880,1	110%	107%
2. Doanh thu BH và CCDV	816,8	838,0	909,1	111%	108%
3. Lợi nhuận trước thuế	472,8	208,0	443,4	93,7%	113%

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Xu hướng dịch chuyển đầu tư và chuỗi cung ứng từ Trung Quốc sang Việt Nam tiếp tục diễn ra mạnh mẽ, tạo điều kiện để DISOCO mở rộng khách hàng quốc tế tại Mỹ, Nhật Bản và EU. Nhờ đó, giá trị SXCN và doanh thu đều tăng 10% so với năm 2024 và đạt lần lượt 107%, 108% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận trước thuế mặc dù đạt 93,7% so với năm 2024 (nguyên nhân chính do lợi nhuận nhận từ FORD Việt Nam giảm) nhưng vẫn vượt 113% kế hoạch năm nhờ: (i) Kiểm soát tốt chi phí; (ii) Hoạt động SXKD FDI hiệu quả và đầu tư tài chính mang lại kết quả tích cực.

Hoạt động xuất khẩu & thị trường:

- Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 7,9 triệu USD, tăng 5% so với kế hoạch năm (tăng chủ yếu từ xuất khẩu tại chỗ và thị trường Nhật);
- Thị trường Mỹ suy giảm do cạnh tranh và dịch chuyển chuỗi cung ứng, chỉ đạt 70% so với cùng kỳ;
- Các đối tác THACO, JUKI, SCHAEFFLER, BONFIGLIOLI, SVEAM, TIPA, GEO-GEAR, VPIC, DONGIL, RUTHIMEX, KAIFA đánh giá cao năng lực hợp tác của DISOCO;
- Dự án tiêu biểu: KAIFA triển khai sản xuất phôi rèn Under Bracket (giao hàng từ 9/2025), đóng góp tăng doanh thu.

Kết quả theo sản phẩm:

- Hộp số: Tăng 21% so với năm 2024; Đạt 97% kế hoạch;
- Phụ tùng các loại: Tăng 17% so với năm 2024; Vượt 11% kế hoạch;
- Trục khuỷu xe máy: Tương đương năm 2024; Vượt 1% kế hoạch; Được đánh giá cao bởi các đối tác như HONDA, TOSHIBA, NAGAKAWA, SVC;
- Phát triển dự án: Hoàn thành chế thử nhiều dự án mới (HONDA Philippine, KAIA...); Tạo nền tảng tăng trưởng doanh thu các năm tiếp theo;

Nghiên cứu phát triển & cải tiến

- Chế thử thành công 276 sản phẩm mới, bao gồm: 27 sản phẩm THACO; 41 mã sản phẩm SVC và các sản phẩm khác: bản lề Hòa Phát, càng lái KAIFA, vỏ bơm Caclo...
- Các cải tiến nổi bật: Cải tiến dây chuyền đúc mẫu cháy, giảm phụ thuộc vào cẩu; Thay đổi thiết kế khuôn rèn (Bracket) giảm chi phí 44% – 55%; Thiết kế khuôn rèn thô và tinh 2 lòng hàng Móc kéo THACO làm tăng 2 lần tuổi thọ khuôn, giảm 50% chi phí khuôn/sản phẩm; Lắp 4 mâm cặp thủy lực gia công bánh răng HONDA Gear final, tăng năng suất 2,5 lần.

Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam (SVEAM)

Hoạt động SXKD năm 2025 của SVEAM cơ bản ổn định, các chỉ tiêu chủ yếu đạt kế hoạch đề ra. Công ty duy trì được sản lượng và doanh thu trong bối cảnh thị trường máy nông nghiệp cạnh tranh gay gắt và sức mua chưa phục hồi mạnh. Lợi nhuận tuy chưa bứt phá nhưng đảm bảo cân đối tài chính và duy trì hoạt động liên tục.

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Các chỉ tiêu chính	Thực hiện 2024	Năm 2025		Thực hiện 2025 so với	
		Kế hoạch	Thực hiện	TH 2024	KH 2025
1	*2*	*3*	*4*	*5=4/2*	*6=4/3*
1. Giá trị SXCN	313,4	256,1	265,2	85%	100%
2. Doanh thu BH và CCDV	402,3	362,0	363,9	90%	100%
3. Lợi nhuận trước thuế	11,1	11,2	11,3	102%	101%

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Năm 2025, SVEAM duy trì hoạt động SXKD ổn định trong bối cảnh thị trường truyền thống phục hồi chậm và xuất khẩu bị ảnh hưởng bởi bất ổn chính trị tại Myanmar và Indonesia;
- Giá trị SXCN: Đạt 265,2 tỷ đồng; bằng 100% kế hoạch; và bằng 85% so với năm 2024;
- Doanh thu bán hàng và CCDV: đạt 363,9 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch năm và bằng 90% năm 2024.
- Lợi nhuận trước thuế: Ước đạt 11,3 tỷ đồng, tăng 2% so với năm 2024 và đạt 101% kế hoạch năm.

Kết quả theo sản phẩm:

- Động cơ diesel phải chịu cạnh tranh mạnh từ hàng Trung Quốc (đặc biệt sản phẩm nhái RT của KUBOTA);
- Động cơ xăng, máy xay xát, phụ tùng các loại đều tăng so với năm 2024;
- Nhóm các sản phẩm bơm nước, ru lô cao su, máy phát điện đều tiêu thụ thấp hơn kỳ vọng, ảnh hưởng đến khả năng hoàn thành kế hoạch chung.

Hoạt động xuất khẩu & thị trường:

- Tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 5,6 triệu USD sụt giảm 19% so với năm 2024 và bằng 69% kế hoạch (trong đó: xuất khẩu hàng truyền thống ước đạt 3,5 triệu USD; xuất khẩu hàng phụ trợ ước khoảng 2,1 triệu USD).

Nghiên cứu phát triển & cải tiến

- Tập trung phát triển sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường: Động cơ điện 1 pha (1.1kW – 3.7kW); Động cơ diesel RV395; Động cơ RV365-2.

CÁC CÔNG TY CON (TIẾP)

Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp (TAMAC)

Dù thị trường tiêu thụ khó khăn, TAMAC vẫn hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và duy trì hoạt động ổn định. TAMAC đã kiểm soát tốt được chi phí, phát huy hiệu quả dịch vụ và HTSX để bù đắp doanh thu bán hàng truyền thống suy giảm.

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Các chỉ tiêu chính	Thực hiện 2024	Năm 2025		Thực hiện 2025 so với	
		Kế hoạch	Thực hiện	TH 2024	KH 2025
1	*2*	*3*	*4*	*5=4/2*	*6=4/3*
1. Giá trị SXCN	19,8	24,2	24,2	122%	100%
2. Doanh thu BH và CCDV	38,3	44,8	39,1	102%	87%
3. Lợi nhuận trước thuế	(16,2)	0,5	3,1		620%

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Giá trị SXCN năm 2025 đạt 24,2 tỷ đồng; bằng 100% kế hoạch năm; bằng 122% so với năm 2024;
- Doanh thu BH&CCDVđạt 39,1 tỷ đồng tương đương 87% kế hoạch và bằng 102% so với năm 2024 Trong đó, doanh thu hợp tác kinh doanh (cho thuê nhà xưởng) chiếm tỷ trọng 44%, đóng góp chủ yếu vào lợi nhuận của TAMAC.

Hoạt động hợp tác sản xuất:

- Việc hợp tác sản xuất gia công (hộp số, bánh răng, hàng kết cấu...) phát huy hiệu quả, giúp cho TAMAC nâng cao được giá trị SXCN và tạo thêm được việc làm cho CBCN;
- Trong bối cảnh hầu hết các đơn vị trong và ngoài VEAM đều giảm sản lượng, TAMAC vẫn duy trì tăng trưởng so với năm 2024 và hoàn thành đúng kế hoạch năm 2025.

Cơ cấu sản phẩm & thị trường:

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm truyền thống suy giảm mạnh tuy nhiên nhu cầu máy kéo hai bánh duy trì tại một số tỉnh có diện tích canh tác nhỏ (Phú Thọ, Nghệ An, Hà Tĩnh, Đắk Lắk, Gia Lai,...) ở mức 400 - 500 máy/năm;
- Trong nhóm sản phẩm truyền thống, máy kéo BS12A1 (sản phẩm tiêu thụ chính) đạt 102% kế hoạch năm; hộp giảm tốc và hộp số thủy tăng trưởng so với cùng kỳ nhưng chưa đạt mục tiêu kế hoạch năm.

Nghiên cứu & phát triển sản phẩm:

- Nghiên cứu, thiết kế, gá lắp, gia công thí nghiệm sản phẩm BS6 mới phục vụ cho thị trường Tây Bắc;
- Phối hợp với Ban KT-NCPT VEAM hoàn thiện sản phẩm Hộp giảm tốc gắn liền động cơ điện có công suất 2.2kW và 1.5kW;
- Sản phẩm BS165Z tồn kho lâu năm đã được cải tiến phù hợp với thị trường Tây Nguyên và đang gửi thăm dò thị trường tại một số đại lý nhằm thu hồi vốn, giảm tồn kho chậm luân chuyển.

Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo (CK THĐ)

Năm 2025 ghi nhận sự chuyển biến tích cực trong hoạt động SXKD của Công ty. Giá trị SXCN và doanh thu vượt kế hoạch; kết quả tài chính cải thiện rõ rệt khi Công ty đã chuyển từ trạng thái thua lỗ sang có lãi, phản ánh hiệu quả của công tác điều hành sản xuất.

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Các chỉ tiêu chính	Thực hiện 2024	Năm 2025		Thực hiện 2025 so với	
		Kế hoạch	Thực hiện	TH 2024	KH 2025
1	*2*	*3*	*4*	*5=4/2*	*6=4/3*
1. Giá trị SXCN	48,5	47,0	64,0	132%	136%
2. Doanh thu BH và CCDV	64,0	55,0	85,6	133%	155%
3. Lợi nhuận trước thuế	(6,9)	(8,0)	0,9		

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- CK THĐ duy trì ổn định các đơn hàng từ SHIV, JUKI và một số đối tác khác;
- Doanh thu BH&CCDV đạt 85,6 tỷ đồng, vượt 55% kế hoạch năm và tăng 33% so với năm 2024;
- Giá trị SXCN đạt 64,0 tỷ đồng, tăng trưởng 32% so với năm 2024 và vượt 36% so với kế hoạch năm.

Kết quả theo sản phẩm:

- Mảng sản phẩm truyền thống tiếp tục suy giảm, chỉ đóng góp dưới 20% tổng doanh thu và đang giảm nhanh qua từng năm: Động cơ diesel ước đạt 798 máy, bằng 80% so với năm 2024 và chỉ đạt 69% kế hoạch năm; Hộp số thủy sức mua giảm, đại lý bán chậm, hàng tồn tăng, cạnh tranh gay gắt với hàng giá rẻ nhập khẩu, ước đạt 1.583 máy, bằng 83% so với năm 2024.
- Mảng công nghiệp hỗ trợ tăng 49% so với năm 2024, tiếp tục giữ vai trò chủ lực trong cơ cấu doanh thu. Trong năm 2025: SUMITOMO có tín hiệu đặt hàng tăng trở lại; SHIV, JUKI vẫn là khách hàng chủ lực, ổn định. Ngoài ra, Công ty tiếp tục hợp tác với CKCX1 gia công lan can logia cung cấp dự án Vinhomes Ocean Park 2 và Vinhomes Vũ Yên, gia công Puly xuất khẩu Mỹ cho công ty Đúc Thành Phương (hiện tại mỗi tháng xuất 1 cont).

Hoạt động xuất khẩu & thị trường:

- Xuất khẩu tăng trưởng tích cực, ước đạt 1,7 triệu USD (xuất cho SHIV ước đạt 0,8 triệu USD; JUKI Việt Nam ước đạt 0,9 triệu USD);
- CK THĐ duy trì hợp tác với một số đơn vị trong VEAM, sản lượng giao dịch tăng mạnh so với năm 2024 tuy nhiên chưa đạt kỳ vọng kế hoạch: Đặt DISOCO sản xuất phôi đúc gang đầu đế vỏ máy khâu LBH và nắp chịu tải; SVEAM sản xuất phụ tùng linh kiện động cơ diesel TV; Hợp tác hai chiều với TAMAC về bánh răng, trục... hộp số thủy và gia công đế vỏ đầu máy LBH; hợp tác với CKCX1 gia công lan can lô gia cho Vinhomes Oncean Park 2; bắt đầu hợp tác với FUTU1 về gia công khớp nối.

CÁC CÔNG TY CON (TIẾP)

Viện Công nghệ (VCN)

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Viện tăng trưởng tích cực, các lĩnh vực chính tiếp tục phát huy hiệu quả, từng bước khẳng định vai trò trong cả nghiên cứu cũng như sản xuất.

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Các chỉ tiêu chính	Thực hiện 2024	Năm 2025		Thực hiện 2025 so với	
		Kế hoạch	Thực hiện	TH 2024	KH 2025
1	*2*	*3*	*4*	*5=4/2*	*6=4/3*
1. Giá trị SXCN	72,0	67,5	80,0	111%	119%
2. Doanh thu BH và CCDV	74,9	69,1	86,5	115%	125%
3. Lợi nhuận trước thuế	(0,2)	0,1	1,3		1.300%

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Năm 2025, giá trị SXCN và doanh thu BH & CCDV tăng khoảng 10% so với năm 2024; vượt gần 20% kế hoạch năm.

Hoạt động chuyên môn:

- Hoạt động chế tạo khuôn mẫu tiếp tục ổn định và tăng trưởng 10% so với năm trước, chất lượng và tiến độ đáp ứng yêu cầu khách hàng;
- Nhiệt luyện chân không, thấm nitơ thể khí ổn định chất lượng, đảm bảo tiến độ, thu hút thêm một số khách hàng;
- Kiểm định vật liệu: duy trì dịch vụ phân tích thành phần hóa, thử kéo, thử uốn gang, thép các loại; mở rộng thêm một số dịch vụ như đánh giá lớp thấm, soi chụp tổ chức tế vi.

Cơ sở vật chất:

- Phần lớn diện tích trụ sở Viện đã được cho thuê, công tác sửa chữa đã hoàn thành;
- Nhà xưởng tại Lô 27B, KCN Quang Minh còn gặp khó khăn về đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của PCCC và xin cấp quyền sử dụng đất tại Lô 27B.

Hiệu quả tại CK Mê Linh:

- Hoạt động SXKD: Có dấu hiệu cải thiện; Doanh thu cuối năm phục hồi, tăng mạnh so với đầu năm 2025;
- Lợi nhuận trước thuế ước đạt 0,05 tỷ đồng đây là một tín hiệu tích cực nhưng vẫn ở mức thấp, không bền vững.

Hoạt động nghiên cứu khoa học:

- Viện đang triển khai nhiệm vụ KHCN cấp Bộ Công Thương: "Nghiên cứu công nghệ thấm ni tơ hai giai đoạn sử dụng hỗn hợp khí (NH3+N2) và chế tạo thiết bị thấm ni tơ điều khiển tự động quy mô công nghiệp".

Công ty Cổ phần Phụ tùng Máy số 1 (FUTU1)

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của FUTU1 duy trì ổn định, các chỉ tiêu chính nhìn chung gần đạt kế hoạch năm. Công ty vẫn đảm bảo duy trì sản xuất và việc làm cho người lao động trong bối cảnh thị trường biến động

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Các chỉ tiêu chính	Thực hiện 2024	Năm 2025		Thực hiện 2025 so với	
		Kế hoạch	Thực hiện	TH 2024	KH 2025
1	*2*	*3*	*4*	*5=4/2*	*6=4/3*
1. Giá trị SXCN	889,2	925,0	889,6	100%	96%
2. Doanh thu BH và CCDV	920,9	960,0	939,6	102%	98%
3. Lợi nhuận trước thuế	87,9	68,0	78,5	89%	115%

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Giá trị SXCN và doanh thu BH& CCDV của FUTU1 tương đương mức thực hiện năm 2024 và đạt lần lượt 96% và 98% kế hoạch năm;
- Lợi nhuận trước thuế giảm 11% so với năm 2024 do cơ cấu sản phẩm chuyển dịch sang mặt hàng mới lợi nhuận thấp, chi phí vật tư tăng.

Kết quả theo sản phẩm:

- Phụ tùng linh kiện xe máy: là nhóm sản phẩm chủ lực, chiếm khoảng 85% doanh thu của FUTU1; chịu áp lực cạnh tranh gay gắt do thị trường xe máy có xu hướng chuyển dịch từ xe số sang xe tay ga, xe sử dụng động cơ đốt trong sang xe điện;
- Nhóm sản phẩm cơ khí khác tăng mạnh so với năm 2024 (Phát triển thêm nhóm sản phẩm mới vủa THACO góp phần tăng doanh thu 1 tỷ đồng/tháng; Nhóm sản phẩm mặt bích, đầu nối ren... của TIBICO đóng góp 1 tỷ đồng/tháng và nhóm sản phẩm mới gối đỡ xuất khẩu góp phần tăng doanh thu khoảng 0,5 tỷ đồng/tháng).

Hoạt động xuất khẩu & thị trường:

- Ước đạt 4,6 triệu USD, tăng 10% so với năm 2024, đạt 93% kế hoạch năm (tăng nhóm hàng khớp nối xuất khẩu sang EKD, tay biên Musashi xuất khẩu Brasil), thị trường xuất khẩu chính vẫn là PHILIPPINE, ITALIA, JAPAN...

Định hướng & phát triển sản phẩm:

- Chủ động tái cơ cấu sản phẩm, mở rộng nhóm sản phẩm cơ khí khác, tăng cường nghiên cứu phát triển sản phẩm mới và linh hoạt phân bổ nguồn lực;
- Định hướng đến các sản phẩm mới có độ chính xác cao (xuất khẩu phục vụ cho khách hàng như HVN, YAMAHA, PIAGIO, ATSUMITEC, MAP...);
- Phát triển đa dạng các sản phẩm mới cho VINFAST, SCHAEFFLER, KDH, ASAHI, KRICO, EKD, THACO, TOYOTA, HTV, TIBICO... nhằm giảm dần sự phụ thuộc vào nhóm sản phẩm phụ tùng xe máy.

CÁC CÔNG TY CON (TIẾP)

Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên (FOMECO)

FOMECO là đơn vị có kết quả SXKD nổi bật trong năm 2025, hầu hết các chỉ tiêu đều vượt kế hoạch. Hoạt động xuất khẩu và cung ứng cho các doanh nghiệp FDI tăng trưởng tích cực, hiệu quả SXKD được nâng cao rõ rệt.

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Các chỉ tiêu chính	Thực hiện 2024	Năm 2025		Thực hiện 2025 so với	
		Kế hoạch	Thực hiện	TH 2024	KH 2025
1	*2*	*3*	*4*	*5=4/2*	*6=4/3*
1. Giá trị SXCN	745,7	682,6	786,8	106%	115%
2. Doanh thu BH và CCDV	1.117,7	1.010,4	1.152.9	103%	114%
3. Lợi nhuận trước thuế	95,2	84,0	100,7	106%	120%

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- FOMECO là điểm sáng trong bối cảnh thị trường nội địa suy giảm sức mua và thị trường xuất khẩu vẫn còn nhiều bất ổn;
- Giá trị sản xuất, doanh thu BH và CCDV, lợi nhuận trước thuế đều tăng so với năm 2024 và vượt trên 10% kế hoạch năm.

Cơ cấu sản phẩm & thị trường:

- Các mặt hàng chủ lực (vòng bi các loại, phụ tùng xe máy, phụ tùng ô tô và chi tiết cơ khí kết cấu) tiếp tục tiêu thụ tốt trong và ngoài nước;
- FOMECO tập trung khai thác và phát triển sản phẩm mới của HVN, YAMAHA, HILEX, MUSASHI, VAP, GEOGEAR, EXEDY;
- Tăng cường hỗ trợ nhà cung cấp tiêu thụ nội địa các phụ tùng xe máy như bộ bát phuốc, chân phanh, chân số;
- Tập trung khai thác cung cấp phụ tùng cho khách hàng lắp ráp xe nội địa.

Hoạt động xuất khẩu:

- Kim ngạch xuất khẩu đạt 18,6 triệu USD, tăng 6% so với năm 2024, trong đó các thị trường xuất khẩu chính là Nhật Bản (8,2 triệu USD), Trung Quốc (1,8 triệu USD) và các khu chế xuất (7,3 triệu USD).

Cơ khí xuất khẩu & phát triển sản phẩm:

- Duy trì ổn định sản lượng: JOTO, TANAKA, HEIWA, SANKIN, YAMAKIN, FUKUVI, NAKA, FUSSHING, TECHNO...
- Mở rộng khách hàng mới: SUITOSHA, SANKI, SCHAFELER...;
- Phát triển thêm các chủng loại, sản lượng vòng bi cho IKO, KVN, HIMORE, FAG;
- Duy trì phụ tùng ô tô HONDA, TOYOTA xuất Mỹ qua TECHNO ASOCIAT và các sản phẩm khác có nhu cầu sử dụng công nghệ xử lý bề mặt sơn DANCOMET, GEOMET, FISGO;
- Nghiên cứu công nghệ và triển khai sản xuất nhóm hàng sản phẩm nhôm, sản phẩm nhựa.

Công ty Cổ phần Cơ khí Chính xác số 1 (CKCX1)

Công ty cơ bản vẫn hoàn thành chỉ tiêu sản xuất kinh doanh quan trọng nhất, tuy nhiên hoạt động vẫn chưa thể hiện sự ổn định, phụ thuộc nhiều vào một vài đối tác truyền thống.

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Các chỉ tiêu chính	Thực hiện 2024	Năm 2025		Thực hiện 2025 so với	
		Kế hoạch	Thực hiện	TH 2024	KH 2025
1	*2*	*3*	*4*	*5=4/2*	*6=4/3*
1. Giá trị SXCN	65,9	64,0	50,0	76%	78%
2. Doanh thu BH và CCDV	66,6	66,0	51,3	77%	78%
3. Lợi nhuận trước thuế	3,5	3,5	4,7	134%	134%

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Doanh thu BH&CCDV giảm mạnh;
- Lợi nhuận trước thuế vẫn tăng 34% so với năm 2024 và kế hoạch năm nhờ kiểm soát tốt các chi phí.

Kết quả theo sản phẩm:

- Doanh thu chủ yếu đến từ sản phẩm thùng ben loại nhỏ cung ứng cho TMT và VM, song giá trị sản lượng thấp nên doanh thu chưa cao.

Định hướng phát triển

- Mở rộng hướng đi mới với các sản phẩm như hộp sắt phục vụ quân đội, bể nước inox công nghiệp cho các tòa nhà, góp phần đa dạng hóa sản phẩm và giảm phụ thuộc vào đơn hàng thời vụ.

CÁC CÔNG TY CON (TIẾP)

Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa (CKCL)

Công ty cơ bản hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, duy trì doanh thu và lợi nhuận trong điều kiện thị trường không thuận lợi. Tuy nhiên, quy mô sản xuất của CKCL vẫn ở mức nhỏ dẫn đến thị trường tiêu thụ hạn chế và khả năng cạnh tranh chưa cao.

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Các chỉ tiêu chính	Thực hiện 2024	Năm 2025		Thực hiện 2025 so với	
		Kế hoạch	Thực hiện	TH 2024	KH 2025
1	*2*	*3*	*4*	*5=4/2*	*6=4/3*
1. Giá trị SXCN	42,5	38,0	40,0	94%	105%
2. Doanh thu BH và CCDV	42,5	38,0	42,7	100%	112%
3. Lợi nhuận trước thuế	2,7	1,2	3,2	118%	267%

Hoạt động xuất khẩu:

- CKCL đã chủ động mở rộng đơn hàng nội địa và tăng cường hợp tác các với các đơn vị trong VEAM, từ đó bù đắp phần giảm từ thị trường xuất khẩu.
- Giá trị xuất khẩu đạt 0,6 triệu USD, bằng 100% kế hoạch năm nhưng thấp hơn năm 2024 do đơn hàng Mỹ bị dừng lại trong nửa đầu năm vì thay đổi chính sách thuế nhập khẩu;
- Thị trường Canada giảm sản lượng trong khi đơn hàng Nhật Bản tăng trở lại giúp CKCL bù đắp được doanh thu và ổn định sản xuất.

Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ (MATEXIM)

Kết quả SXKD của MATEXIM tuy hoàn thành kế hoạch lợi nhuận nhưng chưa phản ánh đúng thực tế hoạt động khó khăn của đơn vị trong nhiều năm gần đây. Các mảng hoạt động của Công ty liên tục đi xuống, giá trị lợi nhuận so với quy mô vốn, doanh thu là rất thấp.

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Các chỉ tiêu chính	Thực hiện 2024	Năm 2025		Thực hiện 2025 so với	
		Kế hoạch	Thực hiện	TH 2024	KH 2025
1	*2*	*3*	*4*	*5=4/2*	*6=4/3*
1. Doanh thu BH và CCDV	305,8	310,0	274,7	90%	89%
2. Lợi nhuận trước thuế	3,1	3,6	3,7	119%	103%

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Doanh thu BH&CCDV của MATEXIM giảm 10% so với năm 2024 và bằng 89% kế hoạch năm. Trong đó chủ yếu giảm doanh thu sản xuất công nghiệp và doanh thu thương mại, doanh thu dịch vụ tuy tăng nhưng chiếm tỷ trọng thấp nhất trong cơ cấu doanh thu của MATEXIM.
- Lợi nhuận trước thuế tăng 19% so với năm 2024 và đạt 103% kế hoạch năm.

Các mặt hoạt động chính của MATEXIM đều gặp nhiều khó khăn, chỉ duy trì được trạng thái cầm chừng. Cụ thể:

- Hoạt động kinh doanh thương mại: MATEXIM chỉ thực hiện một số hợp đồng giá trị nhỏ (do khó khăn về vốn, chỉ sử dụng nguồn vốn tự có) với các đối tác tin cậy, đảm bảo nguyên tắc hiệu quả và bảo toàn vốn kinh doanh.
- Hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải tiếp tục tạm dừng do các phương tiện đã cũ, hay gặp sự cố, phát sinh nhiều chi phí và khó tìm kiếm được nguồn hàng hai chiều.
- Hoạt động của các Head giảm mạnh do hạn chế về vốn, chi phí mặt bằng cao, thị trường bão hòa do ảnh hưởng bởi chính sách chuyển đổi xe máy sang xe điện.
- Hoạt động khai thác mỏ: đang xây dựng phương án và đề xuất xin tạm dừng hoạt động khai thác, chế biến tinh quặng sắt tại mỏ Bản Quân từ ngày 30 tháng 9 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026.
- Hoạt động cho thuê văn phòng, kho, bãi chứa: hệ thống mặt bằng kho bãi đã hết khấu hao và cũ nát, nhiều khu vực chỉ là đất trống nên hiệu quả khai thác cho thuê không cao; suy thoái kinh tế và sự thắt chặt quản lý của Chính phủ khiến nhiều đối tác đang thuê phải tạm dừng hoạt động ảnh hưởng lớn đến doanh thu; hệ thống PCCC tại phần lớn nhà kho, bãi chứa văn phòng không đảm bảo các quy định PCCC nên không đáp ứng được nhu cầu của khách hàng cũng như sự kỳ vọng giá cho thuê.
- Nhà máy luyện kim phi cốc: hiện tại vẫn tạm dừng hoạt động, toàn bộ máy móc, thiết bị của Nhà máy bị tác động lý, hóa học tự nhiên nên hỏng hóc nhiều.

CÁC CÔNG TY CON (TIẾP)

Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM (VETRANCO)

VETRANCO tiếp tục duy trì hoạt động ổn định, hoàn thành vượt kế hoạch đề ra trong năm 2025. Tuy nhiên, với xu thế chuyển dịch sang xe điện cũng như giao thông xanh, Công ty cần có chiến lược phát triển phù hợp trong các năm tiếp theo của giai đoạn 2026 - 2030.

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Các chỉ tiêu chính	Thực hiện 2024	Năm 2025		Thực hiện 2025 so với	
		Kế hoạch	Thực hiện	TH 2024	KH 2025
1	*2*	*3*	*4*	*5=4/2*	*6=4/3*
1. Doanh thu BH và CCDV	153,3	138,0	161,4	105%	117%
2. Lợi nhuận trước thuế	4,6	5,2	6,1	133%	117%

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Năm 2025, sản lượng vận chuyển của TMV và HVN giảm khiến doanh thu BH và CCDV của VETRANCO cũng giảm nhẹ so với năm 2024 nhưng vẫn đạt 110% kế hoạch năm;
- Lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 33% so với 2024 và đạt 117% kế hoạch, phản ánh khả năng điều hành linh hoạt, kiểm soát chi phí hiệu quả và duy trì được các tuyến vận chuyển ổn định.

Mảng kinh doanh thương mại:

- Tập trung hợp tác với các đối tác có tình hình SXKD ổn định, đảm bảo an toàn nguồn vốn;
- Duy trì cung cấp các mặt hàng BHLĐ cho các đơn vị thành viên trong VEAM và các khách hàng lẻ.

Mảng hoạt động vận tải

- Mảng hoạt động cốt lõi, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu;
- Mặc dù chịu tác động các quy định mới về quản lý vận tải, VETRANCO vẫn đáp ứng tốt kế hoạch vận chuyển nhờ sản lượng ổn định từ TMV, HVN và khả năng điều hành linh hoạt;
- Hiệu quả vận tải được cải thiện nhờ tối ưu hóa hành trình, ổn định luồng hàng hai chiều và rà soát chi phí nhiên liệu.

CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (CKAG)

Năm 2025 là năm nhiều khó khăn, hoạt động của CKAG tuy giảm về doanh thu nhưng vẫn giữ được lợi nhuận nhờ quản lý chi phí tốt và có nguồn thu tài chính ổn định. CKAG cần tiếp tục cải tiến công nghệ, tái cơ cấu danh mục sản phẩm, mở rộng thị trường và tăng cường hợp tác nội bộ VEAM nhằm nâng cao sức cạnh tranh trong năm 2026.

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Các chỉ tiêu chính	Thực hiện 2024	Năm 2025		Thực hiện 2025 so với	
		Kế hoạch	Thực hiện	TH 2024	KH 2025
1	*2*	*3*	*4*	*5=4/2*	*6=4/3*
1. Giá trị SXCN	150,8	127,5	120,6	80%	95%
2. Doanh thu BH và CCDV	162,4	212,0	182,9	112%	86%
3. Lợi nhuận trước thuế	67,0	22,4	24,1	36%	107%

(*) Bao gồm doanh thu nội bộ.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Giá trị SXCN và Doanh thu BH & CCDV lần lượt đạt 95% và 86% đều giảm so với kế hoạch năm;
- Lợi nhuận đạt 36% so với 2024 và đạt 107% kế hoạch năm, duy trì chủ yếu nhờ kiểm soát chi phí và nguồn thu ổn định từ hoạt động đầu tư tài chính tại liên doanh ANTRACO.

Kết quả theo sản phẩm:

- Máy gặt xếp dãy ước đạt 333 máy, tăng 90% so với năm 2024 và vượt 122% kế hoạch năm, khẳng định vị thế tại thị trường Đồng bằng Sông Cửu Long nhưng có dấu hiệu chững lại do giá lúa giảm và tâm lý thắt chặt chi tiêu của người nông dân;
- Cầu sắt vẫn giữ được sự tăng trưởng, là mảng sản phẩm quan trọng nhưng sức tiêu thụ phụ thuộc nhiều vào vốn đầu tư công và tiến độ triển khai các dự án hạ tầng tại địa phương;
- Kinh doanh sắt thép dù có cải thiện nhưng lợi nhuận thấp, đóng góp chưa đáng kể, sức cạnh tranh còn yếu so với các doanh nghiệp lớn trên thị trường.

Hiệu quả đầu tư tài chính:

- Duy trình ổn định, là nguồn thu chủ yếu giúp CKAG hoàn thành kế hoạch lợi nhuận trong bối cảnh mảng sản phẩm truyền thống gặp nhiều khó khăn.

Nghiên cứu & phát triển sản phẩm:

- CKAG tiếp tục nghiên cứu, cải tiến và mở rộng danh mục sản phẩm: Cải tiến máy cán hộ lan phục vụ các đơn hàng tuyến cao tốc; Thiết kế khuôn ép hộ lan 03 sóng; Hoàn thiện chế tạo và thử nghiệm cụm giao sạ 16 hàng; Nghiên cứu thiết kế máy sấp lạnh năng suất 50 tấn/mẻ.

CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT (TIẾP)

Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh (CKV)

CKV đã tạm dừng hoạt động trong nhiều năm gần, chỉ duy trì bộ máy tối thiểu để quản lý tài sản, xử lý công việc tồn đọng và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước. CKV chưa xác định được phương hướng hoạt động, chưa tái cơ cấu được mô hình SXKD, cũng chưa có sản phẩm hoặc thị trường để tái vận hành.

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Các chỉ tiêu chính	Thực hiện 2024	Năm 2025		Thực hiện 2025 so với	
		Kế hoạch	Thực hiện	TH 2024	KH 2025
1	*2*	*3*	*4*	*5=4/2*	*6=4/3*
1. Doanh thu BH và CCDV	0,123		0,138	112%	
2. Lợi nhuận trước thuế	(6,4)		(4,7)		

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Doanh thu năm 2025 đạt 0,138 tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2024 nhưng có giá trị rất thấp.
- CKV vẫn đang chịu gánh nặng tài chính (lãi vay VEAM, lãi chậm nộp thuế, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí BHXH và các khoản chi khác). Từ tháng 5/2025, CKV không còn khả năng chi trả tiền lương cho người lao động do dòng tiền cạn kiệt.
- Hợp đồng liên doanh giữa CKV và Golden City chưa thanh lý dứt điểm, Golden City còn nợ 5,4 tỷ đồng nhưng chưa thanh toán, ảnh hưởng lớn đến dòng tiền, quyền lợi người lao động và hoạt động của CKV.

Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ (VTH)

VTH tiếp tục duy trì hoạt động ổn định, phù hợp với đặc điểm mô hình quy mô nhỏ, chuyên về dịch vụ.

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Các chỉ tiêu chính	Thực hiện 2024	Năm 2025		Thực hiện 2025 so với	
		Kế hoạch	Thực hiện	TH 2024	KH 2025
1	*2*	*3*	*4*	*5=4/2*	*6=4/3*
1. Doanh thu BH và CCDV	12,1	8,7	12,5	103%	144%
2. Lợi nhuận trước thuế	2,5	1,8	2,9	116%	161%

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Doanh thu và lợi nhuận đều tăng so với năm 2024 và kế hoạch năm 2025. Công ty vẫn duy trì thường xuyên lấp đầy 100% diện tích văn phòng cho thuê, đảm bảo dòng tiền cho hoạt động quản lý và vận hành tòa nhà.
- VTH với vai trò chủ đầu tư đã tổ chức Hội nghị chung cư Tòa nhà VEAM Tây Hồ và đã bầu ra Ban quản trị gồm 5 thành viên, có trách nhiệm đại diện cho các chủ sở hữu, người sử dụng trong Tòa nhà để quản lý, sử dụng kinh phí bảo trì phần sở hữu chung, tổ chức vận hành, bảo trì các hệ thống kỹ thuật, hạ tầng chung; ký kết và giám sát hợp đồng dịch vụ; ký kết và giám sát hợp đồng dịch vụ quản lý vận hành đồng thời thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật nhằm đảm bảo an toàn, hoạt động ổn định của Tòa nhà.

Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng

Nhìn chung, MTX HP duy trì được dòng tiền từ cho thuê mặt bằng và đầu tư tài chính, song hiệu quả tổng thể vẫn thấp và tiếp tục bị lỗ, áp lực tài chính còn rất lớn.

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Các chỉ tiêu chính	Thực hiện 2024	Năm 2025		Thực hiện 2025 so với	
		Kế hoạch	Thực hiện	TH 2024	KH 2025
1	*2*	*3*	*4*	*5=4/2*	*6=4/3*
1. Doanh thu BH và CCDV	2,8	**3,4**	3,6	129%	**106%**
2. Lợi nhuận trước thuế	(0,1)	**0,4**	(1,9)		

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Hoạt động của MATEXIM HP trong năm 2025 chủ yếu là cho thuê mặt bằng, kho bãi. Ngoài nguồn thu từ việc cho thuê kho bãi, Công ty phát sinh thêm doanh thu tài chính ~1,5 tỷ đồng (liên doanh VJE chia cổ tức).

Công ty Cổ phần NAKYCO

Kết quả sản xuất kinh doanh về doanh thu và lợi nhuận không phản ánh đúng tình trạng thực tế tại NAKYCO. Công ty mất khả năng phục hồi sản xuất, âm vốn chủ sở hữu kéo dài, không có nguồn thu ổn định trong tương lai (ngoài nguồn thu cho thuê nhà xưởng), doanh thu cho thuê không đủ bù đắp chi phí thường xuyên (chi phí QLDN, khấu hao TSCĐ, các nghĩa vụ tài chính bắt buộc).

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Các chỉ tiêu chính	Thực hiện 2024	Năm 2025		Thực hiện 2025 so với	
		Kế hoạch	Thực hiện	TH 2024	KH 2025
1	*2*	*3*	*4*	*5=4/2*	*6=4/3*
1. Doanh thu BH và CCDV	52,1	1,5	49,2	94%	3.280%
2. Lợi nhuận trước thuế	14,6	(5,8)	10,4	71%	

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- NAKYCO đã tạm ngừng sản xuất kinh doanh trong nhiều năm và hiện chỉ duy trì bộ máy tối thiểu phục vụ quản lý tài sản và xử lý thủ tục tồn đọng;
- Hoạt động kinh doanh chủ yếu đến từ cho thuê mặt bằng, nhà xưởng và ghi nhận các khoản doanh thu từ dự án;
- Doanh thu bán hàng ước đạt 49,2 tỷ đồng, bằng 94% so với cùng kỳ năm 2024, nhưng tăng hơn 3 lần so với kế hoạch năm. Trong đó, doanh thu chủ yếu từ dự án 19/9 Tân Kỳ Tân Quý (48,0 tỷ đồng), doanh thu cho thuê nhà xưởng ước ~1,2 tỷ đồng;
- NAKYCO đang tồn đọng nhiều nghĩa vụ tài chính gồm nợ lương, bảo hiểm cho người lao động, nợ đối tác (khoảng 19,3 tỷ đồng) và một số khoản thuế và chi phí khác.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

(Đơn vị : Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	19.755.041.946.237	20.559.307.095.667	4%
Doanh thu thuần	316.859.399.172	553.542.458.257	75%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.319.124.573	34.299.455.553	30%
Lợi nhuận khác	2.522.610.183	(26.867.099.820)	-1.165%
Lợi nhuận trước thuế	6.391.653.483.461	7.150.644.453.128	12%
Lợi nhuận sau thuế	6.253.402.216.678	7.005.725.411.399	12%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (*)	100%	100%	

(*): Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được chia cổ tức 100%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2024	Năm 2025
1 - Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	lần	75,57	63,88
+ Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	72,46	61,96
2 - Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,01	0,01
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,01	0,01
3 - Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho			
* Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	lần	0,43	0,88
* Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	lần	0,02	0,03
4 - Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	lần	19,74	12,66
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	lần	0,32	0,35
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	lần	0,31	0,35
+ Hệ số Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ/Doanh thu thuần	lần	0,08	0,06

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP
Mã cổ phiếu	VEA
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng
Tổng số lượng cổ phần	1.328.800.000 cổ phần
Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký	13.288.000.000.000 đồng

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 19 tháng 11 năm 2025)

Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ phần (Cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu
1. Cổ đông lớn		
- Nhà nước	*1.175.582.966*	*88,47%*
- Tổ chức	*104.130.427*	*7,84%*
2. Cổ đông khác	**49.086.607**	**3,69%**
Tổng	**1.328.800.000**	

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Không thay đổi.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

04

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 68

Tình hình tài chính 72

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 73

Kế hoạch phát triển trong tương lai 74

Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến của kiểm toán độc lập 76

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

THUẬN LỢI

Xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng và mở rộng các dự án FDI tạo cơ hội cho các đơn vị của VEAM cung cấp linh kiện, phụ tùng, nhất là trong các mảng công nghiệp hỗ trợ.

Các liên doanh TMV, FVL, HVN tiếp tục duy trì thị phần cao trên thị trường ô tô và xe máy, đóng góp ổn định vào nguồn thu tài chính của VEAM.

Một số thị trường xuất khẩu phụ trợ của VEAM như Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan duy trì nhu cầu ổn định.

Chính sách giảm thuế VAT, thúc đẩy đầu tư công và tiêu dùng nội địa giúp thị trường ô tô, xe thương mại và máy nông nghiệp có cơ hội phục hồi vào cuối năm 2025.

KHÓ KHĂN

Thị trường quốc tế biến động mạnh, chi phí nguyên liệu và logistics tăng, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của các doanh nghiệp sản xuất cơ khí, đúc và gia công.

Cạnh tranh trong nước gay gắt về thị trường ô tô xe máy, đặc biệt là dòng xe điện và ô tô giá rẻ nhập khẩu tiếp tục gây áp lực đối với hoạt động sản xuất kinh doanh tại các liên doanh của VEAM.

Một số sản phẩm truyền thống của VEAM (máy xay xát, ru lô cao su, vòng bi...) tiếp tục mất lợi thế cạnh tranh.
Công tác xử lý dự án đầu tư chậm tiến độ, công nợ kéo dài tại một số đơn vị thành viên vẫn phức tạp.

Áp lực đổi mới công nghệ, tiêu chuẩn môi trường, chế độ tiền lương và yêu cầu nâng cao năng lực quản trị đặt ra đòi hỏi lớn, trong khi nguồn lực tài chính và nhân sự chất lượng cao tại một số đơn vị còn hạn chế.

Thiên tai, bão lũ tiếp tục diễn biến phức tạp, bất thường hơn cả về tần suất và cường độ. Các đợt mưa lớn, ngập úng, sạt lở tại nhiều tỉnh miền Trung, Tây Nguyên và miền Bắc. Bão lũ và thời tiết cực đoan cũng làm giảm nhu cầu đối với nhiều sản phẩm cơ khí - máy nông nghiệp, đặc biệt tại các thị trường miền Trung và Tây Nam Bộ, nơi chiếm tỷ trọng tiêu thụ lớn các sản phẩm của VEAM.

MỘT SỐ QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA VEAM

Công ty mẹ tiếp tục duy trì các hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư có hiệu quả bền vững; Từng bước cải thiện các chỉ tiêu tồn kho, phải thu, nâng cao hiệu quả các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

Tiếp tục thực hiện sắp xếp, điều chỉnh mô hình, tái cơ cấu vốn tại các chi nhánh, công ty con, công ty liên kết theo hướng tối ưu hóa sử dụng vốn và hoạt động sản xuất kinh doanh và đẩy nhanh tiến độ xây dựng các quy chế, quy định quản trị nội bộ VEAM.

Tiếp tục tăng cường công tác quản trị, quản lý của Công ty mẹ đối với hoạt động SXKD của các Công ty con nhằm:

Đảm bảo các hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư của Công ty mẹ và các công ty con có hiệu quả bền vững.

Kết nối các đơn vị thành viên của VEAM trong việc hợp tác sản xuất trên cơ sở năng lực thiết bị, lợi thế cạnh tranh của từng đơn vị nhằm nâng cao hiệu quả SXKD, tăng tính cạnh tranh cho các sản phẩm của VEAM.

Tận dụng uy tín, năng lực của VEAM trong giao dịch với các đối tác lớn trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ của các đơn vị thành viên tìm kiếm các hợp đồng sản xuất cung ứng phụ tùng, cụm linh kiện cho công nghiệp.

Tiếp tục tập trung giải quyết dứt điểm các vấn đề tồn tại và vướng mắc của VEAM trong thời gian trước, bao gồm: Hàng tồn kho tại Chi nhánh Nhà máy ô tô VEAM, kinh doanh xe ô tô Changan, máy kéo ISEKI, thu hồi công nợ, đầu tư...

KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH THEO BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

4.465,5 TỶ ĐỒNG

Tăng 8,82% so với năm 2024

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

7.219,4 TỶ ĐỒNG

Giảm 2,86% so với năm 2024

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

1 Kết quả tích cực

VEAM hoàn thành và vượt hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu; doanh thu, lợi nhuận và kim ngạch xuất khẩu duy trì tăng trưởng tích cực. Công ty mẹ đạt 504,2 tỷ đồng doanh thu và 7.332,5 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, đều vượt kế hoạch và tăng so với năm 2024.

Hoạt động SXKD của nhiều công ty con có chuyển biến tích cực, đặc biệt trong khối công nghiệp hỗ trợ và chế tạo linh kiện; lần đầu tiên sau nhiều năm các công ty con đều có lãi; một số đơn vị đạt mức tăng trưởng cao về doanh thu và lợi nhuận.

Cơ cấu sản phẩm tiếp tục được cải thiện; nhóm sản phẩm ô tô tiêu thụ tăng mạnh nhờ xử lý đáng kể hàng tồn kho, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng chung. Các sản phẩm động cơ, phụ tùng động lực và một số mặt hàng xuất khẩu duy trì được thị phần và sản lượng ổn định.

Công tác tài chính, thu hồi công nợ và quản trị đầu tư được triển khai chặt chẽ, góp phần đảm bảo an toàn tài chính và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong toàn hệ thống.

2 Tồn tại, hạn chế

Một số sản phẩm truyền thống (máy nông nghiệp, máy xay xát, ru lô cao su...) vẫn tiêu thụ chậm, thị trường thu hẹp.

Hiệu quả của một số đơn vị thành viên chưa cao, đặc biệt một số công ty liên kết vẫn mất phương hướng, chưa tìm được giải pháp để tái sản xuất hoặc chuyển đổi kinh doanh.

Tiến độ một số dự án đầu tư còn chậm, công tác chuẩn bị đầu tư ở một số đơn vị chưa đáp ứng yêu cầu; năng lực triển khai dự án, quản lý hợp đồng và giám sát tiến độ chưa đồng đều.

Hoạt động nghiên cứu phát triển chưa tại được những bước đột phá rõ nét.

Công tác dự báo thị trường và xúc tiến thương mại của một số đơn vị còn hạn chế; chính sách marketing, kênh bán hàng chưa đủ mạnh để mở rộng thị trường và đối phó cạnh tranh ngày càng gia tăng.

3 Bài học rút ra

Cần tiếp tục tăng cường công tác dự báo, bám sát biến động thị trường và điều chỉnh kế hoạch linh hoạt, kịp thời; nâng cao năng lực phân tích – điều hành từ Công ty mẹ đến các đơn vị.

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản phẩm theo hướng tập trung vào các sản phẩm có thị trường lớn, hiệu quả cao; đồng thời kiên trì tái cơ cấu các sản phẩm truyền thống có hiệu quả thấp.

Tăng cường quản trị chi phí, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sử dụng tài sản; coi đây là giải pháp trọng tâm để nâng cao năng lực cạnh tranh.

Siết chặt công tác quản trị rủi ro, pháp chế, thu hồi công nợ và giám sát tài chính tại các đơn vị; duy trì minh bạch và tuân thủ quy định pháp luật trong mọi hoạt động.

Đẩy mạnh phối hợp giữa Công ty mẹ và các đơn vị thành viên trong công tác đầu tư, R&D, phát triển thị trường và xây dựng thương hiệu; phát huy vai trò dẫn dắt và hỗ trợ của Công ty mẹ đối với các đơn vị quan trọng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

(Đơn vị: Tỷ đồng)

Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025
A. TÀI SẢN	**19.755**	**20.559**
1. Tài sản ngắn hạn	**16.139**	**16.968**
- Tiền & tương đương tiền	146	164
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.997	12.559
- Phải thu ngắn hạn	3.251	3.653
- Hàng tồn kho	664	510
- Khác	81	82
2. Tài sản dài hạn	**3.616**	**3.592**
- Phải thu dài hạn	0	0
- Tài sản cố định	389	355
- Bất động sản đầu tư	0	0
- Tài sản dở dang	56	54
- Đầu tư tài chính dài hạn	3.143	3.153
+ Công ty con	2.656	2.656
+ Công ty liên doanh, liên kết	707	707
+ Khác	11	11
+ Dự phòng	(231)	(221)
- Khác	29	29
B. NGUỒN VỐN	**19.755**	**20.559**
1. Nợ phải trả	**214**	**266**
- Nợ ngắn hạn	214	266
- Nợ dài hạn	0	0
2. Vốn CSH	**19.541**	**20.294**

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tổng tài sản cuối năm có biến động tăng so với đầu năm chủ yếu do nguyên nhân sau:

- Khoản phải thu ngắn hạn tăng từ 3.251 tỷ đồng lên 3.653 tỷ đồng (chủ yếu do khoản phải thu về cổ tức tăng, đặc biệt từ các đơn vị liên doanh).
- Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng từ 11.997 tỷ đồng lên 12.559 tỷ đồng (chủ yếu do khoản tiền gửi tại ngân hàng tăng).
- Tài sản dài hạn giảm do khấu hao tài sản cố định và dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả cuối năm tăng nhẹ so với đầu năm, chủ yếu do cuối năm 2025, khoản lương và thuế phải nộp tăng so với đầu năm trước (lương và thuế đã được chi trả đầy đủ trong quý I/2026 theo quy định).

Nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, chủ yếu là quỹ khen thưởng, phúc lợi chưa sử dụng và các khoản nợ trong hoạt động sản xuất kinh doanh (phải trả người bán, thuế TNDN, phải trả người lao động,...).

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Quản lý, quản trị VEAM theo hướng minh bạch, hiệu quả, tăng cường trách nhiệm, phát huy năng lực các cấp điều hành.

Hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định trong quản lý, điều hành của VEAM phù hợp với các thay đổi của pháp luật hiện hành, chính sách của nhà nước, phù hợp với mô hình công ty nhà nước theo Luật Doanh nghiệp, đảm bảo đồng bộ, đầy đủ, kịp thời, hiệu quả.

Ban hành các chính sách sử dụng, phát huy hiệu quả các nguồn lực của VEAM; tăng cường các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực, có chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển trong tương lai.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

1

Tiếp tục xác định 03 dòng sản phẩm chủ lực, cốt lõi để phát triển là động cơ - máy nông nghiệp, ô tô xe máy và công nghiệp hỗ trợ, hướng đến những sản phẩm thân thiện với thiên nhiên và môi trường. Xây dựng VEAM thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực này.

2

Chú trọng mục tiêu phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

3

Tăng tỷ trọng doanh thu công nghiệp hỗ trợ và doanh thu xuất khẩu, tham gia sâu, rộng hơn nữa vào chuỗi sản phẩm liên kết toàn cầu.

Mục tiêu chung của VEAM

Năm 2026, VEAM (bao gồm Công ty mẹ và các đơn vị thành viên) phấn đấu duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững trong giai đoạn tiếp theo. Theo đó, VEAM đặt mục tiêu giá trị sản xuất công nghiệp đạt khoảng 3.860,0 tỷ đồng, tổng doanh thu đạt trên 5.200,0 tỷ đồng, trong đó doanh thu sản xuất công nghiệp ước đạt khoảng 4.740,0 tỷ đồng; kim ngạch xuất khẩu dự kiến đạt khoảng 41,0 triệu USD.

Bên cạnh các chỉ tiêu về quy mô, VEAM xác định nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước, duy trì ổn định tài chính là mục tiêu xuyên suốt. Tổng công ty tiếp tục tập trung củng cố hoạt động sản xuất công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ; phát huy hiệu quả các liên doanh, liên kết; đồng thời từng bước tái cơ cấu danh mục đầu tư theo hướng phù hợp với xu thế phát triển của ngành và yêu cầu chuyển đổi xanh.

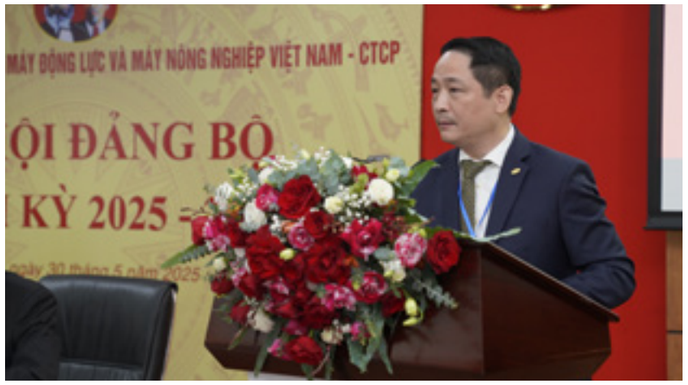

Trên cơ sở bám sát các chủ trương, định hướng của Đảng, Quốc hội và Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội, VEAM sẽ phối hợp chặt chẽ với các đơn vị thành viên rà soát, điều chỉnh và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh linh hoạt, phấn đấu nâng cao tốc độ tăng trưởng, từng bước hướng tới mục tiêu tăng trưởng hai con số trong giai đoạn tới, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển chung của nền kinh tế.

Mục tiêu, kế hoạch của Công ty mẹ

Năm 2026, VEAM (bao gồm Công ty mẹ và các đơn vị thành viên) phấn đấu duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững trong giai đoạn tiếp theo. Theo đó, VEAM đặt mục tiêu giá trị sản xuất công nghiệp đạt khoảng 3.860,0 tỷ đồng, tổng doanh thu đạt trên 5.200,0 tỷ đồng, trong đó doanh thu sản xuất công nghiệp ước đạt khoảng 4.740,0 tỷ đồng; kim ngạch xuất khẩu dự kiến đạt khoảng 41,0 triệu USD.

Bên cạnh các chỉ tiêu về quy mô, VEAM xác định nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước, duy trì ổn định tài chính là mục tiêu xuyên suốt. Tổng công ty tiếp tục tập trung củng cố hoạt động sản xuất công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ; phát huy hiệu quả các liên doanh, liên kết; đồng thời từng bước tái cơ cấu danh mục đầu tư theo hướng phù hợp với xu thế phát triển của ngành và yêu cầu chuyển đổi xanh.

Trên cơ sở bám sát các chủ trương, định hướng của Đảng, Quốc hội và Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội, VEAM sẽ phối hợp chặt chẽ với các đơn vị thành viên rà soát, điều chỉnh và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh linh hoạt, phấn đấu nâng cao tốc độ tăng trưởng, từng bước hướng tới mục tiêu tăng trưởng hai con số trong giai đoạn tới, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển chung của nền kinh tế.

Doanh thu tài chính dự kiến giảm do giảm hiệu quả đầu tư tài chính dài hạn, trong đó:
+ HVN giảm sản lượng vì xu hướng dịch chuyển sang xe điện;
+ TMV đang xem xét không chia lợi nhuận để tái đầu tư.

Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế dự kiến giảm 20% so với ước năm 2025 chủ yếu do giảm doanh thu tài chính.

Công ty mẹ đang tiếp tục rà soát, điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2026 bám sát với thực tế cũng như định hướng của chính phủ để hoàn thiện kế hoạch năm 2026 với mục tiêu tăng trưởng và tăng hiệu quả hoạt động ở mức cao nhất trình ĐHĐCĐ năm 2026 thông qua.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

1

Ý kiến ngoại trừ về hàng tồn kho

Ý kiến của kiểm toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng công ty đang theo dõi một số mã hàng tồn kho chậm luân chuyển và có dấu hiệu suy giảm giá trị, cụ thể như sau:

- Nhà máy ô tô VEAM đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với một số mã hàng tồn kho là linh kiện chậm luân chuyển và có dấu hiệu suy giảm giá trị có giá gốc 165,5 tỷ đồng (dự phòng tương ứng 76,7 tỷ đồng) dựa trên giá trị thuần có thể thực hiện được xác định trên cơ sở tham khảo giá bán ước tính tại Chứng thư và Báo cáo kết quả thẩm định giá ngày 17 tháng 01 năm 2024 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với cả thành phẩm và linh kiện chậm luân chuyển cũng được trích lập trên cơ sở này); đồng thời, Nhà máy có một số mã hàng tồn kho là linh kiện chậm luân chuyển và có dấu hiệu suy giảm giá trị nhưng chưa được trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với giá trị khoảng 2,7 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có giá trị khoảng 257 triệu đồng).

- Văn phòng Công ty mẹ - Tổng công ty đang ghi nhận tại chỉ tiêu dự phòng giảm giá hàng tồn kho của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 với số tiền khoảng 16,1 tỷ đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 với số tiền khoảng 5,8 tỷ đồng, đồng thời giá trị hàng tồn kho chậm luân chuyển chưa được đánh giá giá trị thuần có thể thu hồi là 70,8 tỷ đồng).

Các thủ tục kiểm toán cần thiết đã được thực hiện; tuy nhiên, chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được liệu có phải điều chỉnh dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập/(hoàn nhập) trong năm 2025 và các khoản mục liên quan trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty hay không.

Giải trình

Đối với một số mặt hàng tồn kho ứ đọng từ nhiều năm trước (thời kỳ công ty TNHH) và chậm luân chuyển, tại thời điểm lập báo cáo, VEAM trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trên cơ sở xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho theo Chứng thư thẩm định và Báo cáo kết quả thẩm định của các đơn vị có chức năng thẩm định giá.

2

Ý kiến ngoại trừ về dự phòng đầu tư

Ý kiến của kiểm toán

Tổng công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng tổn thất đầu tư tài chính cho một số khoản đầu tư tại các công ty con (chi tiết tại Thuyết minh số 6 của Báo cáo tài chính riêng). Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được liệu có phải điều chỉnh dự phòng tổn thất đầu tư tài chính đã trích lập và các khoản mục liên quan trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty hay không

Giải trình

Đây là các vấn đề ngoại trừ được kiểm toán viên nêu trên Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ (Matexim) và Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo (CKTHD), cụ thể giải trình như sau:

- Chi phí trả trước dài hạn tại Công ty Matexim chủ yếu là chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí lãi vay và một số chi phí khác của Nhà máy sắt xốp phát sinh từ các năm trước. Hiện nay, Nhà máy sắt xốp đang gặp khó khăn phải dừng sản xuất nên chưa đánh giá được các khoản mục chi phí liên quan. Công ty Matexim đang xem xét cơ cấu lại sản phẩm đầu ra. Kế hoạch tăng vốn tại Công ty Matexim được thực hiện từng bước theo đúng quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi cao nhất cho VEAM.

- Công ty CKTHD đã thực hiện gửi đối chiếu nợ phải thu đến khách hàng, tuy nhiên một số khách hàng chưa phản hồi và khách hàng vẫn đang thực hiện thanh toán nên chưa đủ cơ sở để trích lập dự phòng. Công ty CKTHD đã thành lập Ban thu hồi công nợ và tích cực triển khai thu hồi nợ. Công ty CKTHD đang tìm hiểu các sản phẩm tương tự trên thị trường để xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho làm cơ sở trích lập dự phòng.

3

Ý kiến ngoại trừ về dự án máy kéo

Ý kiến của kiểm toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị chi phí mua bản quyền công nghệ liên quan đến Dự án nghiên cứu, chế tạo máy kéo 4 bánh hạng trung đang được Tổng công ty ghi nhận tại chỉ tiêu chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang với số tiền 53,5 tỷ đồng (Thuyết minh số 16 của Báo cáo tài chính riêng), trong đó giá trị chi phí này đã được Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội kết luận các cá nhân liên quan có trách nhiệm bồi hoàn toàn bộ cho Tổng công ty. Tuy nhiên, Tổng công ty chưa thực hiện điều chỉnh và ghi khoản phải thu các cá nhân liên quan và chưa thực hiện đánh gi khả năng thu hồi cũng như trích lập dự phòng (nếu có) theo quy định. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá được liệu có phải điều chỉnh khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang, phải thu ngắn hạn khác và các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty mẹ - Tổng công ty hay không.

Giải trình

Theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐQT ngày 26/06/2020 của Hội đồng Quản trị đã quyết nghị giao Tổng Giám đốc Tổng công ty chỉ đạo triển khai các công việc tiếp tục đánh giá thị trường máy kéo bốn bánh (MK4B) theo hướng hợp tác với các đơn vị tư vấn đánh giá thị trường chuyên nghiệp để có cơ sở cho các quyết định đầu tư phát triển và thực hiện chế thử hộp số MK4B theo thiết kế của Li - xăng ISEKI nhằm tận dụng năng lực sản xuất cơ khí có sẵn của các đơn vị trong Tổng công ty cũng như các đơn vị bên ngoài để giảm thiểu tối đa tổng mức đầu tư sản xuất. Các cá nhân có liên quan đang thực hiện bồi thường.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1

Ý kiến ngoại trừ về hàng tồn kho

Ý kiến của kiểm toán

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho chậm luân chuyển, tồn đọng lâu năm với giá trị 101,8 tỷ đồng (trong đó, Công ty mẹ - Tổng công ty đã trích lập 92,8 tỷ đồng, Công ty con-Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp trích lập 9 tỷ đồng), giá trị đã trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 14,8 tỷ đồng, đồng thời giá trị hàng tồn kho chậm luân chuyển chưa được đánh giá giá trị thuần có thể thu hồi là 81,1 tỷ đồng. Các thủ tục kiểm toán cần thiết đã được thực hiện; tuy nhiên, chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được liệu có phải điều chỉnh dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập/(hoàn nhập) trong năm 2025 và các khoản mục liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty hay không.

Giải trình

Đối với một số mặt hàng tồn kho ứ đọng từ nhiều năm trước (thời kỳ công ty TNHH) và chậm luân chuyển, tại thời điểm lập báo cáo, VEAM trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trên cơ sở xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho theo Chứng thư thẩm định và Báo cáo kết quả thẩm định của các đơn vị có chức năng thẩm định giá.

2

Ý kiến ngoại trừ về dự án máy kéo

Ý kiến của kiểm toán

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31/12/2025, giá trị Chi phí mua bản quyền công nghệ liên quan đến Dự án nghiên cứu, chế tạo máy kéo 4 bánh hạng trung đang được Tổng công ty ghi nhận tại chỉ tiêu Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang với số tiền 53,5 tỷ đồng (Thuyết minh số 15 của báo cáo tài chính hợp nhất), trong khi đó giá trị chi phí này đã được Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội kết luận các cá nhân liên quan có trách nhiệm bồi hoàn toàn bộ cho Tổng công ty.

Tuy nhiên, Tổng công ty chưa thực hiện điều chỉnh và ghi khoản phải thu các cá nhân liên quan và chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi cũng như trích lập dự phòng (nếu có) theo quy định. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán cần thiết và thích hợp để đánh giá được liệu có cần điều chỉnh khoản mục Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang và các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty hay không.

Giải trình

Theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐQT ngày 26/06/2020 của Hội đồng Quản trị đã quyết nghị giao Tổng Giám đốc Tổng công ty chỉ đạo triển khai các công việc tiếp tục đánh giá thị trường máy kéo bốn bánh (MK4B) theo hướng hợp tác với các đơn vị tư vấn đánh giá thị trường chuyên nghiệp để có cơ sở cho các quyết định đầu tư phát triển và thực hiện chế thử hộp số MK4B theo thiết kế của Li - xăng ISEKI nhằm tận dụng năng lực sản xuất cơ khí có sẵn của các đơn vị trong Tổng công ty cũng như các đơn vị bên ngoài để giảm thiểu tối đa tổng mức đầu tư sản xuất. Các cá nhân có liên quan đang thực hiện bồi thường.

3

Ý kiến ngoại trừ về nợ phải thu

Ý kiến của kiểm toán

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31/12/2025, một số khoản công nợ phải thu, phải trả của Tổng công ty chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ, cụ thể: Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM và Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ các khoản công nợ phải thu, phải thu khác (lãi phạt quá hạn, lãi vi phạm) số tiền lần lượt khoảng 332 tỷ đồng và 33,1 tỷ đồng, đồng thời, Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo chưa đánh giá khả năng thu hồi và xem xét trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, với giá trị ước tính lũy kế cần trích đến thời điểm đầu năm là 40,1 tỷ đồng và ảnh hưởng đến cuối năm là 41,4 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán cần thiết và thích hợp để đánh giá được tính hiện hữu của các khoản phải thu, cũng như khả năng thu hồi và giá trị dự phòng cần trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán đang được ghi nhận trên báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng công ty. Do đó, chúng tôi không đánh giá được liệu có cần điều chỉnh các khoản mục này trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty hay không.

Giải trình

Các khoản phải thu tồn đọng phát sinh lâu ngày, các Công ty nêu trên đã thực hiện gửi đối chiếu nợ phải thu đến khách hàng, tuy nhiên một số khách hàng chưa phản hồi. Đồng thời, các Công ty nêu trên đã tổ chức thu hồi công nợ và tích cực triển khai xử lý, thu hồi nợ và xử lý tài sản đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật.

4

Ý kiến ngoại trừ về Nhà máy sắt xốp

Ý kiến của kiểm toán

Công ty Cổ phần Vật tư Thiết bị Toàn bộ - công ty con của Tổng công ty đang ghi nhận các khoản chi phí phát sinh trong giai đoạn trước khi thực hiện tái sản xuất với số tiền 58.527.901.394 VND trên chỉ tiêu "Chi phí trả trước dài hạn" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Chúng tôi không đánh giá được tính hợp lý của việc ghi nhận, tập hợp và phân bổ các khoản chi phí này cũng như ảnh hưởng của các khoản mục liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng công ty. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục nêu trên hay không.

Chỉ tiêu Hàng tồn kho và Chi phí trả trước của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 đang ghi nhận khoản chi phí treo lại chờ xử lý của nhà máy sắt xốp tại Công ty Cổ phần vật tư và thiết bị toàn bộ với giá trị khoảng 502,8 tỷ đồng (tại 31 tháng 12 năm 2024 giá trị khoảng 481,8 tỷ đồng). Chúng tôi không thu thập được đầy đủ thông tin, tài liệu cần thiết và thích hợp để đánh giá được liệu có cần điều chỉnh khoản mục Hàng tồn kho, khoản mục Chi phí trả trước và các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty hay không

Giải trình

Chi phí trả trước dài hạn tại Công ty Cổ phần vật tư và thiết bị toàn bộ (Matexim) chủ yếu là chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí lãi vay và một số chi phí khác của Nhà máy sắt xốp phát sinh từ các năm trước. Hiện nay, Nhà máy sắt xốp đang gặp khó khăn phải dừng sản xuất nên chưa đánh giá được các khoản mục chi phí liên quan. Công ty Matexim đang xem xét cơ cấu lại sản phẩm đầu ra. Kế hoạch tăng vốn tại Công ty Matexim được thực hiện từng bước theo đúng quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi cao nhất cho VEAM.

5

Ý kiến ngoại trừ về khoản đầu tư tại Công ty TNHH Năm Sao Hà Nội

Ý kiến của kiểm toán

Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp - Công ty con của Tổng công ty đang ghi nhận khoản góp vốn vào Công ty TNHH Năm Sao Hà Nội trên khoản mục "Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác" của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 với số tiền 45.112.913.628 VND. Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của khoản đầu tư này để làm cơ sở trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (nếu có) theo quy định của Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán cần thiết và thích hợp để đánh giá sự suy giảm của khoản đầu tư này; do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 hay không.

Giải trình

Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp (TAMAC) chưa thu thập được đầy đủ các hồ sơ để đánh giá khả năng thu hồi khoản đầu tư tài chính tại Công ty TNHH Năm Sao Hà Nội. Đồng thời, Công ty TAMAC chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VEAM

05

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của VEAM 84

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành 87

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 88

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA VEAM

VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA VEAM

Bối cảnh chung trong năm 2025

Năm 2025, kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gia tăng; xu hướng bảo hộ thương mại tiếp tục lan rộng tại Mỹ và EU; xung đột quân sự tại một số khu vực vẫn kéo dài và tiềm ẩn nguy cơ lan rộng. Trung Quốc tiếp tục chịu áp lực lớn từ thị trường bất động sản và tiêu dùng nội địa, song vẫn duy trì vai trò trung tâm của chuỗi cung ứng khu vực. Xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng ra khỏi Trung Quốc tiếp tục tăng mạnh, tạo ra cả cơ hội và thách thức cho các nước ASEAN, trong đó có Việt Nam.

Trong nước, kinh tế vĩ mô duy trì ổn định, tăng trưởng GDP đạt mức khá; lạm phát được kiểm soát, đầu tư công được đẩy mạnh, góp phần thúc đẩy các ngành sản xuất - chế biến - chế tạo. Cả hệ thống chính trị đã dành nhiều thời gian, nguồn lực cho việc tiếp tục kiện toàn bộ máy nhà nước, sắp xếp đơn vị hành chính và triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, tạo môi trường thuận lợi hơn cho hoạt động của doanh nghiệp. Chính phủ tiếp tục duy trì chính sách hỗ trợ giảm thuế VAT đến hết năm 2025, qua đó kích cầu tiêu dùng và hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi.

Kinh tế trong nước duy trì đà tăng trưởng tích cực nhưng phải đối mặt với áp lực chi phí đầu vào, cạnh tranh thị trường, Công ty mẹ và các đơn vị thành viên đã nỗ lực triển khai đồng bộ nhiều giải pháp về sản xuất, tiêu thụ, tài chính và quản trị. Nhờ đó, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 đạt mức khả quan, nhiều chỉ tiêu hoàn thành và vượt kế hoạch năm.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho thấy HĐQT đã quyết liệt kịp thời và linh hoạt trong công tác quản trị điều hành, vượt qua khó khăn thách thức và góp phần đạt kết quả kế hoạch mà ĐHĐCĐ đề ra.

1

HĐQT đã tổ chức 16 phiên họp, thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản bằng 146 Phiếu lấy ý kiến để thông qua các nội dung quan trọng thuộc thẩm quyền và ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Văn bản theo yêu cầu nhiệm vụ, theo đúng thẩm quyền, thủ tục, trình tự, cụ thể đã ban hành 217 Nghị quyết, 71 Quyết định và 23 Văn bản. Kế hoạch và kỳ vọng theo nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng được HĐQT thường xuyên rà soát và đánh giá thảo luận trong phiên họp định kỳ của HĐQT, tùy thuộc vào tình hình thực tế của VEAM tại các thời điểm triển khai các nghị quyết.

2

Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT cũng thường xuyên tham dự các cuộc họp của Ban điều hành (Ban điều hành) định kỳ hàng tháng. Qua đó, HĐQT nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty, các quyết định, hoạt động quản lý, điều hành của Ban điều hành và HĐQT có sự phối hợp rất tốt nhằm đưa ra các quyết định, chính sách kịp thời, đúng đắn để vượt qua những thách thức của thị trường và doanh nghiệp để đạt được những kết quả tốt nhất.

3

Đối với việc đảm bảo quyền lợi cổ đông, đối xử công bằng giữa các cổ đông và tăng cường sự tham gia hiệu quả và cân bằng lợi ích của các bên liên quan: HĐQT đã thực hiện việc kiểm soát chặt chẽ các giao dịch nội bộ và bên có liên quan một cách hiệu quả, thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo đúng quy định tại Quy chế công bố thông tin của VEAM.

4

Về công tác quản trị nội bộ, HĐQT đã trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ VEAM. Đối với các công ty có vốn góp của VEAM, HĐQT đã xem xét, ban hành các Nghị quyết, Văn bản liên quan đến các dự Điều lệ, quy chế của các Công ty con.

5

Các nội dung thuộc trách nhiệm và thẩm quyền HĐQT về quản trị, quản trị rủi ro, tuân thủ, kiểm toán giám sát chiến lược, nhân sự và lương thưởng đã được thực thi nghiêm túc. Kết quả đánh giá ghi nhận 03 thành viên HĐQT hoàn thành tốt nhiệm vụ, 02 thành viên HĐQT khác hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; các thành viên HĐQT chủ động và tích cực trong việc thực thi trách nhiệm.

HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện chế độ báo cáo GSTC của VEAM theo quy định. Trong năm 2025, Tổng Giám đốc có 02 báo cáo GSTC về việc GSTC năm 2024 và về GSTC 6 tháng đầu năm 2025. Trên cơ sở các Báo cáo GSTC của Tổng Giám đốc, Bộ phận ĐDVNN đã thực hiện chế độ báo cáo GSTC đối với Chủ sở hữu vốn Nhà nước tại VEAM (BCT) và Bộ Tài chính theo quy định.

Về quản trị rủi ro, HĐQT đã ban hành cập nhật Danh mục rủi ro, rủi ro hàng đầu. Trên cơ sở đó, Ban Kiểm toán nội bộ lập kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025 và đã hoàn thành 05 cuộc kiểm toán nội bộ tại các đơn vị. Dựa trên kết quả kiểm toán, Ban Kiểm toán nội bộ đưa ra những khuyến nghị để HĐQT chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện công tác quản trị, điều hành theo đúng quy định của pháp luật.

VỀ TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

Trong chiến lược phát triển bền vững, trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương là yếu tố quan trọng được HĐQT và Ban điều hành VEAM đặt lên hàng đầu. Bên cạnh đó, VEAM và các công ty con tiếp tục thực hiện đầy đủ trách nhiệm của doanh nghiệp đối với người lao động, luôn tạo điều kiện cho các hoạt động của Công đoàn; nhiều hoạt động có ý nghĩa thiết thực cũng đã được công đoàn triển khai.

Văn phòng Công ty mẹ và các Công ty con tích cực tham gia các khóa đào tạo, tập huấn về đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ. VEAM đã tổ chức, chỉ đạo các công ty con và người đại diện tại các doanh nghiệp có vốn góp của VEAM rà soát, xây dựng giải pháp, kế hoạch, thực hiện đầu tư để kiện toàn hệ thống PCCC, hệ thống xử lý môi trường nhằm đáp ứng các quy định mới và phòng ngừa rủi ro.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị VEAM, HĐQT đã thực hiện việc giám sát, đánh giá hoạt động của Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm 2025 như sau:

Trong năm 2025, mặc dù thị trường trong nước và quốc tế có nhiều thách thức, Công ty mẹ VEAM và các đơn vị thành viên đã nỗ lực tìm kiếm cơ hội, củng cố khách hàng và sản xuất; kết quả SXKD có nhiều cải thiện so với năm 2024. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 đạt mức khả quan, nhiều chỉ tiêu hoàn thành và vượt kế hoạch năm; cơ cấu sản phẩm tiếp tục có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, bám sát xu thế thị trường: Tổng giá trị sản xuất đạt 4.269 tỷ đồng, tăng 6% so với năm 2024; doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất đạt 4.465 tỷ đồng, tăng 9% so với năm 2024; kết quả lợi nhuận sau thuế đạt 97% so với năm 2024. Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, cụ thể:

1. Thực hiện các hoạt động của VEAM bám sát mục tiêu, kế hoạch của ĐHĐCĐ 2025 trên cơ sở Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và pháp luật hiện hành.

2. Định kỳ hàng quý lập báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, tiến độ thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

3. Trong quá trình hoạt động, kịp thời báo cáo và xin ý kiến HĐQT những vấn đề bất thường, vướng mắc đối với các vấn đề vướng mắc, tồn tại của VEAM trong nhiều năm qua từ đó HĐQT kịp thời thống nhất có ý kiến chỉ đạo thực hiện.

4. Triển khai thực hiện công tác giám sát tài chính (GSTC) trực tiếp, GSTC đặc biệt đối với các đơn vị có vốn góp VEAM, đưa ra các biện pháp để thực hiện các kiến nghị tại Báo cáo GSTC và có các giải pháp khắc phục các tồn tại, vướng mắc của đơn vị

5. Định kỳ báo cáo và xây dựng kế hoạch hành động để phòng ngừa, khắc phục rủi ro trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các khuyến nghị của Ban Kiểm toán nội bộ VEAM.

6. Tổ chức triển khai thực hiện đúng các quy định về chế độ đối với người lao động của VEAM.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

QUẢN TRỊ HIỆU QUẢ

QUYẾT LIỆT XỬ LÝ TỒN TẠI

PHÁT TRIỂN NHANH BỀN VỮNG

Năm 2026, thế giới bước vào giai đoạn bất định gia tăng với xung đột địa chính trị, cạnh tranh chiến lược và biến động năng lượng, làm suy yếu trật tự quốc tế. Kinh tế toàn cầu tăng trưởng ở mức thấp. Cạnh tranh công nghệ và chuyển đổi năng lượng diễn ra mạnh mẽ, cách mạng công nghiệp 4.0, đặc biệt AI, trở thành động lực tăng trưởng mới. Đối với Việt Nam, tăng trưởng duy trì ở mức khá nhưng để đạt mục tiêu cao, đòi hỏi nâng cao năng suất và đổi mới sáng tạo. Doanh nghiệp cần chuyển sang mô hình tăng trưởng dựa trên công nghệ, nghiên cứu & phát triển và chuyển đổi số. Đồng thời, chuẩn hóa quản trị theo tiêu chuẩn quốc tế, ESG và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn để tăng sức cạnh tranh.

Căn cứ bối cảnh kinh tế - chính trị chung toàn cầu và khu vực; trên cơ sở đặc thù, định hướng hoạt động và tình hình thực tế tại VEAM, với phương châm hành động trong năm 2026 là: "Quản trị hiệu quả - Quyết liệt xử lý tồn tại - Phát triển nhanh, bền vững". HĐQT xác định một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 như sau:

Về công tác sản xuất kinh doanh và đầu tư

Chỉ đạo, giám sát thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2026 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ/HĐQT, bảo đảm tiến độ, hiệu quả và tuân thủ; Xây dựng chiến lược phát triển trung hạn và định hướng dài hạn, xác định rõ mục tiêu và trụ cột chiến lược.

Về xử lý tồn tại, vướng mắc

Tập trung xử lý dứt điểm tồn kho, tháo gỡ vướng mắc xe Changan; Đẩy mạnh thu hồi công nợ quá hạn, xử lý các khoản nợ rủi ro; Giải quyết các dự án tồn đọng.

Về công tác tổ chức, quản trị và nhân lực

Cập nhật Điều lệ, quy chế theo Luật 68/2025/QH15 và văn bản hướng dẫn; Xây dựng, triển khai Đề án cơ cấu lại VEAM; Xây dựng Đề án vị trí việc làm, hoàn thiện phân cấp, phân quyền; nâng cao chất lượng nhân lực; Triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Về thể chế, kiểm soát nội bộ và tuân thủ

Rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế nội bộ; ưu tiên ban hành Quy chế đầu tư, tài chính, nhân sự; nâng cao hiệu quả kiểm toán nội bộ, GSTC; tăng cường phòng ngừa rủi ro và tuân thủ; thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm tra và chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

Về tài chính, kế toán và GSTC

Tăng cường GSTC; phối hợp cơ quan chức năng thực hiện quyết toán cổ phần hóa VEAM.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

06

Hội đồng quản trị 92

Ban kiểm soát 110

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành 112

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty 114

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HĐQT

TT	Họ và tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Đại diện cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu (VEA) có quyền biểu quyết	Số lượng chức danh thành viên HĐQT, chức danh quản lý nắm giữ tại công ty khác
1	ÔNG NGÔ KHẢI HOÀN	Chủ tịch HĐQT	285.286.966	21,47%	
2	ÔNG NGUYỄN HOÀNG GIANG	TV HĐQT/TGĐ	225.896.000	17%	
3	BÀ NGUYỄN THỊ HOA	TV HĐQT	199.320.000	15%	
4	BÀ TRẦN THỊ NGUYỆT	TV HĐQT			05 chức danh TV HĐQT: - Chủ tịch HĐQT Cty CP Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội; - Chủ tịch HĐQT Cty CP Intimex Việt Nam; - TV HĐQT Cty CP XD số 1 Hà Nội; - TV HĐQT Cty CP cung ứng dịch vụ tổng hợp Thịnh Nguyên; - TV Công ty CP Cho thuê máy bay Việt Nam
5	ÔNG NGUYỄN TIẾN VỴ	TV độc lập HĐQT			01 chức danh là TV HĐQT - Tổng công ty Rượu bia nước giải khát Sài Gòn
6	ÔNG PHAN KIM KHOA (Thôi là TV độc lập HĐQT từ 20.6.2025)	TV độc lập HĐQT			
7	ÔNG NGÔ QUANG TRUNG (Là TV HĐQT từ 25.4.2025)	TV HĐQT	199.320.000	15%	

CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT ban hành Nghị quyết số 153/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc kiện toàn nhân sự Tiểu ban tổ chức nhân sự, Tiểu ban tổ chức nhân sự, Tiểu ban kiểm toán, Tiểu ban chiến lược.

Tiểu ban chiến lược	
Chủ tịch HĐQT	Trưởng Tiểu ban
Tổng Giám đốc	Thành viên
Thành viên HĐQT	Thành viên
Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên
Phó Tổng Giám đốc	Thành viên
Trưởng Ban Đầu tư phát triển	Thành viên
Trưởng Ban Kinh tế Kế hoạch	Thành viên
Phó Chánh Văn phòng HĐQT	Thành viên, Thư ký
Tiểu ban tổ chức nhân sự	
Chủ tịch HĐQT	Trưởng Tiểu ban
Tổng Giám đốc	Thành viên
Thành viên HĐQT	Thành viên
Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên
Phó Tổng Giám đốc	Thành viên
Chánh Văn phòng HĐQT	Thành viên
Trưởng Ban Tổ chức Nhân sự	Thành viên, Thư ký
Tiểu ban kiểm toán	
Tổng Giám đốc	Trưởng Tiểu ban
Thành viên HĐQT	Thành viên
Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên
Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán	Thành viên
Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	Thành viên
Phó trưởng ban Ban Kiểm toán nội bộ	Thành viên

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2025, HĐQT đã hoạt động tích cực và tuân thủ đầy đủ, nghiêm túc các quy định liên quan về chức năng, nhiệm vụ của HĐQT, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

HĐQT chủ trì tổ chức thành công ĐHĐCĐ bất thường và ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, bảo đảm công khai, minh bạch và tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật. ĐHĐCĐ bất thường ngày 25/4/2025 thông qua việc bầu bổ sung Thành viên HĐQT; ĐHĐCĐ thường niên ngày 20/6/2025 thông qua các nội dung quan trọng thuộc thẩm quyền, trong đó có các báo cáo hoạt động, kết quả SXKD và nhiều Tờ trình trọng yếu.

1

Định kỳ tổ chức họp HĐQT nhằm đánh giá HĐKD và đưa ra phương hướng chỉ đạo kịp thời

Trong năm 2025, HĐQT đã tiến hành 16 phiên họp, ban hành 217 Nghị quyết và 71 Quyết định, tổ chức lấy 146 phiếu lấy ý kiến bằng văn bản và 23 văn bản thông qua nhiều chủ trương quan trọng đối với hoạt động và định hướng phát triển của VEAM; các thành viên HĐQT tham gia các cuộc họp đầy đủ và có tinh thần trách nhiệm cao khi tham gia ý kiến; các nghị quyết, quyết định tập trung vào công tác chỉ đạo, quản lý, giám sát hoạt động của VEAM bao gồm các nội dung:

- Các nội dung triển khai và hoàn thành gồm: Công tác tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 của VEAM; chỉ đạo các nội dung được thông qua ĐHĐCĐ năm 2025 của các công ty cổ phần có vốn góp của VEAM; công tác phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025 của VEAM và các công ty 100% vốn VEAM; tổ chức đánh giá Người quản lý, Người điều hành VEAM và Người giữ chức danh, chức vụ và đại diện vốn tại doanh nghiệp có vốn góp của VEAM; xem xét, chấp thuận hợp đồng, giao dịch với Người có liên quan; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cử, cử lại nhân sự thuộc thẩm quyền của HĐQT và một số công tác khác.

- Các công việc đang triển khai gồm: Việc thực hiện các kiến nghị về công tác GSTC, xem xét chấp thuận BCTC, công tác GSTC đặc biệt; các kiến nghị của Ban Kiểm toán nội bộ; việc tiếp tục thực hiện kế hoạch kiểm soát, phòng ngừa, khắc phục rủi ro đối với hoạt động SXKD của Công ty mẹ và các đơn vị; các kết luận, kiến nghị thanh tra của các cơ quan thẩm quyền; tình hình rà soát vốn điều lệ tại các công ty 100% vốn góp của VEAM và việc giao vốn tại các Chi nhánh; công tác thu hồi các khoản công nợ quá hạn của VEAM; việc giải quyết các tồn tại, vướng mắc của VEAM; một số hạng mục đầu tư năm 2025 chuyển tiếp sang năm 2026 và việc tiếp tục kiện toàn các quy chế, quy định để đáp ứng các chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước.

2

Giám sát hoạt động đối với Ban điều hành

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành được thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ VEAM, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và pháp luật hiện hành. Trong năm, HĐQT đã thực hiện chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT của VEAM như sau:

- Giám sát thực hiện các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT đã ban hành.
- Chỉ đạo, giám sát Tổng Giám đốc và Ban điều hành tiếp tục tìm kiếm, thực hiện các giải pháp, biện pháp để từng bước tháo gỡ và giải quyết các vấn đề vướng mắc, tồn tại của VEAM trong nhiều năm qua.
- Chỉ đạo thực hiện GSTC trực tiếp, GSTC đặc biệt đối với các đơn vị có vốn góp của VEAM; qua đó, chỉ đạo Tổng Giám đốc có ý kiến đối với Người GCDCV&NĐD phối hợp với Ban điều hành tại đơn vị đưa ra các biện pháp để thực hiện các kiến nghị tại Báo cáo GSTC và có các giải pháp khắc phục các tồn tại, vướng mắc của đơn vị.
- Chỉ đạo, giám sát Ban điều hành, Người GCDCV&NĐD VEAM định kỳ báo cáo và xây dựng kế hoạch hành động để phòng ngừa, khắc phục rủi ro trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các khuyến nghị của Ban Kiểm toán nội bộ VEAM.
- Giám sát hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 để đảm bảo kế hoạch đề ra.
- Chỉ đạo Tổng Giám đốc và Ban điều hành thực hiện rà soát và giám sát việc thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của các công ty có vốn góp chi phối của VEAM.
- Thông qua các giao dịch với Người liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Chỉ đạo thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch nhân sự; bổ nhiệm nhân sự thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.
- Chỉ đạo hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý nội bộ của VEAM.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	ÔNG NGÔ KHẢI HOÀN	16/16	100%	
2	ÔNG NGUYỄN HOÀNG GIANG	12/16	75%	Ủy quyền 04 buổi họp HĐQT
3	BÀ NGUYỄN THỊ HOA	16/16	100%	
4	BÀ TRẦN THỊ NGUYỆT	10/16	62,5%	Ủy quyền 06 buổi họp HĐQT
5	ÔNG NGUYỄN TIẾN VỴ	16/16	100%	
6	ÔNG PHAN KIM KHOA	04/07	57%	Có đơn từ nhiệm từ ngày 01/4/2025
7	ÔNG NGÔ QUANG TRUNG	10/11	91%	Bổ nhiệm từ ngày 25/4/2025; Ủy quyền 01 buổi họp HĐQT

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	Số Nghị quyết/ Quyết địnH	Ngày	Nội dung
			NGHỊ QUYẾT
1	01/NQ-HĐQT	07/01/2025	Công tác đầu tư 2024 của FOMECO
2	02/NQ-HĐQT	10/01/2025	Hỗ trợ Chi nhánh VF và VM (VEAM)
3	03/NQ-HĐQT	03/10/2025	Khen thưởng Người quản lý và Ban kiểm soát VEAM
4	04/NQ-HĐQT	13/01/2025	Cử Đoàn công tác nước ngoài
5	05/NQ-HĐQT	14/01/2025	Phê duyệt KHSXKD 2025 của DISOCO
6	06/NQ-HĐQT	14/01/2025	Phê duyệt kế hoạch 2025 của SVEAM
7	07/NQ-HĐQT	14/01/2025	Phê duyệt kế hoạch 2025 của TAMAC
8	08/NQ-HĐQT	14/01/2025	Phê duyệt kế hoạch 2025 của VCN
9	09/NQ-HĐQT	14/01/2025	Kế hoạch 2025 của CKTHD
10	10/NQ-HĐQT	14/01/2025	Phê duyệt kế hoạch 2025 của CNNA
11	11/NQ-HĐQT	14/01/2025	Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Kết luận thanh tra số 359/KL-TTCP
12	12/NQ-HĐQT	17/01/2025	Ý kiến chỉ đạo liên quan Báo cáo số 10/BC-TGĐ của Tổng Giám đốc
13	13/NQ-HĐQT	22/01/2025	Phê duyệt tiền gửi vượt hạn mức tại Vietinbank
14	14/NQ-HĐQT	22/01/2025	Ký Hợp đồng giữa TMV và TMMIN
15	15/NQ-HĐQT	29/01/2025	Kết quả kiểm toán thực hiện Chương trình đầu tư tại DISOCO
16	16/NQ-HĐQT	23/01/2025	Báo cáo số 11/BC-TGĐ của Tổng Giám đốc
17	17/NQ-HĐQT	23/01/2025	Quy hoạch chức danh quản lý giai đoạn 2024-2029 của DISOCO
18	18/NQ-HĐQT	04/02/2025	Ký Thỏa thuận cấp phép sử dụng chương trình máy tính hệ thống TMC
19	19/NQ-HĐQT	17/02/2025	Kế hoạch đầu tư năm 2025 của TAMAC
20	20/NQ-HĐQT	18/02/2025	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ DISOCO
21	21/NQ-HĐQT	26/02/2025	Thông qua hợp đồng gói thầu trung tâm gia công ngang 100% của SVEAM
22	22/NQ-HĐQT	28/02/2025	Giao dịch giữa VEAM và Công ty CP Chứng khoán ASEAN
23	23/NQ-HĐQT	28/02/2025	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ SVEAM
24	24/NQ-HĐQT	28/02/2025	Ký HĐ chi cho sự kiện Golf Lexus Asia Cup 2025 với Toyota Motor Asia

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

TT	Số Nghị quyết/ Quyết địnH	Ngày	Nội dung
			NGHỊ QUYẾT
25	25/NQ-HĐQT	04/3/2025	Giao dịch giữa VEAM và Báo Công Thương
26	26/NQ-HĐQT	04/3/2025	Giao dịch giữa VEAM và Tạp chí Công Thương
27	27/NQ-HĐQT	06/3/2025	Bổ nhiệm Phó Chánh Văn phòng HĐQT
28	28/NQ-HĐQT	07/3/2025	Tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2025
29	29/NQ-HĐQT	10/3/2025	Công tác nhân sự Giám đốc FOMECO
30	30/NQ-HĐQT	11/3/2025	Sửa đổi, bổ sung gia hạn Hợp đồng cấp phép sở hữu công nghiệp với HVN
31	31/NQ-HĐQT	11/3/2025	Ký Thỏa thuận cấp phép thứ cấp sử dụng hệ thống YUI giữa TMV và TMA (SG)
32	32/NQ-HĐQT	20/3/2025	Kết quả hoạt động Ban Kiểm toán nội bộ năm 2024
33	33/NQ-HĐQT	26/3/2025	Ký Thỏa thuận bổ sung điều khoản HĐ nhà phân phối Toyota và Lexus
34	34/NQ-HĐQT	31/3/2025	Giao dịch giữa VEAM và Trung tâm Kiểm định công nghiệp 1
35	35/NQ-HĐQT	31/3/2025	Gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2025
36	36/NQ-HĐQT	31/3/2025	Thành lập Ban tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2025
37	37/NQ-HĐQT	31/3/2025	Kế hoạch đầu tư năm 2025 của Văn phòng Công ty mẹ
38	38/NQ-HĐQ	31/3/2025	Kế hoạch đầu tư năm 2025 của DISOCO
39	39/NQ-HĐQT	31/3/2025	Dự án bổ sung thiết bị dây chuyền đúc tự động tại VF
40	40/NQ-HĐQT	31/3/2025	Kế hoạch đầu tư năm 2025 của CKTHD
41	41/NQ-HĐQT	31/3/2025	Kế hoạch đầu tư năm 2025 của CKCL
42	42/NQ-HĐQT	31/3/2025	Kế hoạch đầu tư năm 2025 của VETRANCO
43	43/NQ-HĐQT	31/3/2025	Công bố thông tin định kỳ Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán
44	44/NQ-HĐQT	31/3/2025	Kế hoạch đầu tư năm 2025 của VF
45	45/NQ-HĐQT	31/3/2025	Ý kiến chỉ đạo về nội dung xin ý kiến Người đại diện phần vốn VEAM tại TMV
46	46/NQ-HĐQT	02/4/2025	Chấp thuận HĐ thuê Giám đốc và đề cử bổ nhiệm Giám đốc FOMECO
47	47/NQ-HĐQT	02/4/2025	Thông qua bộ tài liệu ĐHĐCĐ bất thường năm 2025
48	48/NQ-HĐQT	03/4/2025	Chấp thuận phương án chọn nhà cung cấp dịch vụ thuê hàng trưng bày tại Autotech 2025
49	49/NQ-HĐQT	07/07/2025	Thông qua hợp đồng giữa VEAM và Người có liên quan
50	50/NQ-HĐQT	08/4/2025	Ý kiến chỉ đạo cho Nhóm đại diện vốn VEAM tại cuộc họp HĐQT và ĐHĐCĐ NAKYCO

TT	Số Nghị quyết/ Quyết địnH	Ngày	Nội dung
			NGHỊ QUYẾT
51	51/NQ-HĐQT	11/4/2025	Công tác nhân sự Người đại diện vốn VEAM tại FOMECO
52	52/NQ-HĐQT	14/4/2025	Tuyển dụng bổ sung nhân sự tại Ban kiểm toán nội bộ
53	53/NQ-HĐQT	14/4/2025	Kế hoạch kinh doanh thương mại 2025 của Văn phòng Công ty mẹ
54	54/NQ-HĐQT	16/4/2025	Thông qua HĐ gói thầu số 08 cung cấp lò nấu gang, thép trung tần 1 tấn tại DISOCO
55	55/NQ-HĐQT	21/4/2025	Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2025
56	56/NQ-HĐQT	21/4/2025	Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại ĐHĐCĐ bất thường 2025 của VEAM
57	57/NQ-HĐQT	21/4/2025	Ý kiến chỉ đạo đối với Nhóm đại diện vốn VEAM tại ĐHĐCĐ CKCL
58	58/NQ-HĐQT	21/4/2025	Ý kiến chỉ đạo Nhóm đại diện vốn VEAM tại ĐHĐCĐ FUTU1
59	59/NQ-HĐQT	21/4/2025	Ý kiến chỉ đạo Nhóm đại diện vốn VEAM tại ĐHĐCĐ VTH
60	60/NQ-HĐQT	23/4/2025	Kế hoạch năm 2025 của VF
61	61/NQ-HĐQT	23/4/2025	Kế hoạch năm 2025 của VM
62	62/NQ-HĐQT	24/4/2025	Ý kiến chỉ đạo Nhóm đại diện vốn VEAM tại ĐHĐCĐ CKCX1
63	63/NQ-HĐQT	24/4/2025	Bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ VEAM
64	64/NQ-HĐQT	25/4/2025	Ý kiến chỉ đạo Nhóm đại diện vốn VEAM tại ĐHĐCĐ MTX HP
65	65/NQ-HĐQT	25/4/2025	Báo cáo số 30/BC-TGĐ ngày 26/02/2025 của Tổng Giám đốc
66	66/NQ-HĐQT	26/4/2025	Phê duyệt Quy chế Báo cáo, cung cấp thông tin tại VEAM
67	67/NQ-HĐQT	06/5/2025	Kế hoạch đầu tư năm 2025 của VM
68	68/NQ-HĐQT	06/5/2025	Chương trình từ thiện tặng máy nông nghiệp cho đồng bào khó khăn
69	69/NQ-HĐQT	06/5/2025	Kế hoạch đầu tư năm 2025 của FUTU1
70	70/NQ-HĐQT	06/5/2025	Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng nhân sự Văn phòng Công ty mẹ 2025 (tạm thời)
71	71/NQ-HĐQT	07/5/2025	Ban hành Quy chế đầu tư của DISOCO
72	72/NQ-HĐQT	09/5/2025	Ý kiến chỉ đạo Nhóm đại diện vốn VEAM tại ĐHĐCĐ CKAG
73	73/NQ-HĐQT	12/5/2025	Sửa đổi, bổ sung Quy chế Kiểm toán nội bộ HVN
74	74/NQ-HĐQT	12/5/2025	Ký Thỏa thuận hợp tác dự án trang thương mại điện tử xe cũ của TMV
75	75/NQ-HĐQT	12/5/2025	Khen thưởng Người quản lý và Ban kiểm soát VEAM
76	76/NQ-HĐQT	19/5/2025	Hỗ trợ các Chi nhánh VF và VM

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

TT	Số Nghị quyết/ Quyết địnH	Ngày	Nội dung
			NGHỊ QUYẾT
77	77/NQ-HĐQT	20/5/2025	Chấp thuận phương án chọn nhà cung cấp thuê hàng trưng bày tại Auto Expo 2025
78	78/NQ-HĐQT	20/5/2025	Cho thôi đại diện phần vốn VEAM tại HVN
79	79/NQ-HĐQT	20/5/2025	Phê duyệt chủ trương đối với nhân sự đại diện phần vốn VEAM tại HVN
80	80/NQ-HĐQT	21/5/2025	Kiện toàn chức danh Trưởng Ban pháp chế
81	81/NQ-HĐQT	21/5/2025	Kế hoạch đầu tư năm 2025 của SVEAM
82	82/NQ-HĐQT	21/5/2025	Sửa đổi Quy chế chế độ công tác phí
83	83/NQ-HĐQT	22/5/2025	Ban hành Quy chế Xử lý đơn kiến nghị, phản ánh, khiếu nại tại VEAM
84	84/NQ-HĐQT	22/5/2025	Bổ nhiệm Thành viên Hội đồng thành viên DISOCO
85	85/NQ-HĐQT	22/5/2025	Kế hoạch giám sát tài chính, kiểm tra báo cáo tài chính năm 2024 tại các đơn vị có vốn góp của VEAM
86	86/NQ-HĐQT	22/5/2025	Công tác nhân sự tại VETRANCO
87	87/NQ-HĐQT	22/5/2025	Ý kiến chỉ đạo Người đại diện phần vốn VEAM tại ĐHĐCĐ VETRANCO
88	88/NQ-HĐQT	27/5/2025	Thông qua HĐ Gói thầu số 10 Thi công hệ thống PCCC của DISOCO
89	89/NQ-HĐQT	28/5/2025	Thông qua bộ tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2025 của VEAM
90	90/NQ-HĐQT	28/5/2025	Nội dung Báo cáo số 25/BC-TGĐ ngày 19/02/2025 của Tổng Giám đốc
91	91/NQ-HĐQT	28/5/2025	Kết quả thực hiện chỉ đạo của Bộ Công Thương tại Văn bản 1173/BCT-KHTC và 245/TB-VPB
92	92/NQ-HĐQT	02/6/2025	Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên 2025 của VEAM
93	93/NQ-HĐQT	03/6/2025	Xem xét Đơn đề nghị ngày 24/3/2025 của ông Phan Kim Khoa
94	94/NQ-HĐQT	03/6/2025	Phê duyệt điều chỉnh KH lựa chọn nhà thầu hạng mục PCCC bổ sung Dự án CKTHD mới
95	95/NQ-HĐQT	05/6/2025	Quy hoạch chức danh quản lý giai đoạn 2025-2030 của CKTHD
96	96/NQ-HĐQT	05/6/2025	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ VEAM
97	97/NQ-HĐQT	05/6/2025	Nội dung xin ý kiến họp Hội đồng thành viên HVN
98	98/NQ-HĐQT	10/6/2025	Nội dung xin ý kiến Hội đồng thành viên của Nhóm đại diện vốn VEAM tại HVN
99	99/NQ-HĐQT	12/6/2025	Cho thôi đại diện phần vốn VEAM tại Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ (MTX)
100	100/NQ-HĐQT	12/6/2025	Phê duyệt chủ trương nhân sự đại diện phần vốn VEAM tại MTX
101	101/NQ-HĐQT	12/6/2025	Ý kiến chỉ đạo Người đại diện phần vốn VEAM tại ĐHĐCĐ thường niên 2025 của MTX
102	102/NQ-HĐQT	13/6/2025	Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện 2024 và Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch 2025 của MTX

TT	Số Nghị quyết/ Quyết địnH	Ngày	Nội dung
			NGHỊ QUYẾT
103	103/NQ-HĐQT	13/6/2025	Cử Người đại diện vốn VEAM và giới thiệu nhân sự tham gia HĐQT tại MTX
104	104/NQ-HĐQT	13/6/2025	Sửa đổi NQ 100/NQ-HĐQT và NQ 103/NQ-HĐQT liên quan điều chỉnh tỷ lệ đại diện vốn VEAM tại MTX của ông Bùi Văn Thành
105	105/NQ-HĐQT	16/6/2025	Quỹ tiền lương thực hiện 2024 và Kế hoạch Quỹ tiền lương 2025 của VM
106	106/NQ-HĐQT	18/6/2025	Phê duyệt chủ trương nhân sự đại diện vốn VEAM tại FOMECO
107	107/NQ-HĐQT	18/6/2025	Thỏa thuận sửa đổi Phụ lục Hợp đồng trợ giúp kỹ thuật của TMV
108	108/NQ-HĐQT	19/6/2025	Quỹ tiền lương thực hiện 2024 và Kế hoạch Quỹ tiền lương 2025 của VF
109	109/NQ-HĐQT	23/6/2025	Ý kiến chỉ đạo Nhóm đại diện vốn VEAM tại ĐHĐCĐ thường niên 2025 của FOMECO
110	110/NQ-HĐQT	23/6/2025	Cử Người đại diện vốn VEAM và giới thiệu nhân sự tham gia HĐQT tại FOMECO
111	111/NQ-HĐQT	26/6/2025	Yêu cầu luật sư VEAM thuộc Công ty luật Bizlink tham gia phiên tòa sơ thẩm vụ án tranh chấp hợp đồng cầm cố và hợp đồng quản lý tài khoản chuyên dụng giữa Sacombank, VEAM và MAC
112	112/NQ-HĐQT	01/7/2025	Cử Người đại diện vốn VEAM tại Công ty Honda Việt Nam (HVN)
113	113/NQ-HĐQT	04/7/2025	Triển khai thực hiện một số nội dung tại NQ 02/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ thường niên 2025 của VEAM
114	114/NQ-HĐQT	09/7/2025	Công tác nhân sự Phụ trách Ban Tổ chức Nhân sự
115	115/NQ-HĐQT	11/7/2025	Kết quả kiểm toán thực hiện Hoạt động bán hàng tại Công ty CP Cơ khí Cổ Loa (COLOAMEC)
116	116/NQ-HĐQT	17/7/2025	Thông qua kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm và phương hướng thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2025 của VEAM
117	117/NQ-HĐQT	17/7/2025	Kế hoạch, chương trình công tác nước ngoài của Chủ tịch HĐQT
118	118/NQ-HĐQT	17/7/2025	Cử Chủ tịch Hội đồng quản trị đi công tác nước ngoài
119	119/NQ-HĐQT	17/7/2025	Điều chỉnh ngành nghề kinh doanh và sửa đổi nội dung Hợp đồng liên doanh của TMV
120	120/NQ-HĐQT	21/7/2025	Thông qua Báo cáo tình hình thực hiện chương trình, kế hoạch công tác 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2025 của HĐQT VEAM
121	121/NQ-HĐQT	22/7/2025	Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện 2024 và Kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao năm 2025 của DISOCO
122	122/NQ-HĐQT	29/7/2025	Điều chỉnh phân công nhiệm vụ đối với Thành viên HĐQT
123	123/NQ-HĐQT	31/7/2025	Ủy quyền phê duyệt quyết toán vốn dự án hoàn thành
124	124/NQ-HĐQT	31/7/2025	Thực hiện kiến nghị đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đối với Hoa
125	125/NQ-HĐQT	01/8/2025	Tiếp tục tiêu thụ xe tồn kho lâu năm tại Nhà máy ô tô VEAM
126	126/NQ-HĐQT	01/8/2025	Ký Thỏa thuận sửa đổi Thỏa thuận trách nhiệm sản phẩm giữa TMV và Daihatsu Motor Co., Ltd (DMC)
127	127/NQ-HĐQT	05/8/2025	Chấp thuận phương án lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ thuê gian hàng tại Triển lãm Thương mại kinh tế - xã hội 80 năm Ngày Quốc khánh

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

TT	Số Nghị quyết/ Quyết địnH	Ngày	Nội dung
			NGHỊ QUYẾT
128	128/NQ-HĐQT	05/8/2025	Nội dung họp HĐQT Công ty CP NAKYCO ngày 06/8/2025
129	129/NQ-HĐQT	05/8/2025	Bổ sung phương án tiêu thụ xe ô tô Chang an tồn kho tại VEAM
130	130/NQ-HĐQT	06/8/2025	Điều kế chỉnh thời gian công tác tại kế hoạch, chương trình công tác nước ngoài của Chủ tịch HĐQT
131	131/NQ-HĐQT	06/8/2025	Điều chỉnh thời gian Chủ tịch HĐQT đi công tác nước ngoài
132	132/NQ-HĐQT	08/8/2025	Kế hoạch đầu tư năm 2025 của Công ty CP Cơ khí Phổ Yên (FOMECO)
133	133/NQ-HĐQT	08/8/2025	Kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2025 của Công ty CP Phụ tùng máy số 1 (FUTU1)
134	134/NQ-HĐQT	08/8/2025	Chấp thuận phương án lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ thiết kế, dàn dựng và trang trí gian hàng trưng bày tại Triển lãm Thành tựu Kinh tế - Xã hội nhân dịp kỷ niệm 80 năm Ngày Quốc khánh
135	135/NQ-HĐQT	12/8/2025	Phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói tài sản xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC năm 2025 của VEAM
136	136/NQ-HĐQT	13/8/2025	Mở rộng phạm vi ủy quyền cho Người đại diện vốn VEAM tại Công ty Ô tô Toyota Việt Nam
137	137/NQ-HĐQT	18/8/2025	Thành lập Ban chỉ đạo xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm của VEAM giai đoạn 2026-2030
138	138/NQ-HĐQT	18/8/2025	Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện 2024 và Kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao năm 2025 của FOMECO
139	139/NQ-HĐQT	18/8/2025	Chủ trương bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc VEAM
140	140/NQ-HĐQT	18/8/2025	Đánh giá, xếp loại chất lượng năm 2024 đối với Thành viên Hội đồng quản trị
141	141/NQ-HĐQT	18/8/2025	Đánh giá, xếp loại chất lượng năm 2024 đối với Thành viên Ban kiểm soát
142	142/NQ-HĐQT	18/8/2025	Đánh giá, xếp loại chất lượng năm 2024 đối với Thành viên Ban điều hành VEAM
143	143/NQ-HĐQT	18/8/2025	Đánh giá, xếp loại chất lượng 2024 đối với nhân sự Văn phòng HĐQT, Ban kiểm toán nội bộ thuộc thẩm quyền đánh giá của HĐQT
144	144/NQ-HĐQT	18/8/2025	Đánh giá, xếp loại chất lượng 2024 đối với Người giữ chức danh, chức vụ và Người đại diện vốn VEAM tại doanh nghiệp có vốn góp của VEAM
145	145/NQ-HĐQT	20/8/2025	Thôi giữ chức vụ Trưởng ban Đầu tư phát triển
146	146/NQ-HĐQT	21/8/2025	Kiện toàn nhân sự và bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc VEAM
147	147/NQ-HĐQT	21/8/2025	Kế hoạch, chương trình công tác của Chủ tịch HĐQT tại Nhật Bản tháng 9 năm 2025
148	148/NQ-HĐQT	21/8/2025	Cử Chủ tịch HĐQT công tác Nhật Bản tháng 9 năm 2025
149	149/NQ-HĐQT	22/8/2025	Cho thôi đại diện phần vốn VEAM tại Công ty Ô tô Toyota Việt Nam (TMV)
150	150/NQ-HĐQT	22/8/2025	Phê duyệt chủ trương nhân sự đại diện phần vốn VEAM tại Công ty Ô tô Toyota Việt Nam (TMV)
151	151/NQ-HĐQT	25/8/2025	Công tác nhân sự Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công (DISOCO)
152	152/NQ-HĐQT	27/8/2025	Quỹ tiền lương thực hiện 2024 và Kế hoạch Quỹ tiền lương 2025 của Viện công nghệ (VCN)

TT	Số Nghị quyết/ Quyết địnH	Ngày	Nội dung
			NGHỊ QUYẾT
153	153/NQ-HĐQT	27/8/2025	Phê duyệt quyết toán Quỹ tiền lương thực hiện 2024, Kế hoạch Quỹ tiền lương 2025 của Người lao động tại Văn phòng Công ty mẹ, Chi nhánh TP.HCM và Chi Nhánh Nghệ An
154	154/NQ-HĐQT	27/8/2025	Cập nhật, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Ban Kỹ thuật – Nghiên cứu phát triển (KT-NCPT)
155	155/NQ-HĐQT	27/8/2025	Giao vốn hoạt động năm 2025 của Chi nhánh VEAM – Nhà máy đúc (VF)
156	156/NQ-HĐQT	28/8/2025	Chấp thuận phương án lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ tham gia đoàn xúc tiến thương mại tại Nhật Bản năm 2025
157	157/NQ-HĐQT	28/8/2025	Chấp thuận phương án lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho thuê gian hàng trưng bày tại Triển lãm FBC ASEAN 2025
158	158/NQ-HĐQT	28/8/2025	Hợp đồng giữa VEAM và Trung tâm hỗ trợ xúc tiến Thương mại và Đầu tư
159	159/NQ-HĐQT	29/8/2025	Công bố thông tin Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 đã được soát xét của VEAM
160	160/NQ-HĐQT		
161	161/NQ-HĐQT	05/9/2025	Quỹ tiền lương thực hiện 2023, 2024 và Kế hoạch Quỹ tiền lương 2025 của Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo (CK THĐ)
162	162/NQ-HĐQT	05/9/2025	Kết quả kiểm toán thực hiện Hoạt động mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM (VETRANCO)
163	163/NQ-HĐQT	05/9/2025	Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc trong hoạt động của Văn phòng Công ty mẹ
164	164/NQ-HĐQT	05/9/2025	Phương án lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho thuê gian hàng trưng bày tại Triển lãm M-Tech Osaka 2025
165	165/NQ-HĐQT	05/9/2025	Trả lời đề nghị của TMV về đề xuất tạm hoãn phân bổ lợi nhuận của năm tài chính thứ 31
166	166/NQ-HĐQT	05/9/2025	Kế hoạch đầu tư bổ sung năm 2025 của Công ty CP Phụ tùng máy số 1 (FUTU1)
167	167/NQ-HĐQT	15/9/2025	Bổ nhiệm lại đối với người giữ chức danh, chức vụ tại Văn phòng Công ty mẹ VEAM và các doanh nghiệp có vốn góp của VEAM
168	168/NQ-HĐQT	15/9/2025	Tổ chức Diễn đàn Bộ trưởng Bộ Công Thương và Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam – Lắng nghe nông dân nói chuyện
169	169/NQ-HĐQT	18/9/2025	Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng nhân sự Văn phòng Công ty mẹ năm 2025
170	170/NQ-HĐQT	24/9/2025	Ký Thỏa thuận dịch vụ chuyển đổi số: Quản lý và duy trì Nền tảng dữ liệu khách hàng của TMV
171	171/NQ-HĐQT	26/9/2025	Chủ trương bổ nhiệm nhân sự Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công (DISOCO)
172	172/NQ-HĐQT	01/10/2025	Bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công (DISOCO)
173	173/NQ-HĐQT	02/10/2025	Phương án sửa đổi nội dung Thỏa thuận loại trừ liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của TMV
174	174/NQ-HĐQT	09/10/2025	Ký Phụ lục Hợp đồng với Báo Công Thương
175	175/NQ-HĐQT	09/10/2025	Công tác nhân sự tại Văn phòng Hội đồng quản trị
176	176/NQ-HĐQT	09/10/2025	Kết quả kiểm toán thực hiện Chương trình đầu tư tại Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam (SVEAM)
177	177/NQ-HĐQT	10/10/2025	Công tác nhân sự tại Văn phòng HĐQT

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

TT	Số Nghị quyết/ Quyết địnH	Ngày	Nội dung
			NGHỊ QUYẾT
178	178/NQ-HĐQT	15/10/2025	Thông qua Hợp đồng giữa VEAM và Người có liên quan
179	179/NQ-HĐQT	17/10/2025	Phân phối lợi nhuận năm 2024 của Công ty CP Phụ tùng máy số 1
180	180/NQ-HĐQT	22/10/2025	Chấp thuận Báo cáo tài chính năm 2024 tại các đơn vị có vốn góp của VEAM
181	181/NQ-HĐQT	29/10/2025	Phương án phân phối lợi nhuận 2024 của Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công (DISOCO)
182	182/NQ-HĐQT	31/10/2025	Cử lại Người đại diện vốn VEAM tại Công ty TNHH Honda Việt Nam (HVN)
183	183/NQ-HĐQT	03/11/2025	Phân phối lợi nhuận năm 2024
184	184/NQ-HĐQT	03/11/2025	Chi trả cổ tức năm 2024
185	185/NQ-HĐQT	03/11/2025	Ủng hộ đồng bào chịu thiệt hại do bão lũ
186	186/NQ-HĐQT	10/11/2025	Chỉ đạo Chính sách Ngân hàng quản lý năm tài chính thứ 32 (FY26) của TMV
187	187/NQ-HĐQT	14/11/2025	Nội dung xin ý kiến họp Hội đồng thành viên Công ty Honda Việt Nam (HVN) của Nhóm đại diện vốn
188	188/NQ-HĐQT	19/11/2025	Thay đổi đại diện nhân sự Thành viên HĐTV và Tổng Giám đốc Công ty Ô tô Toyota Việt Nam (TMV)
189	189/NQ-HĐQT	24/11/2025	Phương án để bổ nhiệm lại giữa chức vụ Kế toán trưởng Viện Công nghệ
190	190/NQ-HĐQT	24/11/2025	Phương án nhân sự bổ nhiệm lại để giữ chức vụ Chủ tịch Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp
191	191/NQ-HĐQT	25/11/2025	Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch chi phí hoạt động năm của Ban Kỹ thuật – Nghiên cứu phát triển
192	192/NQ-HĐQT	28/11/2025	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư năm 2025 của Văn phòng Công ty mẹ
193	193/NQ-HĐQT	28/11/2025	Bổ nhiệm lại Chủ tịch Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp (TAMAC)
194	194/NQ-HĐQT	28/11/2025	Cử Thành viên Hội đồng quản trị đi công tác nước ngoài
195	195/NQ-HĐQT	28/11/2025	Cập nhật danh mục rủi ro và rủi ro hàng đầu đến ngày 31 tháng 10 năm 2025
196	196/NQ-HĐQT	01/12/2025	Chi thưởng 9 tháng đầu năm 2025 của Người quản lý và Ban kiểm soát
197	197/NQ-HĐQT	01/12/2025	Quyết toán, phân phối lợi nhuận cho năm tài chính thứ 31 của TMV
198	198/NQ-HĐQT	01/12/2025	Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện 2023, 2024 và Kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao 2025 của Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp (TAMAC)
199	199/NQ-HĐQT	01/12/2025	Phân phối lợi nhuận sau lũy kế đến ngày 31/12/2024 của Chi nhánh VEAM – Nhà máy đúc (VF)
200	200/NQ-HĐQT	01/12/2025	Dự thảo Quy chế lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp miền Nam (SVEAM)
201	201/NQ-HĐQT	02/12/2025	Nội dung Báo cáo xin ý kiến họp Hội đồng công ty CP MATEXIM Hải Phòng (MTX HP)
202	202/NQ-HĐQT	12/12/2025	Giao dịch giữa VEAM và Tạp chí Công Thương

TT	Số Nghị quyết/ Quyết địnH	Ngày	Nội dung
			NGHỊ QUYẾT
203	203/NQ-HĐQT	12/12/2025	Kế hoạch tổ chức Hội nghị Tổng kết Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của VEAM
204	204/NQ-HĐQT	16/12/2025	Kết quả kiểm toán thực hiện hoạt động quản lý tài sản tại Công ty CP Phụ tùng máy số 1 (FUTU1)
205	205/NQ-HĐQT	16/12/2025	Phê duyệt Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2026 của Ban Kiểm toán nội bộ
206	206/NQ-HĐQT	16/12/2025	Kết quả kiểm toán thực hiện Chương trình đầu tư tại Công ty CP Cơ khí Phổ Yên (FOMECO)
207	207/NQ-HĐQT	22/12/2025	Thỏa thuận sửa đổi Hợp đồng trợ giúp kỹ thuật giữa TMV và Toyota Motor Corporation (TMV)
208	208/NQ-HĐQT	26/12/2025	Hệ thống Ngân hàng giao dịch năm 2026
209	209/NQ-HĐQT	30/12/2025	Chấp thuận ký gia hạn hợp đồng thuê kho giữa VEAM
210	210/NQ-HĐQT	30/12/2025	Bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Viện Công nghệ
211	211/NQ-HĐQT	30/12/2025	Thông qua hợp đồng gói thầu Mua sắm Máy tiện CNC 2 dài dao 1 trục chính của SVEAM
212	212/NQ-HĐQT	30/12/2025	Quỹ lương, thù lao thực hiện 2023, 2024 và Kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao năm 2025 của SVEAM
213	213/NQ-HĐQT	30/12/2025	Về việc họp HĐQT Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ
214	214/NQ-HĐQT	30/12/2025	Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026 của VEAM
215	215/NQ-HĐQT	30/12/2025	Thông qua Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện chương trình, kế hoạch công tác năm 2025 và chương trình, kế hoạch công tác năm 2026 của HĐQT
216	216/NQ-HĐQT	31/12/2025	Phê duyệt kế hoạch chi phí hoạt động Văn phòng Công ty mẹ năm 2026
217	217/NQ-HĐQT	31/12/2025	Phê duyệt kế hoạch dòng tiền Văn phòng Công ty mẹ năm 2026 (tạm thời)
			QUYẾT ĐỊNH
1	01/QĐ-HĐQT	10/01/2025	Khen thưởng Người quản lý, Ban kiểm soát VEAM
2	02/QĐ-HĐQT	13/01/2025	Cử Đoàn công tác nước ngoài
3	03/QĐ-HĐQT	14/01/2025	Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện và ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận thanh tra số 359/KL-TTCP ngày 27/9/2024 của Thanh tra Chính phủ
4	04/QĐ-HĐQT	14/01/2025	Ban hành kế hoạch thực hiện Kết luận thanh tra số 359/KL-TTCP ngày 27/9/2024 của Thanh tra Chính phủ
5	05/QĐ-HĐQT	23/01/2025	Quy hoạch chức danh quản lý giai đoạn 2024-2029 của DISOCO
6	06/QĐ-HĐQT	23/01/2025	Bổ nhiệm lại Chủ tịch CKTHĐ
7	07/QĐ-HĐQT	18/02/2025	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ DISOCO
8	08/QĐ-HĐQT	28/02/2025	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ SVEAM
9	09/QĐ-HĐQT	13/3/2025	Điều chỉnh, cập nhật Thành viên Tổ giúp việc Ban chỉ đạo xây dựng Đề án tái cơ cấu VEAM

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

TT	Số Nghị quyết/ Quyết địnH	Ngày	Nội dung
			QUYẾT ĐỊNH
10	10/QĐ-HĐQT	13/3/2025	Thành lập Tổ công tác hỗ trợ các công ty liên doanh và ban hành chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ công tác
11	11/QĐ-HĐQT	21/3/2025	Thành lập Tổ kiểm toán nội bộ kiểm toán thực hiện hoạt động bán hàng, thu tiền tại CKCL
12	12/QĐ-HĐQT	02/4/2025	Thành lập Ban tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
13	13/QĐ-HĐQT	21/4/2025	Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025
14	14/QĐ-HĐQT	22/4/2025	Bổ nhiệm lại ông Nguyễn Đức Trọng giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị
15	15/QĐ-HĐQT	28/4/2025	Ban hành Quy chế Báo cáo, cung cấp thông tin tại VEAM
16	16/QĐ-HĐQT	12/5/2025	Ban hành Quy chế quản lý đầu tư tại DISOCO
17	17/QĐ-HĐQT	12/5/2025	Khen thưởng Người quản lý và Ban kiểm soát VEAM
18	18/QĐ-HĐQT	21/5/2025	Sửa đổi Quy chế chế độ công tác phí
19	19/QĐ-HĐQT	22/5/2025	Bổ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng thành viên DISOCO
20	20/QĐ-HĐQT	22/5/2025	Thành lập Tổ kiểm toán nội bộ kiểm toán thực hiện Hoạt động mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại VETRANCO
21	21/QĐ-HĐQT	22/5/2025	Cử lại Người đại diện phần vốn VEAM tại VETRANCO
22	22/QĐ-HĐQT	23/5/2025	Ban hành Quy chế Xử lý đơn kiến nghị, phản ánh, đơn khiếu nại tại VEAM
23	23/QĐ-HĐQT	02/6/2025	Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 của VEAM
24	24/QĐ-HĐQT	05/6/2025	Quy hoạch các chức danh quản lý giai đoạn 2025-2030 của CKTHĐ
25	25/QĐ-HĐQT	13/6/2025	Cho thôi đại diện phần vốn VEAM và thôi thành viên HĐQT MTX
26	26/QĐ-HĐQT	13/6/2025	Cử Người đại diện phần vốn VEAM và giới thiệu nhân sự tham gia HĐQT tại MTX
27	27/QĐ-HĐQT	23/6/2025	Cử Người đại diện phần vốn VEAM và giới thiệu nhân sự tham gia HĐQT tại FOMECO
28	28/QĐ-HĐQT	01/7/2025	Cho thôi Người đại diện phần vốn VEAM tại Công ty Honda Việt Nam (HVN)
29	29/QĐ-HĐQT	01/7/2025	Cử Người đại diện phần vốn VEAM tại Công ty Honda Việt Nam (HVN)
30	30/QĐ-HĐQT	07/9/2025	Điều động nhân sự
31	31/QĐ-HĐQT	11/7/2025	Thành lập Tổ kiểm toán nội bộ kiểm toán thực hiện Chương trình đầu tư tại Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam (SVEAM)
32	32/QĐ-HĐQT	29/7/2025	Ban hành Quy định phân công nhiệm vụ đối với Thành viên Hội đồng quản trị
33	33/QĐ-HĐQT	30/7/2025	Cử Chủ tịch Hội đồng quản trị đi công tác nước ngoài
34	34/QĐ-HĐQT	08/8/2025	Cử Chủ tịch Hội đồng quản trị đi công tác nước ngoài

TT	Số Nghị quyết/ Quyết địnH	Ngày	Nội dung
			QUYẾT ĐỊNH
35	35/QĐ-HĐQT	11/8/2025	Thành lập Tổ kiểm toán nội bộ kiểm toán thực hiện Chương trình đầu tư tại FOMECO
36	36/QĐ-HĐQT	11/8/2025	Ban hành Quy chế mua sắm hàng hóa, dịch vụ của Văn phòng Công ty mẹ - VEAM
37	37/QĐ-HĐQT	18/8/2025	Thành lập Ban chỉ đạo xây dựng kế hoạch SXKD 05 năm của VEAM giai đoạn 2026-2030
38	38/QĐ-HĐQT	21/8/2025	Tiếp nhận nhân sự
39	39/QĐ-HĐQT	21/8/2025	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc
40	40/QĐ-HĐQT	25/8/2025	Đánh giá xếp loại chất lượng năm 2024 đối với Thành viên Ban điều hành VEAM
41	41/QĐ-HĐQT	25/8/2025	Đánh giá, xếp loại chất lượng năm 2024 đối với nhân sự Văn phòng HĐQT, Ban kiểm toán nội bộ thuộc thẩm quyền đánh giá của HĐQT
42	42/QĐ-HĐQT	25/8/2025	Đánh giá, xếp loại chất lượng năm 2024 đối với Người giữ chức danh, chức vụ và Người đại diện vốn VEAM tại các doanh nghiệp có vốn góp của VEAM
43	43/QĐ-HĐQT	25/8/2025	Đánh giá, xếp loại chất lượng năm 2024 đối với thành viên Hội đồng quản trị
44	44/QĐ-HĐQT	25/8/2025	Đánh giá, xếp loại chất lượng năm 2024 đối với thành viên Ban kiểm soát
45	45/QĐ-HĐQT	25/8/2025	Xếp lương đối với ông Lê Công Hoàng, Phó Tổng Giám đốc
46	46/QĐ-HĐQT	25/8/2025	Cử Chủ tịch Hội đồng quản trị đi công tác nước ngoài
47	47/QĐ-HĐQT	29/8/2025	Thôi giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên DISOCO đối với ông Hoàng Văn Thanh
48	48/QĐ-HĐQT	29/8/2025	Giao tạm thời thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên DISOCO
49	49/QĐ-HĐQT	29/8/2025	Cho thôi đại diện phần vốn VEAM tại Công ty Ô tô Toyota Việt Nam (TMV)
50	50/QĐ-HĐQT	29/8/2025	Cử Người đại diện phần vốn VEAM tại Công ty Ô tô Toyota Việt Nam (TMV)
51	51/QĐ-HĐQT	17/9/2025	Thành lập Tổ kiểm toán nội bộ kiểm toán thực hiện Hoạt động quản lý tài sản tại FUTU1
52	52/QĐ-HĐQT	01/10/2025	Bổ nhiệm lại Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công (DISOCO)
53	53/QĐ-HĐQT	03/10/2025	Xếp lương đối với Chủ tịch HĐQT VEAM
54	54/QĐ-HĐQT	03/10/2025	Xếp lương đối với Tổng giám đốc VEAM
55	55/QĐ-HĐQT	03/10/2025	Thu lao đối với Thành viên HĐQT không chuyên trách
56	56/QĐ-HĐQT	03/10/2025	Thu lao đối với Thành viên HĐQT chuyên trách VEAM
57	57/QĐ-HĐQT	03/10/2025	Thu lao đối với Thành viên HĐQT chuyên trách VEAM
58	58/QĐ-HĐQT	03/10/2025	Thu lao đối với Thành viên độc lập HĐQT VEAM
59	59/QĐ-HĐQT	03/10/2025	Thu lao đối với Thành viên độc lập HĐQT không chuyên trách VEAM

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

TT	Số Nghị quyết/ Quyết địnH	Ngày	Nội dung
			QUYẾT ĐỊNH
60	60/QĐ-HĐQT	03/10/2025	Xếp lương đối với Trưởng Ban kiểm soát VEAM
61	61/QĐ-HĐQT	03/10/2025	Xếp lương đối với Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách VEAM
62	62/QĐ-HĐQT	03/10/2025	Xếp lương đối với Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách VEAM
63	63/QĐ-HĐQT	10/10/2025	Kiện toàn thành viên Tổ chỉ đạo thực hiện kết luận thanh tra
64	64/QĐ-HĐQT	10/10/2025	Kiện toàn thành viên Ban chỉ đạo giải quyết tồn tại vướng mắc của VM (Ban chỉ đạo 48)
65	65/QĐ-HĐQT	10/10/2025	Kiện toàn thành viên Ban chỉ đạo giải quyết các vấn đề liên quan đến việc kinh doanh xe Changan và Giấy chứng nhận đầu tư Công ty TNHH Mekong Auto (lần 7)
66	66/QĐ-HĐQT	10/10/2025	Bổ nhiệm chức vụ Phó Chánh Văn phòng HĐQT
67	67/QĐ-HĐQT	31/10/2025	Cử lại Người đại diện vốn VEAM tại Công ty Honda Việt Nam (HVN)
68	68/QĐ-HĐQT	28/11/2025	Bổ nhiệm lại Chủ tịch Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp (TAMAC)
69	69/QĐ-HĐQT	28/11/2025	Cử Thành viên HĐQT đi công tác nước ngoài
70	70/QĐ-HĐQT	28/11/2025	Cử Thành viên độc lập HĐQT đi công tác nước ngoài
71	71/QĐ-HĐQT	01/12/2025	Chi thưởng 09 tháng đầu năm 2025 đối với Người quản lý và Ban kiểm soát

DANH SÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM 2025

Trong năm 2025, VEAM đã tổ chức, tham gia các khóa đào tạo:

- Chiến lược trí tuệ AI dành cho lãnh đạo doanh nghiệp.
- Nhận thức và đánh giá nội bộ ISO 27001:2022.
- Nhận thức và thực hành ISO 9001:2015.
- Thư ký HĐQT chuyên sâu.
- Chương trình chuyên sâu về Ủy ban kiểm toán.
- Cập nhật thông tư 99/2025/TT-BTC về chế độ kế toán doanh nghiệp.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT VÀ CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT

1 Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT

HĐQT VEAM có 02 Thành viên độc lập HĐQT là những chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý quản trị các Tổng công ty lớn. Trong năm 2025, Thành viên độc lập HĐQT đã đưa ra các ý kiến đóng góp phát huy được vai trò độc lập góp phần bảo vệ được quyền lợi VEAM và thực hiện việc kiểm soát hoạt động của bộ máy quản lý và điều hành doanh nghiệp. Tới ngày 20/6/2025, ĐHĐCĐ thường niên đã chấp thuận để 01 thành viên độc lập HĐQT thôi chức vụ vì lý do cá nhân.

2 Hoạt động của các tiểu ban trực thuộc HĐQT

Tiểu ban Tổ chức Nhân sự có chức năng, nhiệm vụ tham mưu, giúp HĐQT trong việc cơ cấu tổ chức, chuẩn bị nhân sự và xử lý các vấn đề liên quan đến nhân sự HĐQT, Ban kiểm soát và các nhân sự thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, hoặc cho ý kiến chấp thuận của HĐQT. Trong năm 2025, Tiểu ban nhân sự đã tham mưu HĐQT trong việc tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với người quản lý doanh nghiệp và các công tác nhân sự khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Tiểu ban Kiểm toán có chức năng, nhiệm vụ tham mưu, giúp HĐQT trong việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

Tiểu ban Chiến lược có chức năng, nhiệm vụ tham mưu, giúp HĐQT trong việc hoạch định chiến lược kinh doanh, đầu tư phát triển của VEAM.

Các Tiểu ban cơ bản đã phát huy vai trò tham mưu HĐQT trong công tác quản trị, giám sát hoạt động điều hành đảm bảo tính khách quan, độc lập trong các quyết định của HĐQT.

3 Hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ

Ban Kiểm toán nội bộ là đơn vị trực thuộc HĐQT. Các hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ trong năm 2025 bao gồm:

Thực hiện kiểm toán nội bộ tại các công ty con và đơn vị trực thuộc của VEAM theo kế hoạch kiểm toán nội bộ được HĐQT phê duyệt tại Nghị quyết số 170/NQ - HĐQT ngày 10/12/2024.

Thực hiện rà soát/đánh giá/kiểm tra kết quả thực hiện khuyến nghị của Ban tại các đơn vị được kiểm toán từ năm 2021 đến năm 2025 và tổng hợp tình hình thực hiện khuyến nghị của các đơn vị, báo cáo HĐQT định kỳ theo quý.

Chỉ ra các phát hiện có tần suất xuất hiện cao trong các cuộc kiểm toán nhằm đưa ra cảnh báo giúp các đơn vị chủ động rà soát và đưa ra các biện pháp phòng tránh.

Liên tục cập nhật, thu thập tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành để cập nhật danh mục rủi ro, rủi ro hàng đầu của Công ty mẹ và các công ty con, trình HĐQT làm cơ sở để HĐQT ban hành các nghị quyết về việc cập nhật danh mục rủi ro, rủi ro hàng đầu và phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2026 đối với VEAM. Tự đào tạo nhằm nâng cao năng lực chuyên môn.

Ngoài các công việc nêu trên, Ban Kiểm toán nội bộ còn thực hiện chức năng tư vấn theo yêu cầu của HĐQT, tham gia các cuộc họp HĐQT.

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	BÀ NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN	Trưởng ban	24/6/2022	Thạc sĩ
2	BÀ NGUYỄN THỊ DIÊN	Thành viên	24/6/2022	Cử nhân kinh tế
3	BÀ LÊ THỊ THANH BÌNH	Thành viên	24/6/2022	Cử nhân kinh tế

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

TT	Họ và tên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	BÀ NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN	07/07	100%	100%
2	BÀ NGUYỄN THỊ DIÊN	07/07	100%	100%
3	BÀ LÊ THỊ THANH BÌNH	07/07	100%	100%

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Ban kiểm soát đã nhận được nghị quyết, quyết định của HĐQT, Báo cáo hoạt động SXKD VEAM năm 2024 của Ban điều hành, Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán; BCTC quý I, II, III năm 2025 của VEAM và các Công ty VEAM tham gia góp vốn cùng các tài liệu khác liên quan đến hoạt động chỉ đạo của HĐQT và hoạt động điều hành của Ban điều hành. Trên cơ sở đó, Ban kiểm soát đã kịp thời giám sát tình hình hoạt động tài chính của VEAM và việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, đồng thời thực hiện các nghĩa vụ khác của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ VEAM. Ban kiểm soát duy trì sự độc lập trong hoạt động kiểm tra giám sát của mình.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Ban kiểm soát thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ VEAM và Luật Doanh nghiệp như sau:

- Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã tham dự và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp mở rộng của HĐQT, cuộc họp của Ban điều hành; giám sát việc ban hành của các nghị quyết, quyết định của HĐQT, quyết định của Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế, quy định nội bộ của VEAM.

- Tổ chức 7 cuộc họp lấy ý kiến của các thành viên và ban hành 09 văn bản gửi HĐQT và Tổng Giám đốc về:

Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị VEAM năm 2024 và quý I, II, III năm 2025, đồng thời có các kiến nghị và đề xuất với các nội dung có liên quan.

Thẩm định Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2024, thẩm định Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Hợp nhất bán niên năm 2025; thông qua nội dung dự thảo Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; Tờ trình phê duyệt danh sách công ty kiểm toán tài chính năm 2025.

Xem xét, đánh giá kết quả hoạt động và hoàn thành công việc được giao của Ban kiểm soát năm 2024.

Văn bản kiến nghị về việc xử lý các tồn tại, vướng mắc, công tác GSTC tại các công ty con, công ty có vốn góp của VEAM, quyết toán dự án và tình hình tiêu thụ hàng tồn kho lâu năm tại Nhà máy ô tô VEAM.

Năm 2025, Ban kiểm soát cùng Bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm toán tại một số công ty con như: kiểm toán tình hình Hoạt động bán hàng hoá và thu tiền tại Công ty CP cơ khí Cổ Loa; Hoạt động mua sắm hàng hoá, dịch vụ tại Công ty CP vận tải và Thương mại VEAM; thực hiện Chương trình đầu tư tại Công ty CP Cơ khí Phổ Yên và Công ty TNHH MTV Động cơ và máy nông nghiệp Miền Nam; Hoạt động quản lý tài sản tại Công ty CP Phụ tùng máy số 1.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 20/6/2025, việc chi trả tiền lương, thù lao đối với HĐQT, Ban kiểm soát năm 2025 như sau: Năm 2025, VEAM thực hiện chi trả tiền lương, thù lao đối với HĐQT, Ban kiểm soát theo đúng quy định.

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

TT	Chức danh	Kế hoạch năm 2025		Thực hiện năm 2025		Tỷ lệ % (TH/KH)
		Số lượng	Lương và thù lao	Số lượng	Lương và thù lao	
1	Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	10	8.722,56	9,5	9.375,83	107,5%

Tiền lương và các khoản lợi ích của Ban điều hành

Quỹ tiền lương thực hiện năm 2025 của Ban Điều hành cụ thể như sau:

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

TT	Chức danh	Thực hiện năm 2025	
		Số lượng	Lương và thù lao
1	Ban Điều hành	5.5	7.925,31

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ: Không.

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán ASEAN	Người có liên quan của Người nội bộ	3/2025	Nghị quyết số 22/ NQ-HĐQT ngày 28/02/2025	Hợp đồng dịch vụ tư vấn rà soát, đánh giá lại các phương án tái cơ cấu vốn của VEAM tại MATEXIM, giá trị: 115,5 triệu đồng.
2	Báo Công Thương	Đơn vị cùng chủ sở hữu	3/2025	Nghị quyết số 25/NQ-HĐQT ngày 04/3/2025	Hợp đồng thông tin - truyền thông, giá trị: 300 triệu đồng.
3	Tạp chí Công Thương	Đơn vị cùng chủ sở hữu	3/2025	Nghị quyết số 26/NQ-HĐQT ngày 04/3/2025	Hợp đồng dịch vụ thông tin - truyền thông, giá trị: 483,3 triệu đồng.
4	Trung tâm Kiểm định công nghiệp 1	Đơn vị cùng chủ sở hữu	4/2025	Nghị quyết số 34/NQ-HĐQT ngày 31/3/2025	Hợp đồng cung cấp dịch vụ, giá trị: 5,8 triệu đồng.
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán ASEAN	Người có liên quan của Người nội bộ	4/2025	Nghị quyết số 49/NQ-HĐQT ngày 04/4/2025	Hợp đồng Dịch vụ tư vấn tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên, giá trị: 88 triệu đồng.
6	Cục xúc tiến thương mại – Bộ Công Thương	Người có liên quan của Người nội bộ	8/2025	Nghị quyết số 158/NQ-HĐQT ngày 28/8/2025	Hợp đồng dịch vụ, giá trị: 166 triệu đồng.
7	Báo Công Thương	Người có liên quan của Người nội bộ	10/2025	Nghị quyết số 174/ NQ-HĐQT ngày 09/10/2025	Hợp đồng thông tin truyền thông (phụ lục), giá trị: 54 triệu đồng.
8	Bà Chu Thị Vân Anh	Người có liên quan của Người nội bộ	10/2025	Nghị quyết số 178/ NQ-HĐQT ngày 15/10/2025	Hợp đồng lao động không xác định thời hạn.
9	Tạp chí Công Thương	Người có liên quan của Người nội bộ	12/2025	Nghị quyết số 178/ NQ-HĐQT ngày 15/10/2025	Hợp đồng truyền thông, giá trị là 370 triệu đồng
10	Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	Người có liên quan của Người nội bộ	12/2025	Nghị quyết số 209/ NQ-HĐQT ngày 30/12/2025	Hợp đồng thuê kho bãi, giá trị: 99, 6 triệu đồng
11	SVEAM (*)	Người có liên quan của Người nội bộ	2025		Đơn đặt hàng theo Hợp đồng nguyên tắc ngày 03/01/2023 (mua bán gang đúc), giá trị thực hiện năm 2025:

(*) Hợp đồng thực hiện bởi Chi nhánh VEAM.

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Ngày 24/01/2017, VEAM chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, trở thành công ty đại chúng quy mô lớn. Cơ cấu tổ chức và quản trị công ty được thiết lập và tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật liên quan.

Trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện đúng vai trò, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm quy định tại Điều lệ, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan. Về cơ bản, HĐQT đã hoàn thành các quyền, nghĩa vụ theo Điều lệ, Luật doanh nghiệp và các nội dung công việc theo chương trình, kế hoạch công tác năm 2025.

- Việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VEAM, cơ bản thực hiện hoàn thành 11/21 nhiệm vụ, có 10 nhiệm vụ không đánh giá do không triển khai thực hiện tại VEAM trong năm 2025.

- Công ty đã xây dựng Điều lệ, sửa đổi bổ sung điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty tuân theo với Luật Chứng khoán năm 2019, Luật Doanh nghiệp năm 2020, các quy định liên quan và phù hợp với điều kiện và định hướng phát triển của Công ty; được ĐHĐCĐ thông qua ngày 20/6/2025.

- Trong năm 2025, HĐQT tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường, ĐHĐCĐ thường niên tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. HĐQT đã có Báo cáo hoạt động trình ĐHĐCĐ thường niên tuân theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Công ty đã thực hiện công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin cho cổ đông và công chúng và Quy chế về công bố thông tin của công ty được ban hành theo Quyết định số 58/QĐ-HĐQT ngày 31/8/2022 của HĐQT VEAM.

- Công ty đã thực hiện báo cáo về tình hình quản trị công ty tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin. Công ty đã báo cáo và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty định kỳ theo quy định.

- Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác thực hiện đầy đủ trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp.

- Hệ thống quản trị VEAM được kiểm soát chặt chẽ, các hoạt động quản trị của HĐQT, hoạt động điều hành của Ban điều hành luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

07

Đánh giá của Ban điều hành 118

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty 120

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

ĐÁNH GIÁ CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG

Với hệ thống quản lý hiện nay, hoạt động kiểm soát các chỉ tiêu môi trường đã đem lại hiệu quả bên cạnh việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Hằng năm, các nhà máy của VEAM đều thực hiện nghiêm túc việc lập kế hoạch sử dụng năng lượng và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng, tại Nhà máy Đúc còn định kỳ thực hiện kiểm toán năng lượng theo quy định.

Chất thải công nghiệp thông thường của Nhà máy Đúc (chủ yếu là bụi cát, xỉ) được tái sử dụng làm gạch không nung và chuyển giao cho đơn vị có chức năng hóa rắn thành gạch block, giảm phát thải tối đa ra môi trường. Chất thải nguy hại được được thu gom, chuyển giao và xử lý đúng quy định của pháp luật về môi trường.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

VEAM chấp hành đầy đủ các quy định về an toàn lao động theo quy định tại Bộ luật Lao động và Luật An toàn, vệ sinh lao động.

Người lao động được tham gia đóng bảo hiểm đầy đủ và đúng quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

Thu nhập của người lao động được duy trì ổn định. Việc chi trả lương hàng tháng đúng quy định, quy chế ban hành.

VEAM luôn đảm bảo các hoạt động phúc lợi cho Người lao động, quan tâm đến đời sống và chất lượng cuộc sống của Người lao động; hỗ trợ các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trong và ngoài VEAM.

Người lao động được khuyến khích tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực và tạo điều kiện về thời gian học. VEAM tổ chức đào tạo theo nhu cầu đào tạo của các bộ phận trong VEAM và hỗ trợ công tác đào tạo cho các đơn vị thành viên để nâng cao năng lực phục vụ nhu cầu công việc.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Với tiêu chí hướng tới cộng đồng và năng lực về nhân lực, vật lực, VEAM luôn tích cực tham gia đóng góp cho cộng đồng, thể hiện vai trò, trách nhiệm của doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Cùng với Công đoàn, Đoàn Thanh niên, VEAM luôn là đơn vị đi đầu trong các hoạt động hỗ trợ, ủng hộ khắc phục hậu quả bão lũ, phòng chống dịch bệnh, đền ơn đáp nghĩa.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp năm 2025 của Nhà máy Đúc VEAM (VF) là: 6.563,71 tấn CO_2tđ.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính tại VF:

Tiết giảm điện năng: Sắp xếp sản xuất tránh giờ cao điểm, lắp đặt đồng hồ điện nội bộ tại các xưởng sản xuất để giám sát lượng điện sử dụng mỗi ca/ ngày. Đặt mục tiêu tiết giảm điện cho từng xưởng, tránh rò rỉ hệ thống khí nén.

Tiết giảm dầu DO: sắp xếp điều phối vận hành xe nâng phù hợp, tránh xe chạy không tải gây lãng phí nhiên liệu. Hiệu quả đạt được: giảm 4.07 tấn CO_2tđ so với năm 2024.

Tiết giảm gas: kiểm tra bảo trì hệ thống gas, các van an toàn, đồng hồ áp, tránh rò rỉ thất thoát gas. Hiệu quả đạt được: giảm 8.59 CO_2tđ so với năm 2024.

Năm 2019, VF đã lắp hệ thống pin năng lượng mặt trời có công suất 32.000 kWh. Tổng lượng điện tiết kiệm được (do hệ thống điện mặt trời sản xuất được) trong năm 2025 là 25.261 kWh. Giảm phát thải khí nhà kính là: 18.24 CO_2tđ so với năm 2024.

Lắp đặt thêm các biến tần kiểm soát tốc độ quay của động cơ tại các vị trí phù hợp. Tăng cường kiểm tra rò rỉ khí nén, quy định không sử dụng vòi khí nén để vệ sinh nhà xưởng và làm mát.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Tại Nhà Máy Ô tô VEAM (VM)

Với ngành nghề sản xuất kinh doanh chính là sản xuất lắp ráp và kinh doanh ô tô. Nhà máy ô tô VEAM chủ yếu sử dụng các bộ linh kiện nhập khẩu và một số vật tư sơn, hóa chất,... trong dây truyền Hàn, Sơn, Lắp ráp. Trong năm 2025, VM sử dụng 894 bộ linh kiện CKD để sản xuất, nhập kho xe thành phẩm; khoảng 42,7 nghìn lít xăng, dầu các loại phục vụ hoạt động sản xuất, gia công, bảo quản xe thành phẩm; khoảng 76,9 tấn sơn, dung môi, hóa chất các loại phục vụ hoạt động sản xuất, gia công. Ngoài ra Nhà máy sử dụng khoảng 15,8 nghìn m3 gas phục vụ cho hoạt động sản xuất.

Tại Nhà máy Đúc VEAM (VF)

VF sử dụng vật tư chủ yếu là thép vụn, gang thỏi, gang lốc máy, fero các loại và một số vật tư ngành đúc khác. Tổng lượng vật tư nấu luyện năm 2025: 7.515 tấn/ năm (giảm 22% so với năm 2024); Đóng gói sản phẩm bao gồm: pallet gỗ, thùng gỗ, giỏ sắt, khay nhựa...có thể thu hồi và tái sử dụng nhiều lần.sinh nhà xưởng và làm mát.

Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:

Chất thải công nghiệp thông thường của VF (chủ yếu là bụi cát, xỉ) được chuyển giao cho đơn vị có chức năng có thể tận dụng làm gạch không nung. Đối với chất thải nguy hại chuyển giao cho đơn vị có đúng thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Tiêu thụ năng lượng trực tiếp và gián tiếp:

Tại Nhà Máy Ô tô VEAM (VM)

Trong năm 2025, tổng lượng điện VM tiêu thụ là khoảng 2,24 triệu kWh.

Tại Nhà máy Đúc VEAM (VF)

Tổng lượng điện VF tiêu thụ là 9.670.730 kWh, tổng lượng dầu DO sử dụng là: 20.830 lít và tổng số gas LPG sử dụng là: 18.320 kg.

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Hệ thống lò nấu luyện của VF sử dụng là hệ thống lò cảm ứng trung tần, công nghệ tiên tiến được nhập khẩu từ Úc/Đài Loan, tiết kiệm điện năng.

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

Từ năm 2019, VF đã lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời có công suất 32.000 kWh. Tổng lượng điện tiết kiệm được (do hệ thống điện mặt trời sản xuất được) trong năm 2025 là 25.261 kWh. Hằng năm, VF thực hiện nghiêm túc việc lập kế hoạch sử dụng năng lượng và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng, định kỳ thực hiện kiểm toán năng lượng theo quy định.

TIÊU THỤ NƯỚC

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Nguồn nước phục vụ sản xuất tại VM chủ yếu được khai thác từ nước giếng khoan và một phần từ hệ thống cấp nước địa phương. VF sử dụng nguồn nước từ hệ thống cấp nước của khu công nghiệp.

Trong năm 2025, tổng lượng nước sử dụng tại VM và VF ước đạt 39.685 m³, được kiểm soát phù hợp với nhu cầu sản xuất.

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

Tại VM: Tiếp tục vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy định của pháp luật.

Tại VF: Nước thải được đấu nối và xử lý thông qua hệ thống xử lý tập trung của khu công nghiệp, đồng thời thực hiện quan trắc định kỳ theo quy định.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Số lần bị xử phạt do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không có.

Tổng số tiền bị xử phạt do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không có.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Chỉ tiêu	2024	2025
Số lượng người lao động (người)	650	623
Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	16.031.058	20.277.428

* Số lượng người lao động năm 2024 không bao gồm Ban điều hành (theo Nghị định 53)
* Số lượng người lao động năm 2025 đã bao gồm Ban điều hành (theo Nghị định 44)

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Chấp hành đầy đủ các quy định về an toàn lao động theo quy định tại Bộ Luật lao động và Luật an toàn vệ sinh lao động;
- Tham gia đóng Bảo hiểm đầy đủ và đúng quy định của Luật Bảo hiểm xã hội;
- Đảm bảo chi trả lương hàng tháng đúng Quy định/Quy chế ban hành;
- Đảm bảo các hoạt động phúc lợi cho Người lao động, quan tâm đến đời sống và chất lượng cuộc sống của Người lao động; hỗ trợ người lao động, tổ chức có hoàn cảnh khó khăn trong và ngoài VEAM.

Hoạt động đào tạo người lao động

- Tổ chức đào tạo theo nhu cầu đào tạo của các Văn phòng/Ban trong VEAM và hỗ trợ công tác đào tạo cho các đơn vị để nâng cao năng lực phục vụ nhu cầu công việc;
- Người lao động được Ban lãnh đạo VEAM khuyến khích tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực và tạo điều kiện về thời gian học.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trong năm 2025, VEAM, Công đoàn Tổng công ty, Công đoàn cơ quan và Đoàn thanh niên cơ quan đã thực hiện một số chương trình cộng đồng, xã hội sau:

TT	Chương trình (xây nhà tình nghĩa, ủng hộ người nghèo, đồng bào lũ lụt, khuyến học...)	Số tiền (VND)
1	Công đoàn Tổng công ty hỗ trợ các tỉnh bị ảnh hưởng do mưa bão cho các tỉnh (Tuyên Quang, TT Huế, Bộ Công Thương)	350.000.000
2	Công đoàn Tổng công ty hỗ trợ các tỉnh bị ảnh hưởng do mưa bão theo chương trình kêu gọi của Công đoàn Công Thương Việt Nam	37.450.000
3	Công đoàn cơ quan ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do thiên tai, lũ lụt	72.837.235
4	Đoàn Thanh niên cơ quan trao tặng 15 phần quà cho các cháu học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập tại Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội	15.000.000
	Tổng số tiền	**475.287.235**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

08

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	128
Báo cáo kiểm toán độc lập	130
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	133
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	135
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	136
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	137

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Ngô Khải Hoàn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Vy	Thành viên
Ông Phan Kim Khoa	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2025)
Ông Ngô Quang Trung	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên
Bà Trần Thị Nguyệt	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Giang	Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Quy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Công Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2025)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Diên	Thành viên
Bà Lê Thị Thanh Bình	Thành viên

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hoàng Giang - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM CTCP

Nguyễn Hoàng Giang
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2026

Số: 160 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Máy Động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Máy động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 50 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "Báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho chậm luân chuyển, tồn đọng lâu năm với giá trị 101,8 tỷ đồng (trong đó, Công ty mẹ - Tổng Công ty đã trích lập 92,8 tỷ đồng, Công ty con-Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp trích lập 9 tỷ đồng), giá trị đã trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 14,8 tỷ đồng, đồng thời giá trị hàng tồn kho chậm luân chuyển chưa được đánh giá giá trị thuần có thể thu hồi là 81,1 tỷ đồng. Các thủ tục kiểm toán cần thiết đã được thực hiện; tuy nhiên, chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được liệu có phải điều chỉnh dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập/(hoàn nhập) trong năm 2025 và các khoản mục liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty hay không.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31/12/2025, giá trị Chi phí mua bản quyền công nghệ liên quan đến Dự án nghiên cứu, chế tạo máy kéo 4 bánh hạng trung đang được Tổng Công ty ghi nhận tại chỉ tiêu Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang với số tiền 53,5 tỷ đồng (Thuyết minh số 15 của báo cáo tài chính hợp nhất), trong khi đó giá trị chi phí này đã được Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội kết luận các cá nhân liên quan có trách nhiệm bồi hoàn toàn bộ cho Tổng Công ty. Tuy nhiên, Tổng Công ty chưa thực hiện điều chỉnh và ghi khoản phải thu các cá nhân liên quan và chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi cũng như trích lập dự phòng (nếu có) theo quy định. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán cần thiết và thích hợp để đánh giá được liệu có cần điều chỉnh khoản mục Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang và các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty hay không.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31/12/2025, một số khoản công nợ phải thu, phải trả của Tổng Công ty chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ, cụ thể: Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM và Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ các khoản công nợ phải thu, phải thu khác (lãi phạt quá hạn, lãi vi phạm) số tiền lần lượt khoảng 332 tỷ đồng và 33,1 tỷ đồng, đồng thời, Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo chưa đánh giá khả năng thu hồi và xem xét trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, với giá trị ước tính lũy kế cần trích đến thời điểm đầu năm là 40,1 tỷ đồng và ảnh hưởng đến cuối năm là 41,4 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán cần thiết và thích hợp để đánh giá được tính hiện hữu của các khoản phải thu, cũng như khả năng thu hồi và giá trị dự phòng cần trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán đang được ghi nhận trên báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng Công ty. Do đó, chúng tôi không đánh giá được liệu có cần điều chỉnh các khoản mục này trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty hay không.

Công ty Cổ phần Vật tư Thiết bị Toàn bộ - công ty con của Tổng Công ty đang ghi nhận các khoản chi phí phát sinh trong giai đoạn trước khi thực hiện tái sản xuất với số tiền 58.527.901.394 VND trên chỉ tiêu "Chi phí trả trước dài hạn" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Chúng tôi không đánh giá được tính hợp lý của việc ghi nhận, tập hợp và phân bổ các khoản chi phí này cũng như ảnh hưởng của các khoản mục liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục nêu trên hay không.

Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp - Công ty con của Tổng Công ty đang ghi nhận khoản góp vốn vào Công ty TNHH Năm Sao Hà Nội trên khoản mục "Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác" của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 với số tiền 45.112.913.628 VND. Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của khoản đầu tư này để làm cơ sở trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (nếu có) theo quy định của Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán cần thiết và thích hợp để đánh giá sự suy giảm của khoản đầu tư này; do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 hay không.

Chỉ tiêu Hàng tồn kho và Chi phí trả trước của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 đang ghi nhận khoản chi phí treo lại chờ xử lý của nhà máy sắt xốp tại Công ty Cổ phần vật tư và thiết bị toàn bộ với giá trị khoảng 502,8 tỷ đồng (tại 31 tháng 12 năm 2024 giá trị khoảng 481,8 tỷ đồng). Chúng tôi không thu thập được đầy đủ thông tin, tài liệu cần thiết và thích hợp để đánh giá được liệu có cần điều chỉnh khoản mục Hàng tồn kho, khoản mục Chi phí trả trước và các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính hợp nhất đến các thuyết minh dưới đây; tại đó, Tổng Công ty trình bày thông tin liên quan đến:

- *Thuyết minh số 9 trình bày thông tin liên quan đến việc ghi nhận khoản lãi hỗ trợ vốn tại Tổng Công ty;*
- *Thuyết minh số 16 trình bày thông tin về việc Tổng Công ty và Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp chưa hoàn tất các thủ tục gia hạn dự án "Di chuyển và xây mới nhà máy sản xuất máy kéo nhỏ", dự án cũng không phát sinh các hoạt động triển khai cũng như nghiệm thu;*
- *Thuyết minh số 38 và Thuyết minh số 40 trình bày thông tin về nợ tiềm tàng và tài sản tiềm tàng của Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam (là Công ty con của Tổng Công ty);*
- *Thuyết minh số 40 trình bày thông tin về việc Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo (là Công ty con của Tổng Công ty) chưa ghi nhận giá trị khoản đầu tư vào Công ty TNHH Liên doanh Đầu tư tài chính Thái Bình Dương với giá trị 40 tỷ đồng do không có đủ cơ sở hồ sơ tài liệu từ các đối tác liên quan;*
- *Thuyết minh số 41 trình bày thông tin về việc: (i) các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt chính thức quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam tại thời điểm Công ty mẹ - Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần, (ii) Tổng Công ty chưa ghi nhận công nợ phải thu các cá nhân liên quan phải thi hành án và khoản lãi chậm trả tương ứng theo Bản án hình sự phúc thẩm số 855/2023/HS-PT ngày 15/11/2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Bản án hình sự sơ thẩm số 234/2023/HS-ST ngày 12/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; Bản án hình sự sơ thẩm số 157/2025/HS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2025 và Bản án số 580/2025/HSST ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội do chưa chắc chắn về khả năng thu hồi.*

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Các vấn đề khác

Thông tin so sánh là thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, báo cáo kiểm toán số 258/UHY-BCKT đề ngày 24/03/2025. Các báo cáo phát hành với ý kiến kiểm toán là Ý kiến kiểm toán ngoại trừ, do:

Tổng Công ty chưa trích lập đủ dự phòng khoản phải thu đã quá hạn thanh toán, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, khoản chi phí treo lại chờ xử lý của Nhà máy sắt xốp ngừng hoạt động từ năm 2015. Các vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, như mô tả tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" trên đây.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
M.S.D.N: 0102846886-C.T.T.N.H.H
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Chử Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 2737-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**19.583.148.788.456**	**18.721.872.715.582**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**408.356.910.612**	**411.763.339.601**
1. Tiền	111		242.624.784.585	262.076.518.638
2. Các khoản tương đương tiền	112		165.732.126.027	149.686.820.963
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**6**	**13.758.009.657.792**	**13.098.359.931.765**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		13.758.009.657.792	13.098.359.931.765
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**4.150.810.929.724**	**3.831.834.101.297**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	961.208.866.917	924.710.726.837
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	216.162.487.886	199.911.879.299
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	3.762.903.730.554	3.342.143.271.731
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(799.524.018.841)	(645.022.225.505)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	10	10.059.863.208	10.090.448.935
IV. Hàng tồn kho	**140**	**12**	**1.129.108.221.344**	**1.250.893.782.055**
1. Hàng tồn kho	141		1.545.892.760.595	1.783.217.465.405
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(416.784.539.251)	(532.323.683.350)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**136.863.068.984**	**129.021.560.864**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	19.075.749.885	22.246.209.212
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		115.822.049.631	105.406.635.534
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	1.965.269.468	1.368.716.118
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**8.794.266.264.330**	**8.821.302.441.007**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**10.964.966.457**	**11.397.282.463**
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	10.964.966.457	11.397.282.463
II. Tài sản cố định	**220**		**1.286.342.069.556**	**1.422.994.933.713**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	1.210.642.736.697	1.346.573.523.069
- Nguyên giá	*222*		*5.571.872.176.164*	*5.490.377.771.469*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(4.361.229.439.467)*	*(4.143.804.248.400)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	75.699.332.859	76.421.410.644
- Nguyên giá	*228*		*128.108.312.285*	*126.143.312.285*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		(52.408.979.426)	(49.721.901.641)
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	**16**	**86.377.737.175**	**84.264.630.728**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		86.377.737.175	84.264.630.728
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**6**	**6.762.180.698.007**	**6.702.867.363.467**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		6.697.266.723.551	6.637.703.566.709
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		66.313.796.758	66.313.796.758
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.499.822.302)	(1.150.000.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6	100.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**648.400.793.135**	**599.778.230.636**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	648.358.493.122	599.731.002.480
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		42.300.013	47.228.156
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**28.377.415.052.786**	**27.543.175.156.589**

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.336.540.019.404**	**1.294.986.180.575**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**1.285.909.691.465**	**1.244.150.877.196**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	298.137.530.254	340.373.144.675
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	14.842.100.594	18.556.396.566
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	80.747.870.827	75.821.955.160
4. Phải trả người lao động	314		223.970.752.569	205.376.535.149
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	109.222.852.275	87.814.155.588
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.785.040.136	5.590.244.794
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	201.584.252.007	170.513.758.155
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	108.038.659.834	127.155.668.919
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		7.560.401.322	2.741.235.680
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		237.020.231.647	210.207.782.510
II. Nợ dài hạn	**330**		**50.630.327.939**	**50.835.303.379**
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	18	377.377.744	395.155.522
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		9.550.768.197	7.101.536.907
3. Phải trả dài hạn khác	337	21	1.464.236.884	1.679.207.300
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		38.252.214.646	40.884.721.176
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342		985.730.468	774.682.474
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**27.040.875.033.382**	**26.248.188.976.014**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**23**	**27.038.035.850.746**	**26.245.710.543.446**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*13.288.000.000.000*	*13.288.000.000.000*
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		27.089.186.656	27.089.186.656
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(71.424.341.027)	(71.424.341.027)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		4.031.248.285	4.360.314.104
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.125.501.907	28.125.501.907
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.541.444.667.380	12.749.121.724.961
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*6.392.947.045.936*	*5.387.929.160.246*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*7.148.497.621.444*	*7.361.192.564.715*
7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		220.769.587.545	220.438.156.845
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**2.839.182.636**	**2.478.432.568**
1. Nguồn kinh phí	431		800.901.537	(98.098.463)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		2.038.281.099	2.576.531.031
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**28.377.415.052.786**	**27.543.175.156.589**

Nguyễn Hoàng Giang
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2026

Vũ Phong Hải
Phụ trách kế toán

Bùi Tuấn Anh
Người lập biểu

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**26**	**4.473.816.702.662**	**4.115.440.223.331**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		8.287.298.316	12.008.154.369
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**		**4.465.529.404.346**	**4.103.432.068.962**
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	27	3.779.808.771.400	3.477.781.814.080
5. Lợi nhuận/ (lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**685.720.632.946**	**625.650.254.882**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	930.904.920.050	857.627.788.376
7. Chi phí tài chính	22	29	5.740.403.741	7.161.653.882
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*1.565.492.070*	*1.518.531.801*
8. Lãi từ hoạt động đầu tư vào công ty liên kết	24		6.630.114.784.889	6.729.688.814.900
9. Chi phí bán hàng	25	30	98.652.445.718	88.525.929.554
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	694.738.051.671	486.653.689.604
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	**30**		**7.447.609.436.755**	**7.630.625.585.118**
12. Thu nhập khác	31	31	12.218.068.912	8.466.594.600
13. Chi phí khác	32	32	35.459.051.815	12.742.802.310
14. Lợi nhuận/ (lỗ) khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(23.240.982.903)**	**(4.276.207.710)**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**7.424.368.453.852**	**7.626.349.377.408**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	207.565.233.708	197.325.867.261
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(2.627.578.387)	(2.698.992.580)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**7.219.430.798.531**	**7.431.722.502.727**
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		7.148.497.621.444	7.361.192.564.715
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		70.933.177.087	70.529.938.012
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	34	5.380	5.412

Nguyễn Hoàng Giang
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2026

Vũ Phong Hải
Phụ trách kế toán

Bùi Tuấn Anh
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	**7.424.368.453.852**	***7.626.349.377.408***
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	255.873.003.249	245.609.531.572
- Các khoản dự phòng	03	43.992.862.873	(13.120.435.458)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(458.525.170)	(1.090.231.042)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.552.015.218.357)	(7.570.410.737.639)
- Chi phí lãi vay	06	1.565.492.070	1.518.531.801
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***173.326.068.517***	***288.856.036.642***
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(59.338.665.264)	(42.433.458.938)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	210.415.590.440	35.273.260.656
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(15.730.865.819)	(8.822.567.679)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(45.457.031.315)	(34.476.677.560)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(455.125.266)	(4.221.941.365)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(202.902.817.333)	(277.559.461.045)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.120.093.984	432.966.036
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(143.711.022.913)	(146.873.601.352)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(82.733.774.969)***	***(189.825.444.605)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(103.392.431.040)	(81.117.073.397)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	3.668.708.364	205.900.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(20.033.750.950.793)	(19.035.950.523.650)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	19.378.211.167.699	18.827.275.638.718
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.064.568.070.515	7.285.121.742.944
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***6.309.304.564.745***	***6.995.535.684.615***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	51.549.330.651	52.083.237.724
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(70.666.339.736)	(67.742.705.786)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.210.401.684.510)	(6.737.827.839.734)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(6.229.518.693.595)***	***(6.753.487.307.796)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**(2.947.903.819)**	**52.222.932.214**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**411.763.339.601**	**358.402.283.328**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	(458.525.170)	1.138.124.059
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**408.356.910.612**	**411.763.339.601**

Nguyễn Hoàng Giang	Vũ Phong Hải	Bùi Tuấn Anh
Tổng Giám đốc	**Phụ trách kế toán**	**Người lập biểu**

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103866, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 01 tháng 07 năm 2024. Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP hoạt động dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên thuộc Bộ Công thương trước khi chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 4874/QĐ-BCT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công thương về việc cổ phần hóa Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam; Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam; và Quyết định số 5029/QĐ-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công thương về việc Điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Vốn điều lệ của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP là 13.288.000.000.000 VND, được chia thành 1.328.800.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND. Từ ngày 02 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP được giao dịch trên thị trường UPCom với mã chứng khoán là VEA.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại Lô D, Khu DI, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy);
- Sản xuất xe có động cơ, mô tô, xe máy; Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá;
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác;
- Buôn bán máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp, ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe động cơ khác; Bán mô tô, xe máy;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy, bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Sản xuất lò nướng, lò luyện, lò nung, các thiết bị hạ, bốc xếp;
- Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén, máy thông dụng khác;
- Sản xuất máy công cụ, máy tạo hình kim loại và máy luyện kim;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Sản xuất sắt, thép, gang, đúc sắt, đúc thép, đúc kim loại màu;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng chứa, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm); Rèn, dập, ép và cán kim loại;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác); Sửa chữa thiết bị khác; - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị, thiết bị điện, thiết bị điện tử và quang học;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn và hoạt động khoa học khác chưa được phân vào đâu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Xây dựng nhà các loại, lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí và hệ thống xây dựng khác; Khai thác quặng sắt, kim loại khác không chứa sắt, quặng kim loại quý hiếm;
- Buôn bán kim loại, quặng kim loại; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường...);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán buôn vải; hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và sản phẩm liên quan;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh xe có động cơ, máy động lực và máy nông nghiệp.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty bao gồm:

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ	Chế độ hạch toán
1	Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - Tổng Công ty Máy Động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	Số 90 - 92 Trần Bình Trọng, phường Chợ Quán, thành phố Hồ Chí Minh	Hạch toán phụ thuộc
2	Tổng Công ty Máy Động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP - Chi nhánh Nghệ An	Số 284, đường Bình Minh phường Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.	Hạch toán phụ thuộc
3	Nhà máy ô tô VEAM- Tổng Công ty Máy Động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	Phường Quang Trung, tỉnh Thanh Hoá.	Hạch toán độc lập
4	Chi nhánh Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - Nhà máy Đúc	Lô B15, khu B, khu công nghiệp Hiệp Phước, đường Nguyễn Văn Tạo, xã Hiệp Phước, thành phố Hồ Chí Minh.	Hạch toán độc lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

STT	Tên công ty con/ Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
	Công ty con				
1	Công ty CP Cơ khí chính xác số 1	Thành phố Hà Nội	51,00	51,00	Sản xuất kinh doanh sản phẩm cơ khí, bơm thủy lực. Bơm nước, dụng cụ, khuôn mẫu gá lắp
2	Công ty CP Cơ khí Phổ Yên	Thái Nguyên	51,00	51,00	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho các động cơ
3	Công ty CP Cơ khí Cổ Loa	Thành phố Hà Nội	53,66	53,66	Vận tải hàng hóa đường bộ
4	Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	Thành phố Hà Nội	51,00	51,00	Vận chuyển khách, vận tải hàng hóa đường bộ
5	Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ (i)	Thành phố Hà Nội	51,00	51,99	Bán buôn máy móc, thiết bị và các phụ tùng máy khác
6	Công ty CP Phụ tùng máy số 1	Thái Nguyên	55,00	55,00	Sản xuất, mua bán vật tư, phụ tùng cho xe có động cơ
7	Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	Thành phố Hà Nội	100,00	100,00	Sản xuất máy kéo, máy nông nghiệp
8	Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	Bắc Ninh và TP Hà Nội	100,00	100,00	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp
9	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Thái Nguyên	100,00	100,00	Sản xuất phụ tùng phục vụ các ngành nông nghiệp, ngư nghiệp
10	Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	Đồng Nai	100,00	100,00	Sản xuất động cơ và máy nông nghiệp
11	Viện Công nghệ	Thành phố Hà Nội	100,00	100,00	Nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ các lĩnh vực vật liệu, đúc, nhiệt luyện, cơ khí, tự động hóa.
12	Veam Korea Corporation	Hàn Quốc	89,00	89,00	Xuất khẩu các sản phẩm của Hàn Quốc sang thị trường Việt Nam
13	Công ty CP Cơ khí Vinh (ii)	Nghệ An	49,00	59,93	Sản xuất các cấu kiện kim loại
	Công ty liên kết				
1	Công ty CP Nakyco	Thành phố Hồ Chí Minh	49,00	49,00	Sản xuất, mua bán các loại máy móc, thiết bị, phụ tùng
2	Công ty CP Cơ khí An Giang	An Giang	47,41	47,41	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu
3	Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ	Thành phố Hà Nội	29,01	29,01	Xây dựng nhà ở và văn phòng làm việc; cung cấp dịch vụ công cộng cho khu đô thị, khu nhà ở và văn phòng
4	Công ty Honda Việt Nam	Vĩnh Phúc	30,00	30,00	Sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu xe máy, ô tô để bán và xuất khẩu
5	Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	Vĩnh Phúc	20,00	20,00	Lắp đặt và sản xuất các loại ô tô và phụ tùng ô tô và cung cấp dịch vụ bảo hành, sửa chữa ô tô tại Việt Nam
6	Công ty CP Matexim Hải Phòng (iii)	Hải Phòng	20,38	21,23	Vận tải hành khách, bán buôn kim loại và quặng kim loại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

STT	Tên công ty con/ Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
	Công ty liên kết				
7	Công ty TNHH Ford Việt Nam (iv)	Hải Dương	25,00	25,00	Lắp đặt và sản xuất các xe và phụ tùng ô tô; nhập khẩu; xuất khẩu các loại xe ô tô
8	Công ty Cổ phần Golden City - CKV (v)	Nghệ An	14,30	26,00	Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Ghi chú:

(i) Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ là Công ty con của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 51,00% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Diesel Sông công (là Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 100% quyền biểu quyết) là 0,99%. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ là 51,99%.

(ii) Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh là Công ty con của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 49,00% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1 (là Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 55,00% quyền biểu quyết) là 10,93%. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh là 59,93%.

(iii) Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng là Công ty liên kết của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 19,46% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ (là Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 51,99% quyền biểu quyết) là 1,77%. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng là 21,23%.

(iv) Công ty TNHH Ford Việt Nam là Công ty liên kết của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công (là Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 100% quyền biểu quyết) là 25,00%. Theo đó tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty TNHH Ford Việt Nam là 25,00%.

(v) Công ty Cổ phần Golden City - CKV là Công ty liên doanh liên kết của Tổng Công ty do tỷ lệ biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh (là Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 59,33% quyền biểu quyết) là 26,00%. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Golden City - CKV là 26,00%.

Theo hợp đồng nguyên tắc đầu tư số 26/2015/HĐNT-HT/GDC-CKV ngày 12 tháng 8 năm 2015, Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh và Công ty Cổ phần Golden City góp vốn với mục đích hợp tác đầu tư và xây dựng dự án trên diện tích 40.789,5 m2 tại Số 7, Đường Mai Hắc Đế, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An. Tại thời điểm hợp tác đầu tư, Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh là đơn vị quản lý và sử dụng lô đất trên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 189519 được Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nghệ An cấp ngày 12 tháng 9 năm 2008. Tiếp theo đó, Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh và Công ty Cổ phần Golden City ký tiếp hợp đồng liên doanh số 27/2015/HĐNT-HT/GDC-CKV ngày 12 tháng 8 năm 2015 về việc thành lập công ty liên doanh là Công ty Cổ phần Golden City - CKV, theo đó, Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh thực hiện góp vốn bằng tiền mặt với số tiền là 5.200.000.000 đồng, tương đương với 26,00%. Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh đã vay Công ty Cổ phần Golden City số tiền tương ứng theo hợp đồng vay số 10/2016/HĐVT.GOLDEN, theo đó, toàn bộ cổ tức và lợi ích của Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh tại Công ty Cổ phần Golden City - CKV sẽ thuộc về Công ty Cổ phần Golden City và sau khi kết thúc thời hạn vay, Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh sẽ chuyển nhượng lại toàn bộ cổ phần này cho Công ty Cổ phần Golden City với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu để đối trừ với khoản tiền vay trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Ban Tổng giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất..

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

VEAM Korea Corporation - công ty con của Tổng Công ty sử dụng Hàn Quốc Won (KRW) làm đơn vị tiền tệ kế toán. Cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính theo luật định tại Việt Nam, VEAM Korea Corporation đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được lập bằng Hàn Quốc Won (KRW) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ (là tỷ giá chuyển khoản cua Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2025;
- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần) được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Chênh lệch tỷ giá được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của VEAM Korea Corporation được lập bằng Hàn Quốc Won (KRW) sang Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối năm. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng giá trị hợp lý theo chính sách kế toán như sau:

(a) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
(b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản thuần đem trao đổi, các khoản nợ phải đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Trong trường hợp trước ngày kiểm soát, khoản đầu tư là công ty liên kết hoặc khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty mẹ và giao dịch mua công ty con được đánh giá là giao dịch hợp nhất kinh doanh, khi lập báo cáo hợp nhất, bên mua đánh giá lại khoản đầu tư trước đây theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát và ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư tính từ thời điểm ngày 23/01/2017 (thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến thời điểm lập báo cáo tài chính, với mức trích lập bằng số lỗ của bên nhận đầu tư phát sinh trong giai đoạn này nhân với tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản hỗ trợ vốn

Các khoản hỗ trợ vốn là các khoản hỗ trợ cho các công ty con và công ty liên doanh liên kết theo các hợp đồng có lãi suất từ 0%/năm đến 5%/năm, được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản hỗ trợ vốn và phải thu lãi hỗ trợ vốn quá hạn của Văn phòng Công ty mẹ - Tổng Công ty được trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Phương pháp kế toán để hạch toán hàng tồn kho mà Tổng Công ty sử dụng là phương pháp kê khai thường xuyên. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 14

Các tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, trong đó:

Tài sản cố định vô hình và khấu hao (Tiếp theo)

Địa điểm	Thời gian sử dụng
Quyền sử dụng đất tại lô D, Khu D1, Tây Hồ, Hà Nội	50 năm
Quyền sử dụng đất tại số 37 Nguyễn Thái Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh	Đang làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Quyền sử dụng đất tại Khách sạn VEAM Cửa Lò	Lâu dài
Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị Toàn bộ	Lâu dài
Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1	Lâu dài
Quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Tiên Sơn, Bắc Ninh của Công ty Cổ phần Cơ khí Trần Hưng Đạo	47 năm
Quyền sử dụng đất tại khu phố 1, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai của Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	13,5 năm
Quyền sử dụng đất của Viện Công nghệ	Lâu dài
Quyền sử dụng đất của Công ty TNHH Diesel Sông Công	Lâu dài

Các tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác bao gồm bằng sáng chế, phần mềm máy tính và bản quyền Website của Tổng Công ty được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và thuê văn phòng, giá trị thương hiệu, chi phí đề tài nghiên cứu khoa học và các khoản chi phí trả trước khác.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí trả trước (Tiếp theo)

Giá trị thương hiệu được ghi nhận trên biên bản xác định doanh nghiệp của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong vòng 10 năm kể từ thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Tiền thuê đất và thuê văn phòng, Chi phí trả trước hạ tầng KCN: thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí nhà máy sắt xốp: là chi phí lãi vay, khấu hao, tiền thuê đất của Nhà máy sắt xốp ngừng hoạt động từ năm 2015 và Chi nhánh Bắc Kạn của Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ - Công ty con Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được phân bổ khi nhà máy có doanh thu hoạt động tương ứng.

Chi phí cơ sở hạ tầng bãi xe ô tô: là chi phí liên quan đến tiền thuê cơ sở hạ tầng phục vụ bãi đỗ xe ô tô đã trả trước cho nhiều kỳ. Chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí bảo trì tòa nhà và các chi phí nhỏ khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Các khoản chi phí trả trước của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương tháng thứ mười ba, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Phân phối lợi nhuận (Tiếp theo)

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:
(a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:
(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cùng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan chủ yếu của Tổng Công ty trong năm là:

- Bộ Công thương: Cổ đông chiếm 88,47% vốn điều lệ của Tổng Công ty
- Các Công ty liên kết: như trình bày tại mục 1 - Thông tin khái quát - Cấu trúc doanh nghiệp;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng: Lãnh đạo chủ chốt;

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	7.477.637.626	4.121.049.029
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	235.147.146.959	257.955.469.609
Các khoản tương đương tiền (i)	165.732.126.027	149.686.820.963
Cộng	**408.356.910.612**	**411.763.339.601**

Ghi chú:

(i) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng và hưởng lãi suất từ 3,5% đến 4,75%/năm.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (i)				
a) Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	**13.758.009.657.792**	**13.758.009.657.792**	**13.098.359.931.765**	**13.098.359.931.765**
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	1.077.181.567.566	1.077.181.567.566	1.548.181.567.566	1.548.181.567.566
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.493.303.000.000	1.493.303.000.000	2.056.103.000.000	2.056.103.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	8.230.045.090.226	8.230.045.090.226	6.704.545.090.226	6.704.545.090.226
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.585.900.000.000	2.585.900.000.000	85.600.000.000	85.600.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh	69.950.000.000	69.950.000.000	90.930.000.000	90.930.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	79.030.000.000	79.030.000.000	63.800.000.000	63.800.000.000
Ngân hàng TMCP TMCP Đông Nam Á	-	-	2.403.000.000.000	2.403.000.000.000
Các Ngân hàng TMCP khác	222.600.000.000	222.600.000.000	146.200.273.973	146.200.273.973
b) Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	**100.000.000**	**100.000.000**	-	-
Các Ngân hàng TMCP khác	100.000.000	100.000.000	-	-
Cộng	**13.758.009.657.792**	**13.758.009.657.792**	**13.098.359.931.765**	**13.098.359.931.765**

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị thuần theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị thuần theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (ii)	**1.090.396.118.044**	**6.697.266.723.551**	**1.090.396.118.044**	**6.637.703.566.709**
Công ty Cổ phần Nakyco	10.550.698.651	-	10.550.698.651	-
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang	23.823.075.776	66.190.520.113	23.823.075.776	54.603.156.670
Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ (iii)	9.467.051.066	9.501.890.598	9.467.051.066	9.480.620.727
Công ty Honda Việt Nam	359.311.428.087	5.186.770.853.777	359.311.428.087	5.302.286.801.542
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	287.776.054.812	573.095.683.091	287.776.054.812	526.148.666.336
Công ty TNHH Ford Việt Nam	374.904.000.000	840.796.605.022	374.904.000.000	722.157.717.548
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	19.363.809.652	15.711.170.950	19.363.809.652	17.826.603.886
Công ty Cổ phần Golden City - CKV (iv)	5.200.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác (v)	**66.313.796.758**	**(1.499.822.302)**	**66.313.796.758**	**(1.150.000.000)**
Công ty TNHH Năm sao Hà Nội	45.112.913.628	-	45.112.913.628	-
Công ty Cổ phần Kumba	11.001.060.828	-	11.001.060.828	-
Công ty TNHH Mekong Auto	-	-	-	
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	5.050.000.000	(1.350.000.000)	5.050.000.000	(1.150.000.000)
Công ty CP Đầu tư Matexim Phát Linh	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thác Đa	149.822.302	(149.822.302)	149.822.302	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng Thương mại bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng từ ngày kết thúc kỳ kế toán;

(ii) Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty dựa trên Báo cáo tài cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của các Công ty;

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào các công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và/hoặc các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ;

(iii) Tổng Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ bằng quyền sử dụng đất tại Lô D, Khu D1, Phường Tây Hồ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103022083. Tuy nhiên, Tổng Công ty đã thực hiện mua lại 5 tầng văn phòng và đang trong quá trình thực hiện các thủ tục chuyển giao quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ;

(iv) Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của Công ty TNHH Năm sao Hà Nội, Công ty Cổ phần Kumba, Công ty TNHH Mekong Auto, Công ty CP Đầu tư Matexim Phát Linh và Công ty Cổ phần Du lịch Thác Đa cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	***742.243.548.919***	***290.502.026.593***	***687.641.194.264***	***283.476.046.366***
Công ty CP Đầu tư Minh Quang	18.886.613.400	18.886.613.400	19.049.744.651	19.049.744.651
Công ty CP Thép Minh Quang	78.641.471.296	78.641.471.296	79.320.729.210	79.320.729.210
Công ty CP Thương mại và Đầu tư tương lai	76.135.268.600	76.135.268.600	76.792.879.435	76.792.879.435
Các đối tượng khác	568.580.195.623	116.838.673.297	512.477.840.968	108.312.693.070
b) Phải thu khách hàng ngắn hạn là bên liên quan	***218.965.317.998***	***97.609.341.993***	***237.069.532.573***	***97.644.341.993***
Công ty Honda Việt Nam	112.817.276.584	-	120.304.906.340	-
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong	2.172.222.000	2.172.222.000	2.172.222.000	2.172.222.000
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	8.538.699.421	-	19.120.284.240	-
Công ty CP Nakyco	2.203.940.556	2.203.940.556	2.238.940.556	2.238.940.556
Công ty CP Matexim Hải Phòng và các Chi nhánh	93.233.179.437	93.233.179.437	93.233.179.437	93.233.179.437
Cộng	**961.208.866.917**	**388.111.368.586**	**924.710.726.837**	**381.120.388.359**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	**39.982.759.617**	**1.588.858.254**	**23.732.151.030**	**1.888.858.254**
Shandong Tangjun Ouling Automobile Manufacture (i)	1.400.000.000	1.400.000.000	1.700.000.000	1.700.000.000
Các đối tượng khác	38.582.759.617	188.858.254	22.032.151.030	188.858.254
b) Trả trước cho người bán ngắn hạn là bên liên quan	**176.179.728.269**	**176.179.728.269**	**176.179.728.269**	**41.153.879.039**
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong AUTO (ii)	169.609.728.269	169.609.728.269	169.609.728.269	34.583.879.039
CN Công ty CP Matexim Hải phòng tại Quảng Ninh	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000
Công ty CP Nakyco	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000
Cộng	**216.162.487.886**	**177.768.586.523**	**199.911.879.299**	**43.042.737.293**

Ghi chú:

(i) Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17/3/2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, các cá nhân có liên quan phải bồi thường cho VEAM 9.000.000.000 VND. Năm 2023, Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội chuyển cho Tổng Công ty số tiền các cá nhân có liên quan đã bồi thường là 7.300.000.000 VND. Trong năm 2025, khoản trả trước Công ty TNHH Shandong Tangjun Ouling Automobile Manufacture được ghi giảm giá trị tương ứng với số tiền các cá nhân có liên quan đã bồi thường là 300.000.000 VND.

(ii) Bao gồm khoản ứng trước cho Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto ("MAC") theo hợp đồng số 16/2014/VEAM-Mekong Auto ký ngày 22/10/2014 số tiền 134.589.036.240 VND và khoản ứng trước xe mẫu số tiền 436.812.990 VND. Theo hợp đồng, Tổng Công ty sẽ thanh toán trước toàn bộ giá trị linh kiện nhập khẩu cho Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto theo các chứng từ nhập khẩu để Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto lắp ráp và bán cho Tổng Công ty 1.500 sản phẩm xe tải nhẹ nhãn hiệu Changan Model SC1022DB4N4. Tổng Công ty đã thanh toán toàn bộ giá trị linh kiện nhập khẩu cho Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto và nhận được 239 xe lắp đặt hoàn chỉnh; khoản công nợ còn lại tương ứng với số linh kiện Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto đã nhập khẩu nhưng chưa bàn giao xe cho Tổng Công ty. Hiện Tổng Công ty đã nộp đơn khởi kiện Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto và các đối tượng khác có liên quan ngày 29/03/2023 và đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 16/11/2023 đến Tòa án nhân dân huyện Đông Anh - thành phố Hà Nội. Công ty cũng đã nộp tiền tạm ứng án phí theo Thông báo ngày 31/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

Theo đơn khởi kiện, Tổng Công ty yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm có thẩm quyền tuyên Hợp đồng 16, Đơn hàng 15 vô hiệu và giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu với kiến nghị MAC phải hoàn trả Tổng Công ty khoản tiền tạm ứng của Đơn hàng 15 là 160.097.982.240 VND, chấp nhận việc Tổng Công ty hoàn trả cho MAC số tiền 32.963.700.000 VND tương ứng 239 xe thành phẩm Tổng Công ty đã nhận bàn giao, như vậy sau khi khấu trừ, MAC còn phải hoàn trả cho Tổng Công ty số tiền 127.134.282.240 VND. Đồng thời Tổng Công ty đã đề nghị Tòa án thẩm định tại chỗ, định giá tài sản 1261 bộ linh kiện xe Changan.

Liên quan đến hợp đồng 16 và đơn hàng 15, Tổng Công ty cũng đã khởi kiện Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh 8 tháng 3 Hà Nội ("Sacombank"), yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm có thẩm quyền tuyên Hợp đồng cầm cố số 0118102017/HDCC (VEAM cầm cố giấy tờ có giá với tổng giá trị là 150.000.000.000 đồng, bao gồm: Hợp đồng tiền gửi số 020035491791/HĐTG-SACOMBANK-VEAM; và Hợp đồng tiền gửi số 020043150007/HĐTG-SACOMBANK-VEAM để bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ của Chi Nhánh Công ty TNHH Mekong Auto đối với Hợp đồng mua bán số 2017CA0220HB mà chi nhánh này ký với đối tác Changan International Corporation để mua 1.500 bộ linh kiện để lắp ráp xe ô tô tại cho Đơn Hàng 15 nêu trên với thỏa thuận thanh toán bằng thư tín dụng không hủy ngang) và Hợp đồng Quản lý tài khoản chuyên dụng vô hiệu và giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu, Tòa án đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, phiên xét xử đầu tiên ngày 22/7/2025.

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khác ngắn hạn	**3.762.903.730.554**	**233.644.063.732**	**3.342.143.271.731**	**220.859.099.853**
a1) Phải thu khác ngắn hạn không là bên liên quan	***674.777.121.225***	***111.544.484.009***	***679.092.432.086***	***98.990.213.091***
Tạm ứng	1.897.878.435	560.000.000	1.921.968.364	-
Ký quỹ, ký cược	3.069.853.667	-	5.442.566.928	-
Lãi dự thu hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	508.695.177.079	-	510.206.266.966	-
Phải thu về cổ phần hóa (i)	10.164.296.365	-	10.164.296.365	-
Thuế nhà thầu của hợp đồng VEAM-ZIBO (cabin) (ii)	957.390.582	-	957.390.582	-
Phải thu về tiền lãi quá hạn và phạt vi phạm hợp đồng (iii)	94.188.312.415	92.877.289.554	94.188.312.415	92.877.289.554
Nhà máy sản Yên Thành	11.630.810.523	11.630.810.523	11.630.810.523	-
Các đối tượng khác	44.173.402.159	6.476.383.932	44.580.819.943	6.112.923.537
a2) Phải thu khác ngắn hạn là bên liên quan	***3.088.126.609.329***	***122.099.579.723***	***2.663.050.839.645***	***121.868.886.762***
Các khoản phải thu tiền hỗ trợ vốn				
Công ty CP NAKYCO	1.504.324.210	1.504.324.210	1.504.324.210	1.504.324.210
Công ty CP Matexim Hải Phòng	82.000.000.000	82.000.000.000	83.150.000.000	83.150.000.000
Phải thu lãi hỗ trợ vốn (*)				
Công ty CP Matexim Hải Phòng	34.234.914.328	34.234.914.328	34.234.914.328	32.887.947.904
Công ty CP NAKYCO	1.458.768.759	1.313.801.363	1.388.261.289	1.280.074.826
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia				
Công ty CP Matexim Hải Phòng	1.868.256.000	1.868.256.000	1.868.256.000	1.868.256.000
Công ty CP NAKYCO	200.903.500	200.903.500	200.903.500	200.903.500
Công ty Honda Việt Nam	2.965.882.062.210	-	2.539.726.799.996	-
Phải thu khác				
Công ty CP Matexim Hải Phòng và các chi nhánh	977.380.322	977.380.322	977.380.322	977.380.322
b) Phải thu khác dài hạn	**10.964.966.457**	**-**	**11.397.282.463**	**-**
Ký quỹ, ký cược dài hạn	45.700.000	-	45.700.000	-
Phải thu dài hạn khác	10.919.266.457	-	11.351.582.463	-
Tổng cộng	**3.773.868.697.011**	**233.644.063.732**	**3.353.540.554.194**	**220.859.099.853**

Ghi chú:

(*) Trong những năm trước năm 2014, Tổng Công ty đã ký kết các hợp đồng hỗ trợ vốn với các công ty con và công ty liên doanh liên kết, lãi hỗ trợ vốn đã được ghi nhận đến ngày 31/12/2014 (bao gồm khoản lãi hỗ trợ vốn ghi nhận bổ sung trong năm 2024 với số tiền 9.216.513.359 VND theo Kết luận thanh tra số 1538/KL-TTCP ngày 07/7/2023 của Thanh tra Chính phủ). Kể từ ngày 01/01/2015, Công ty mẹ đã dừng ghi nhận lãi hỗ trợ vốn từ các công ty này. Lãi hỗ trợ vốn phát sinh năm 2025 theo các điều khoản của hợp đồng vẫn được Tổng Công ty theo dõi chi tiết theo quy định, Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản lãi hỗ trợ vốn cho giai đoạn này vào doanh thu tài chính do theo hướng dẫn tại điểm d khoản 1 và điểm b khoản 3 điều 80 Thông tư 200/2014/TT-BTC thì khoản lãi hỗ trợ vốn phát sinh trong giai đoạn từ 01/01/2015 đến 31/12/2025 chưa đủ điều kiện để ghi nhận doanh thu tài chính.

9. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(i) Các khoản phải thu về cổ phần hóa phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến quá trình cổ phần hóa. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền

(ii) Khoản phải thu tiền thuế nhà thầu đã nộp 957.390.582 VND, theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17/3/2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tổng Công ty không phải nộp số tiền thuế này, do đó Tổng Công ty sẽ được cục thi hành án thu hồi lại số tiền từ cơ quan thuế.

(iii) Các khoản phải thu về tiền phạt vi phạm hợp đồng, tiền lãi quá hạn đối với 19 đối tượng nợ tại Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM (viết tắt là "Vetranco").

10. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Hàng tồn kho	9.462.581.259	9.493.166.986
Tài sản cố định	597.281.949	597.281.949
Cộng (*)	**10.059.863.208**	**10.090.448.935**

Ghi chú:

(*) Bao gồm giá trị hàng tồn kho và tài sản cố định thiếu phát hiện trong quá trình kiểm kê:

- Biên bản kiểm kê ngày 23 tháng 01 năm 2017 (ngày Tổng Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần) và Biên bản kiểm kê tại thời điểm 31/12/2020. Hàng tồn kho và tài sản cố định tại Văn phòng Công ty mẹ - Tổng Công ty kiểm kê phát hiện thiếu: tại ngày 31/12/2025 là 4.480.227.657 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4.493.764.928 VND;

- Biên bản kiểm kê ngày 31/12/2019 và 31/12/2020, Báo cáo kết quả kiểm kê số 38/BC-VM ngày 07/02/2020 và Báo cáo kết quả kiểm kê số 150A/BC-HĐKK ngày 02/03/2021, Báo cáo kết quả kiểm kê số 01/BC-HĐKK ngày 08/01/2022 của Hội đồng kiểm kê; Biên bản họp số 01/BB-VM ngày 10/01/2022 về công tác kiểm kê năm 2021; Báo cáo kết quả kiểm kê số 01/BC-HĐKK ngày 08/01/2023 của Hội đồng kiểm kê; Biên bản họp số 01/BB-VM ngày 10/01/2023 về công tác kiểm kê năm 2022 của Nhà máy Ô tô VEAM; Báo cáo kết quả kiểm kê năm 2023 số 07A/BC-HĐKK ngày 23/01/2024 và Biên bản họp về công tác kiểm kê năm 2023 số 02A/BB-VM ngày 23/01/2024 của Nhà máy ô tô Veam. Hàng tồn kho kiểm kê phát hiện thiếu tại Nhà máy ô tô VEAM - chi nhánh của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 với giá trị là 4.362.356.232 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4.349.211.124 VND); và

- Giá trị tài sản thiếu chờ xử lý tại Công ty con - Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo là 1.171.174.429 VND, tại Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 là 46.104.890 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
	VND	VND		VND	VND	
a) Phải thu khách hàng	***433.203.103.205***	***45.091.734.619***		***433.801.760.325***	***52.681.371.966***	
Công ty CP Thương mại và Đầu tư tương lai	76.135.268.600	-	trên 3 năm	76.792.879.435	-	trên 3 năm
Công ty CP Thép Minh Quang	78.641.471.296	-	trên 3 năm	79.320.729.210	-	trên 3 năm
Công ty CP Matexim Hải Phòng và các Chi nhánh	93.233.179.437	-	trên 3 năm	93.233.179.437	-	trên 3 năm
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto	2.172.222.000	-	trên 3 năm	2.172.222.000	-	trên 3 năm
Các đối tượng khác	183.020.961.872	45.091.734.619	trên 3 năm	182.282.750.243	52.681.371.966	trên 3 năm
b) Trả trước cho người bán ngắn hạn	***177.768.586.523***	-		***178.068.586.523***	***135.025.849.230***	
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong AUTO	169.609.728.269	-	trên 3 năm	169.609.728.269	135.025.849.230	trên 3 năm
CN Công ty CP Matexim Hải phòng tại Quảng Ninh	6.500.000.000	-	trên 3 năm	6.500.000.000	-	trên 3 năm
Công ty TNHH Shandong Tangjun Ouling	1.400.000.000	-	trên 3 năm	1.700.000.000	-	trên 3 năm
Công ty CP Nakyco	70.000.000	-	trên 3 năm	70.000.000	-	trên 3 năm
Các đối tượng khác	188.858.254	-	trên 3 năm	188.858.254	-	trên 3 năm
c) Phải thu khác ngắn hạn	***234.000.890.374***	***356.826.642***		***222.314.252.740***	***1.455.152.887***	
Công ty CP Matexim Hải Phòng	1.868.256.000	-	trên 3 năm	1.868.256.000	-	trên 3 năm
Công ty CP Nakyco	200.903.500	-	trên 3 năm	200.903.500	-	trên 3 năm
Công ty CP Matexim Hải Phòng	977.380.322	-	trên 3 năm	977.380.322	-	trên 3 năm
Thuế TNCN Chương trình " Khách hàng thân thiết"	3.594.830.000	-	trên 3 năm	3.594.830.000	-	trên 3 năm
Các khoản hỗ trợ vốn và lãi hỗ trợ vốn	119.198.007.297	144.967.396	trên 3 năm	120.277.499.827	1.455.152.887	trên 3 năm
Phải thu về lãi hợp đồng theo bản án	92.877.289.554	-	trên 3 năm	92.877.289.554	-	trên 3 năm
Các đối tượng khác	15.284.223.701	211.859.246	từ 2 đến trên 3 năm	2.518.093.537	-	trên 3 năm
Cộng	**844.972.580.102**	**45.448.561.261**		**834.184.599.588**	**189.162.374.083**	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng (i) (ii)	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	10.518.989.230	-	87.699.392	-
Nguyên liệu, vật liệu	301.367.097.045	(37.606.984.409)	253.624.136.119	(36.976.900.223)
Công cụ, dụng cụ	35.095.933.532	(4.004.270.743)	66.442.602.942	(4.321.266.850)
Chi phí sản xuất dở dang (*)	233.532.819.005	(2.700.734.734)	228.136.244.126	(2.700.734.734)
Thành phẩm	760.671.636.469	(316.164.023.727)	990.285.243.891	(431.812.473.525)
Hàng hóa	177.523.386.518	(52.477.795.306)	182.089.825.264	(39.786.244.382)
Hàng gửi bán	27.182.898.796	(3.830.730.332)	62.551.713.671	(16.726.063.636)
Cộng	**1.545.892.760.595**	**(416.784.539.251)**	**1.783.217.465.405**	**(532.323.683.350)**

Ghi chú:

(*) Bao gồm khoản chi phí sản xuất kinh doanh liên quan đến Nhà máy sắt xốp đã ngừng hoạt động từ nhiều năm phát sinh tại Chi nhánh Matexim Bắc Kạn của Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ - Công ty con Tổng Công ty với số tiền là 8.802.002.030 VND.

(i) Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31/12/2025 bao gồm:

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho trích lập trên cơ sở giá trị ước tính tài sản tại Chứng thư thẩm định giá số 093/2025/1325/CT-VALUINCO/BAN2 ngày 12 tháng 01 năm 2026 và Báo cáo kết quả thẩm định số 093/2025/1325/BC-VALUINCO/BAN2 do Công ty Cổ phần Định giá và Tư vấn Đầu tư Quốc tế phát hành tại Văn phòng Công ty mẹ là 16.187.728.146 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trích lập trên cơ sở giá trị ước tính tài sản tại Chứng thư và Báo cáo kết quả thẩm định giá tháng 11 năm 2023 là 5.836.559.393 VND);

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với mặt hàng là linh kiện tại Chi nhánh Nhà máy Ô tô VEAM trích lập trên cơ sở tham khảo giá bán ước tính tại Chứng thư và Báo cáo kết quả thẩm định giá ngày 17 tháng 01 năm 2024 là 76.724.442.759 VND (tại 31 tháng 12 năm 2024 trích lập dựa trên cơ sở chứng thư nêu trên là 79.455.650.804 VND);

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với mặt hàng là xe ô tô tại Chi nhánh Nhà máy Ô tô VEAM được trích lập trên cơ sở giá bán ước tính tại hồ sơ phê duyệt giá đấu thầu lần 10 ngày 04 tháng 11 năm 2025 là 300.706.296.978 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trích lập trên cơ sở giá bán ước tính tại Chứng thư và Báo cáo kết quả thẩm định giá ngày 17 tháng 01 năm 2024 là 426.132.396.197 VND);

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Chi nhánh Nhà máy Đúc căn cứ cơ sở đơn giá bán phế liệu là 789.432.410 VND (tại 31/12/2024 là 445.594.138 VND).

- Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại các công ty con (bao gồm: Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp; Công ty CP Cơ khí Phổ Yên; Công ty CP Cơ khí Vinh; Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ và Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam) là 22.376.638.958 VND.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có một số mã hàng tồn kho chậm luân chuyển và có dấu hiệu suy giảm giá trị nhưng chưa được trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền khoảng 11,2 tỷ đồng (tại 31/12/2024 khoảng 81,6 tỷ đồng), trong đó:
- Giá trị tại Chi nhánh Nhà máy Ô tô VEAM là 2.745.858.490 VND (tại 31/12/2024 là 257.514.100 VND).
- Giá trị tại Văn phòng Công ty mẹ tại 31/12/2024 là 70.856.245.957 VND
- Giá trị tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo - Công ty con số tiền khoảng 8,5 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10,5 tỷ đồng).

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	***19.075.749.885***	***22.246.209.212***
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	13.178.649.419	16.084.014.668
Các khoản bảo hiểm và lệ phí	461.685.544	651.991.846
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.435.414.922	5.510.202.698
Dài hạn	***648.358.493.122***	***599.731.002.480***
Chi phí thuê đất, văn phòng (i)	20.822.250.152	22.782.124.580
Giá trị thương hiệu (ii)	3.340.879.623	6.430.714.263
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	52.165.078.901	39.976.028.700
Chi phí nhà máy sắt xốp (iii)	512.546.282.683	473.066.380.911
Cơ sở hạ tầng bãi xe ô tô	3.625.030.727	3.742.810.545
Chi phí trả trước hạ tầng KCN Phú Nghĩa	28.952.627.929	29.929.784.385
Chi phí trả trước dài hạn khác	26.906.343.107	23.803.159.096
Cộng	**667.434.243.007**	**621.977.211.692**

Chi chú:

(i) Tiền thuê đất bao gồm tiền thuê đất tại văn phòng số 90-92 Trần Bình Trọng -Thành phố Hồ Chí Minh đến ngày 15/04/2028; tiền thuê đất cùng tài sản có sẵn trên đất từ đến ngày 01/09/2025 theo hợp đồng kinh tế số 05/HĐKT/TAMAC-VEAM/2024 ký ngày 27/09/2024 và tiền thuê đất trả trước theo Hợp đồng thuê lại đất số 30/HDTĐ.05 ngày 28 tháng 3 năm 2005 giữa Công ty Phát triển Công nghiệp Tân Thuận và Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam. Khoản mục này đã được điều chuyển từ Công ty TNHH MTV Đúc máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam và được Chi nhánh ghi nhận theo Biên bản bàn giao tài sản hình thành sau đầu tư ngày 20/9/2012 giữa Tổng Công ty và Chi nhánh.

(ii) Thể hiện giá trị thương hiệu của Tổng Công ty được tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp và được phân bổ trong 10 năm.

(iii) Là khoản chi phí lãi vay, khấu hao, tiền thuê đất của Nhà máy sắt xốp ngừng hoạt động từ năm 2015 và Chi nhánh Bắc Kạn của Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ - Công ty con Tổng Công ty. Trong đó: chi phí trả trước dài hạn của Nhà máy sắt xốp là 454.018.381.289 VND (tại 01/01/2025 là 414.538.479.517 VND) và Chi nhánh Matexim Bắc Kạn là 58.527.901.394VND (tại 01/01/2025 là 58.527.901.394 VND).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày đầu năm	**1.744.591.277.882**	**3.467.587.231.433**	**240.716.128.992**	**33.628.791.936**	**3.854.341.226**	**5.490.377.771.469**
- Mua trong năm	-	61.166.381.853	7.652.457.609	43.771.043	-	68.862.610.505
- Đầu tư XDCB hoàn thành	3.983.256.451	14.812.237.172	1.248.368.160	1.439.558.434	-	21.483.420.217
- Tăng khác (i)	-	-	-	-	26.909.114.370	26.909.114.370
- Thanh lý, nhượng bán	-	(34.269.535.653)	(1.022.405.455)	(420.649.955)	-	(35.712.591.063)
- Giảm khác	-	-	(27.633.262)	(20.516.072)	-	(48.149.334)
- Phân loại lại	1.114.442.099	(5.651.262.132)	6.099.192.300	(1.562.372.267)	-	-
Tại ngày cuối năm	**1.749.688.976.432**	**3.503.645.052.673**	**254.666.108.344**	**33.108.583.119**	**30.763.455.596**	**5.571.872.176.164**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày đầu năm	**1.139.153.684.966**	**2.755.952.079.514**	**218.428.093.541**	**26.484.087.483**	**3.786.302.896**	**4.143.804.248.400**
- Khấu hao trong năm	60.446.218.786	155.183.725.876	8.950.463.818	1.687.128.066	26.918.388.918	253.185.925.464
- Thanh lý, nhượng bán	-	(34.269.535.653)	(1.022.405.455)	(420.649.955)	-	(35.712.591.063)
- Giảm khác	-	-	(27.632.512)	(20.510.822)	-	(48.143.334)
- Phân loại lại	1.099.041.769	(5.310.084.404)	5.735.375.115	(1.524.332.480)	-	-
Tại ngày cuối năm	**1.200.698.945.521**	**2.871.556.185.333**	**232.063.894.507**	**26.205.722.292**	**30.704.691.814**	**4.361.229.439.467**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	**605.437.592.916**	**711.635.151.919**	**22.288.035.451**	**7.144.704.453**	**68.038.330**	**1.346.573.523.069**
Tại ngày cuối năm	**548.990.030.911**	**632.088.867.340**	**22.602.213.837**	**6.902.860.827**	**58.763.782**	**1.210.642.736.697**

Nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 2.259.378.320.474 VND (Tại ngày 31/12/2024 là 1.984.594.653.441 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng không sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 26.909.114.370 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 0 VND).

Tại ngày 31/12/2025, tại Văn phòng Công ty mẹ, nguyên giá TSCĐ hữu hình hỏng tạm thời không sử dụng là 51.837.442.814 VND (giá trị còn lại: 5.534.130.279 VND), nguyên giá tài sản cố định hỏng đang sử dụng là 4.650.005.666 VND (giá trị còn lại: 0 VND).

Các Công ty con của Tổng Công ty sử dụng tài sản cố định được hình thành từ vốn vay và một số tài sản cố định khác để thế chấp cho các khoản vay được trình bày tại Thuyết minh số 22 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(i) Là giá trị của 305 bộ khuôn dập chi tiết của cabin ô tô mua sắm tại nhiều thời điểm khác nhau từ năm 2005 đến năm 2011. Các bộ khuôn này được lãnh đạo Tổng Công ty các giai đoạn trước mua với hành vi trái quy định của pháp luật, thực hiện mua sắm chưa đúng, chưa đầy đủ, gây thiệt hại lãng phí cho nhà nước. Theo Bản án số 157/2025/HS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội, các cá nhân có liên quan phải bồi thường cho Tổng Công ty là 13.604.363.700 VND (số đã làm tròn), bên cạnh đó, theo kiến nghị của Công an thành phố Hà Nội liên quan đến vụ việc này và theo Bản án của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xác định 305 bộ khuôn dập này là tài sản cố định, do đó Công ty ghi nhận tăng tài sản và trích khấu hao bổ sung theo thời điểm nhập mua. Tài sản là máy dập đang được theo dõi tại Chi nhánh Nhà máy ô tô VEAM, các khuôn dập này chưa được Văn phòng Tổng Công ty bàn giao cho Nhà máy ô tô VEAM.

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm	Phí bản quyền	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày đầu năm	22.002.905.257	13.855.846.325	84.500.000	126.143.312.285
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.965.000.000	-	-	1.965.000.000
Tại ngày cuối năm	23.967.905.257	13.855.846.325	84.500.000	128.108.312.285
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày đầu năm	13.187.952.165	13.651.355.233	84.500.000	49.721.901.641
- Khấu hao trong năm	1.660.179.812	57.416.100	-	2.687.077.785
Tại ngày cuối năm	14.848.131.977	13.708.771.333	84.500.000	52.408.979.426
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	8.814.953.092	204.491.092	-	76.421.410.644
Tại ngày cuối năm	9.119.773.280	147.074.992	-	75.699.332.859

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng lô đất tại số 37 Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là là 10.262.436.326 VND đang trong quá trình làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 với giá trị là 17.474.893.864 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 7.777.132.474 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự án Đầu tư sản xuất máy kéo bốn bánh hạng trung (i)	53.507.597.654	53.507.597.654
Chi phí xây dựng văn phòng, nhà xưởng Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo (ii)	11.936.576.793	11.871.206.422
Dự án di chuyển và xây mới nhà máy sản xuất máy kéo nhỏ của Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp (iii)	10.288.550.496	10.288.550.496
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	10.645.012.232	8.597.276.156
Cộng	**86.377.737.175**	**84.264.630.728**

Ghi chú:

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Đầu tư sản xuất máy kéo 4 bánh hạng trung thể hiện phí bản quyền chuyển giao công nghệ theo Hợp đồng số 02/VEAM-ISEKI/2016 ký ngày 05 tháng 7 năm 2016 với ISEKI & CO., LTD với số tiền là 56.529.995.370 VND cho Dự án Đầu tư sản xuất máy kéo 4 bánh hạng trung tại Bỉm Sơn. Tổng Công ty đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ theo Công văn số 24/GCN-BKHCN tại ngày 02 tháng 8 năm 2016. Theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐQT ngày 26/06/2020 của Hội đồng quản trị đã quyết nghị giao Tổng Giám đốc Tổng Công ty chỉ đạo triển khai các công việc tiếp tục đánh giá thị trường máy kéo bốn bánh (MK4B) theo hướng hợp tác với các đơn vị tư vấn đánh giá thị trường chuyên nghiệp để có cơ sở cho các quyết định đầu tư phát triển và thực hiện chế thử hộp số MK4B theo thiết kế của Li - xăng ISEKI nhằm tận dụng năng lực sản xuất cơ khí có sẵn của các đơn vị trong Tổng Công ty cũng như các đơn vị bên ngoài để giảm thiểu tối đa tổng mức đầu tư sản xuất.

Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17/3/2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, các cá nhân có liên quan phải bồi thường cho VEAM 48.943.720.130 VND, VEAM được hoàn lại số tiền thuế nhà thầu đã nộp là 7.586.276.240 VND. Các cá nhân có liên quan đang thực hiện bồi thường. Khoản chi phí đầu tư xây dựng cơ bản của Dự án "Đầu tư sản xuất máy kéo bốn bánh hạng trung" được ghi giảm giá trị tương ứng với số tiền các cá nhân có liên quan bồi thường khoảng 3 tỷ đồng.

(ii) Bao gồm chi phí lương, khảo sát thiết kế và các khoản chi phí khác chưa được quyết toán của Dự án Di chuyển và xây mới Công ty (Giai đoạn II). Một số hạng mục của dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng đã được Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo ghi nhận tạm tăng Tài sản cố định từ năm 2003 - 2010.

(iii) Dự án được phê duyệt chủ trương thực hiện theo Nghị quyết số 23/NQ-VEAM/HĐTV ngày 31/07/2014 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam.

Theo Quyết định số 141/QĐ-VEAM/HĐTV ngày 02/11/2016:

- Tên dự án: Di chuyển và xây mới nhà máy sản xuất máy kéo nhỏ
- Công suất: 28.000 máy kéo 2 bánh/năm
- Tổng mức đầu tư: 432.146.684.000VND
- Thời gian thực hiện: Từ quý IV/2016 đến quý I/2018

Theo Quyết định số 51/QĐ-HĐQT ngày 12/10/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án "Di chuyển và xây mới nhà máy sản xuất máy kéo nhỏ" điều chỉnh thời gian thực hiện dự án từ: "Từ quý IV/2016 đến quý I/2018" thành "Từ quý IV/2016 đến quý I/2023" và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ 01 ngày 04/12/2020 về việc sửa đổi gia hạn thời gian đầu tư. Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, đã quá thời hạn gia hạn nhưng Tổng Công ty và Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp chưa hoàn tất các thủ tục gia hạn dự án, dự án cũng không phát sinh các hoạt động triển khai cũng như nghiệm thu.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	**297.209.968.904**	**297.209.968.904**	**340.286.269.175**	**340.286.269.175**
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh Doanh Vật Tư Thiết Bị Công nghiệp	3.117.695.086	3.117.695.086	14.303.288.285	14.303.288.285
Công ty TNHH Honda Trading Việt Nam	31.051.816.761	31.051.816.761	30.759.511.976	30.759.511.976
Công ty Cổ phần thương mại CITICOM	2.401.099.085	2.401.099.085	20.793.688.300	20.793.688.300
Công ty TNHH Cường Đại	2.169.699.544	2.169.699.544	3.659.155.508	3.659.155.508
Các đối tượng khác	258.469.658.428	258.469.658.428	270.770.625.106	270.770.625.106
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	**927.561.350**	**927.561.350**	**86.875.500**	**86.875.500**
Công ty Honda Việt Nam	840.685.850	840.685.850	-	-
Công ty Cổ phần Nakyco	86.875.500	86.875.500	86.875.500	86.875.500
Cộng	**298.137.530.254**	**298.137.530.254**	**340.373.144.675**	**340.373.144.675**

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	**14.842.100.594**	**18.556.396.566**
Công ty TNHH MTV Ôtô HUAN TAO	1.464.331.174	1.464.331.174
Công ty Cổ phần Cơ điện Việt Nam	945.560.441	945.560.441
Công ty Cổ phần Nguyên Gia Phát	50.000.000	190.430.000
Công ty Cổ phần Kim Hoàng Hảo-CN Đà Nẵng	-	137.611.100
Các đối tượng khác	12.382.208.979	15.818.463.851
b) Người mua trả tiền trước dài hạn	**377.377.744**	**395.155.522**
Các đối tượng khác	377.377.744	395.155.522

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	5.987.494.127	58.344.640.300	54.687.868.371	9.644.266.056
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	24.936.662.902	24.936.662.902	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	11.958.303.899	11.958.303.899	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	54.128.807.605	207.578.216.516	202.757.792.341	58.949.231.780
Thuế thu nhập cá nhân	7.367.760.460	43.524.986.676	47.260.605.502	3.632.141.634
Thuế tài nguyên	592.811.130	3.395.089.905	3.978.972.435	8.928.600
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	358.251.928	10.400.900.565	9.975.415.399	783.737.094
Các loại thuế khác	3.685.145	326.913.703	293.602.772	36.996.076
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	7.383.144.765	5.961.418.231	5.651.993.409	7.692.569.587
Cộng	**75.821.955.160**	**366.427.132.697**	**361.501.217.030**	**80.747.870.827**

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP THEO)

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực thu/nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Phải thu				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	323.241.566	110.261.907	-	212.979.659
Thuế thu nhập doanh nghiệp	256.806.561	253.213.538	145.024.992	148.618.015
Thuế thu nhập cá nhân	421.144.605	54.437.223	74.313.150	441.020.532
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	367.503.386	344.592.345	1.139.740.221	1.162.651.262
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	20.000	20.000	-	-
Cộng	**1.368.716.118**	**762.525.013**	**1.359.078.363**	**1.965.269.468**

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí vận chuyển, bảo hiểm, kho bãi (i)	10.621.349.105	11.132.115.003
Chi phí lãi vay	69.990.740.965	59.901.960.737
Trích trước các chi phí khác	28.610.762.205	16.780.079.848
Cộng	**109.222.852.275**	**87.814.155.588**

Ghi chú:

(i) Khoản chi phí phải trả liên quan đến Hợp đồng dịch vụ vận chuyển ô tô tải số 20181230269/TCGc-VM ngày 21/01/2019 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TCG và Nhà máy ô tô VEAM - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP. Nhà máy đã gửi các Văn bản số 11CV-NM ngày 12/04/2021; số 193/VM-KTDV-PT ngày 31/05/2021; 77A/CV-VM ngày 26/04/2022 đến Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TCG về việc hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, tuy nhiên, đến thời điểm lập Báo cáo này, Nhà máy vẫn chưa nhận được phản hồi.

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	**201.584.252.007**	**170.513.758.155**
Kinh phí công đoàn	7.984.335.240	9.437.233.653
Các khoản bảo hiểm	25.953.942	145.062.725
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	29.156.425.440	11.609.038.139
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	23.110.073.430	5.515.158.464
Tài sản thừa chờ xử lý (i)	19.873.384.804	20.367.826.371
Công ty CP Quan hệ quốc tế đầu tư sản xuất (ii)	88.988.000.000	88.988.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	32.446.079.151	34.451.438.803
b) Dài hạn	**1.464.236.884**	**1.679.207.300**
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	1.464.236.884	1.679.207.300
Cộng	**203.048.488.891**	**172.192.965.455**

21. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(i) Tài sản thừa chờ xử lý là hàng tồn kho thừa chưa rõ nguyên nhân phát hiện trong quá trình kiểm kê tại của Nhà máy ô tô VEAM - chi nhánh của Tổng Công ty theo Biên bản kiểm kê 31/12/2019 và 31/12/2020, Báo cáo kết quả kiểm kê số 38/BC-VM ngày 07/02/2020 và Báo cáo kết quả kiểm kê số 150A/BC-HDKK ngày 02/03/2021, Báo cáo kết quả kiểm kê số 01/BC-HDKK ngày 08/01/2022 của Hội đồng kiểm kê; Biên bản họp về công tác kiểm kê năm 2021 số 01/BB-VM ngày 10/01/2022; Báo cáo kết quả kiểm kê số 01/BC-HDKK ngày 09/01/2023 của Hội đồng kiểm kê; Biên bản họp về công tác kiểm kê năm 2022 số 01/BB-VM ngày 10/01/2023 của Nhà máy ô tô VEAM.

(ii) Thể hiện khoản phải trả Công ty Cổ phần Quan hệ Quốc tế Đầu tư Sản xuất liên quan đến việc hợp tác đầu tư thực hiện dự án di dời Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp - Công ty con của Tổng Công ty đến địa điểm mới và đầu tư xây dựng tổ hợp văn phòng, chung cư và trung tâm thương mại tại khu đất số 4 Chu Văn An, Hà Đông, Hà Nội theo Hợp đồng nguyên tắc số 03/2010/HDNT ngày 23/02/2010 và các phụ lục của Hợp đồng nguyên tắc.

Theo đó, Công ty được Công ty Cổ phần Quan hệ Quốc tế đầu tư sản xuất thu xếp tổng số tiền để đầu tư dự án nhà máy mới là 300 tỷ đồng, trong đó bao gồm 50% số tiền nộp ngân sách Nhà nước cho việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất được Nhà nước hoàn lại theo quy định của pháp luật và còn được thu xếp tối thiểu 50 tỷ đồng để góp vốn liên doanh thực hiện dự án. Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty Cổ phần Quan hệ Quốc tế đầu tư sản xuất sẽ chuyển tiền đặt cọc cho Công ty là 30 tỷ đồng. Hai bên chưa ký kết phụ lục hợp đồng quy định về tiến độ giải ngân theo hợp đồng nguyên tắc trên.

Số tiền Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp đã nhận từ Công ty Cổ phần Quan hệ Quốc tế đầu tư sản xuất được dùng để thanh toán cho giá trị chuyển nhượng tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Tiên Sơn - Bắc Ninh từ Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo với số tiền là 71.930.200.000 VNĐ (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%) và một số chi phí khác, số tiền còn lại được gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (*)	**108.038.659.834**	**108.038.659.834**	**70.666.339.736**	**51.549.330.651**	**127.155.668.919**	**127.155.668.919**
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Tây Hồ	27.035.205.700	27.035.205.700	604.794.300	-	27.640.000.000	27.640.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Thái Nguyên	-	-	23.592.535.299	23.592.535.299	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Thái Nguyên	-	-	11.306.795.352	11.306.795.352	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thăng Long	5.154.902.226	5.154.902.226	1.850.000.000	-	7.004.902.226	7.004.902.226
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN khu vực Bắc Cạn - Thái Nguyên (i)	63.187.186.242	63.187.186.242	720.000.000	-	63.907.186.242	63.907.186.242
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto - Bên liên quan	1.800.000.000	1.800.000.000	40.000.000	-	1.840.000.000	1.840.000.000
Vay ngắn hạn khác (ii)	10.861.365.666	10.861.365.666	32.552.214.785	16.650.000.000	26.763.580.451	26.763.580.451
- Công ty CP Golden City	*5.200.000.000*	*5.200.000.000*	-	-	*5.200.000.000*	*5.200.000.000*
- Đối tượng khác tại Công ty Cổ phần Vật tư & thiết bị toàn bộ	*5.661.365.666*	*5.661.365.666*	*32.552.214.785*	*16.650.000.000*	*21.563.580.451*	*21.563.580.451*

(*) Các khoản vay ngắn hạn tại các Công ty con để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh hoặc để thanh toán tiền hàng theo các hợp đồng hạn mức. Các khoản vay dài hạn tại các Công ty con để mua sắm tài sản cố định hoặc thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang.
Các Công ty con của Tổng Công ty sử dụng chính tài sản cố định được hình thành từ vốn vay và một số tài sản cố định khác để thế chấp cho các khoản vay nêu trên.

(i) Vay dài hạn đã quá hạn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - Chi nhánh khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng đầu tư số 63/2010/HĐTDDT - NHPT ngày 29 tháng 10 năm 2010 giữa chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên và Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ. Mục đích sử dụng tiền vay để thực hiện xây dựng các hạng mục xây lắp, thiết bị của dự án Nhà máy luyện kim phi cốc. Số tiền vay theo hợp đồng là 335.348.000.000 VNĐ. Thời hạn vay là 9,5 năm (kể từ ngày rút vốn lần đầu); thời hạn ân hạn là 1,5 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên.Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành sau đầu tư (bao gồm tài sản hình thành từ vốn vay tín dụng đầu tư của Nhà nước, vốn huy động khác từ Tổng Công ty máy Động lực và máy Nông nghiệp Việt Nam, vốn tự có của Chủ đầu tư) của dự án Nhà máy luyện kim phi cốc, công suất 100.000 tấn sắt xốp/năm.

(ii) Trong đó bao gồm khoản vay tại Công ty Cổ phần Golden City với số tiền là 5,2 tỷ đồng như trình bày tại Thuyết minh số 1 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	**13.288.000.000.000**	**27.089.186.656**	**(71.424.341.027)**	**4.262.630.249**	**28.125.501.907**	**12.218.270.751.580**	**231.112.094.170**	**25.725.435.823.535**
Lãi trong năm	-	-	-			7.361.192.564.715	70.529.938.012	**7.431.722.502.727**
Chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi đơn vị tiền tệ của Veam Korea Corporation sang VND	-	-	-	97.683.855	-	-	12.073.286	**109.757.141**
Trích lập các quỹ	-	-	-		-	(139.594.407.334)	(33.167.992.823)	**(172.762.400.157)**
Chia cổ tức	-	-	-		-	(6.690.747.184.000)	(48.047.955.800)	**(6.738.795.139.800)**
Tại ngày 31/12/2024	**13.288.000.000.000**	**27.089.186.656**	**(71.424.341.027)**	**4.360.314.104**	**28.125.501.907**	**12.749.121.724.961**	**220.438.156.845**	**26.245.710.543.446**
Lãi trong năm	-	-	-		-	7.148.497.621.444	70.933.177.087	**7.219.430.798.531**
Chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi đơn vị tiền tệ của Veam Korea Corporation sang VND	-	-	-	(329.065.819)	-	-	(40.671.056)	**(369.736.875)**
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	-	(6.189.656.704.000)	(35.829.192.627)	**(6.225.485.896.627)**
Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ (i)	-	-	-	-	-	(63.849.273.832)	-	**(63.849.273.832)**
Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-	-	-	-	(106.070.963.044)	(34.712.981.775)	**(140.783.944.819)**
Giảm khác	-	-	-	-	-	3.402.261.851	(18.900.929)	**3.383.360.922**
Tại ngày 31/12/2025	**13.288.000.000.000**	**27.089.186.656**	**(71.424.341.027)**	**4.031.248.285**	**28.125.501.907**	**13.541.444.667.380**	**220.769.587.545**	**27.038.035.850.746**

Ghi chú:

(i) Khoản phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 183/NQ-HĐQT ngày 03 tháng 11 năm 2025 và Tờ trình số 1208/Ttr-TCNS-TCKT ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng Quản trị (đã thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 về việc phân phối lợi nhuận năm 2024):

- Chia cổ tức số tiền 6.189.656.704.000 VND;
- Trích quỹ thưởng người quản lý và quỹ khen thưởng người lao động, phúc lợi với số tiền lần lượt là 1.331.042.339 VND và 62.518.231.493 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Cổ phiếu	**Số cuối năm**	**Số đầu năm**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**1.328.000.000**	**1.328.000.000**
Cổ phiếu phổ thông	*1.328.000.000*	*1.328.000.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.328.000.000	1.328.000.000
Cổ phiếu phổ thông	*1.328.000.000*	*1.328.000.000*

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (sửa đổi lần thứ mười một ngày 01 tháng 7 năm 2024), vốn điều lệ của Tổng Công ty là 13.288.000.000.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 13.288.000.000.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối năm		**Số đầu năm**	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Bộ Công Thương	11.755.829.660.000	88,47%	11.755.829.660.000	88,47%
Các đối tượng khác	1.532.170.340.000	11,53%	1.532.170.340.000	11,53%
Cộng	**13.288.000.000.000**	**100%**	**13.288.000.000.000**	**100%**

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	**Số đầu năm**
Ngoại tệ các loại		
- USD	2.953.946,29	1.585.368,50
- EUR	68.506,30	1.762,46
- JPY	191,00	191,00
- CAD	684,69	368,60

25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh máy động lực và máy nông nghiệp. Trong kỳ, Tổng Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác trọng yếu, theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh máy động lực và máy nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số 26 và số 27.

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài Việt Nam.

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	4.226.642.499.689	3.899.711.421.411
Trong đó: Doanh thu bán thanh lý xe thông qua đấu giá công khai tại CN Nhà máy Ô tô VEAM (i)	*145.810.142.504*	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	212.109.629.047	191.731.554.306
Doanh thu khác	35.064.573.926	23.997.247.614
Cộng	**4.473.816.702.662**	**4.115.440.223.331**
Các khoản giảm trừ doanh thu	**8.287.298.316**	**12.008.154.369**
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại;	5.973.596.012	5.135.498.210
- Giảm giá hàng bán	253.355.964	-
- Hàng bán bị trả lại.	2.060.346.340	6.872.656.159
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**4.465.529.404.346**	**4.103.432.068.962**

Ghi chú:

(i) Trong năm, Nhà máy ô tô VEAM đã thực hiện tiêu thụ các lô xe ô tô tồn kho lâu năm thông qua hình thức đấu giá công khai theo quy định của pháp luật và phê duyệt chỉ đạo của Tổng Công ty. Hoạt động này được triển khai trên cơ sở các căn cứ pháp lý và phê duyệt của cấp có thẩm quyền, bao gồm: Hội đồng quản trị (tại Nghị quyết số 125/NQ-HĐQT ngày 01/8/2025 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP); các quyết định của Tổng Giám đốc Tổng Công ty; các báo cáo, tờ trình của Chi nhánh Nhà máy Ô tô VEAM; biên bản họp của Hội đồng xử lý, xác định giá khởi điểm; cùng với chứng thư thẩm định giá do đơn vị thẩm định độc lập phát hành.

Trước khi lên phương án thực hiện bán đấu giá công khai, Tổng Công ty đã có các văn bản gửi các cơ quan liên quan nhằm có các phương án tiêu thụ như: Văn bản số 102/VEAM-KTKH ngày 21/02/2015 của VEAM gửi Bộ Quốc phòng về việc liên kết, cung ứng sản phẩm phục vụ công nghiệp quốc phòng và động viên công nghiệp; Văn bản số 108/VEAM-KD&PTTT ngày 24/02/2025 của VEAM gửi Thương vụ Việt Nam tại Pakistan về việc tìm kiếm đối tác hợp tác với VEAM; Văn bản số 211/VEAM-KD&PTTT ngày 04/4/2025 của VEAM gửi Thương vụ Việt Nam tại Cuba và Vụ Phát triển thị trường nước ngoài (Bộ Công Thương) về việc tìm kiếm đối tác hợp tác với VEAM.

Việc tổ chức thực hiện, xác định giá khởi điểm, lựa chọn phương thức bán cũng như việc tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ liên quan đến quản lý, sử dụng vốn Nhà nước thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc, các cấp quản lý của Tổng Công ty, Nhà máy Ô tô VEAM và đã được công bố công khai khi giao dịch, thực hiện xin ý kiến và báo cáo bằng văn bản lên Bộ Công thương. Tổng Công ty đã thực hiện báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước là Bộ Công Thương về phương án và kết quả tiêu thụ xe tồn kho lâu năm tại Nhà máy Ô tô VEAM, bao gồm: Văn bản số 57/VEAM-BPPDVNN ngày 19/8/2025 về việc báo cáo và xin ý kiến đối với phương án tiêu thụ xe tồn kho tại Nhà máy; và Công văn số 83/VEAM-BPPDVNN ngày 31/10/2025 về việc báo cáo kết quả tiêu thụ xe tồn kho lâu năm tại Nhà máy Ô tô VEAM cùng các báo cáo, tờ trình nội bộ kèm theo gửi Bộ Công Thương để phục vụ công tác giám sát và quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (TIẾP THEO)

Ghi chú:

Trên cơ sở đó, trong năm Nhà máy Ô tô VEAM đã tổ chức 03 đợt đấu giá, cụ thể:

- Đợt 1 (đấu giá lần 08): tổ chức đấu giá 2.071 xe ô tô tồn kho, chia thành 755 lô tài sản, với tổng giá khởi điểm khoảng 430,58 tỷ đồng; kết quả đấu giá thành công 579 xe (207 lô), với tổng giá trị trúng đấu giá khoảng 127,70 tỷ đồng;

- Đợt 2 (đấu giá lần 09): tổ chức đấu giá 1.492 xe ô tô tồn kho, chia thành 552 lô tài sản, với tổng giá khởi điểm khoảng 303,25 tỷ đồng; kết quả đấu giá thành công 890 xe (286 lô), với tổng giá trị trúng đấu giá khoảng 176,74 tỷ đồng;

- Đợt 3 (đấu giá lần 10): tổ chức đấu giá 602 xe ô tô tồn kho, chia thành 250 lô tài sản, với tổng giá khởi điểm khoảng 135,83 tỷ đồng; kết quả đấu giá thành công 165 xe (69 lô), với tổng giá trị trúng đấu giá khoảng 40,76 tỷ đồng.

Kết quả có 1.634 xe đấu giá thành công qua ba đợt đấu giá, trong năm 2025, Nhà máy ô tô VEAM đã bàn giao 647 xe, số lượng còn lại sẽ được Nhà máy bàn giao cho khách hàng vào năm sau.

Các đợt đấu giá được thực hiện thông qua tổ chức đấu giá chuyên nghiệp, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch theo quy định hiện hành. Việc thanh lý các lô xe tồn kho lâu năm nhằm mục đích thu hồi vốn, giảm thiểu chi phí lưu kho và hạn chế rủi ro giảm giá, thất thoát vốn nhà nước.

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm	3.705.445.010.626	3.285.863.451.215
Trong đó: Giá vốn của thành phẩm xe bán thanh lý thông qua đấu giá công khai tại CN Nhà máy Ô tô VEAM (i)	*264.862.753.246*	-
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	161.028.476.565	149.739.644.962
Giá vốn khác	9.807.560.948	10.518.200.641
Các khoản chi phí vượt định mức	19.301.663.497	33.899.365.196
Dự phòng/ (Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(115.773.940.236)	(2.238.847.934)
Trong đó: Hoàn nhập của thành phẩm xe bán thanh lý thông qua đấu giá công khai tại CN Nhà máy Ô tô VEAM (i)	*142.324.820.952*	-
Cộng	**3.779.808.771.400**	**3.477.781.814.080**

Ghi chú:

(i) Giá trị ghi sổ; Dự phòng đã trích lập của lô xe thành phẩm tồn kho lâu năm đã thanh lý (tại Thuyết minh số 26).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	918.161.217.634	839.051.921.782
Lãi hỗ trợ vốn (i)	70.507.470	1.394.309.361
Cổ tức, lợi nhuận được chia		75.464.324
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.588.298.274	16.898.288.965
Doanh thu hoạt động tài chính khác	84.896.672	207.803.944
Cộng	**930.904.920.050**	**857.627.788.376**

Ghi chú:

(i) Trong kỳ này, Tổng Công ty chưa ghi nhận lãi hoạt động hỗ trợ vốn của các khoản hỗ trợ vốn cho tất cả các công ty con và công ty liên kết. Lãi hoạt động hỗ trợ vốn phát sinh từ các khoản hỗ trợ vốn trên được Tổng Công ty xác định và ghi nhận phụ thuộc vào tình hình sản xuất kinh doanh của công ty liên kết với lãi suất từ 0%-5%/năm.

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.565.492.070	1.518.531.801
Dự phòng/ (Hoàn nhập) tổn thất các khoản đầu tư tài chính	349.822.302	(700.000.000)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.704.447.576	6.221.621.512
Chi phí tài chính khác	120.641.793	121.500.569
Cộng	**5.740.403.741**	**7.161.653.882**

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	39.642.554.348	33.097.406.649
Chi phí vật liệu, bao bì, dụng cụ đồ dùng	7.406.204.280	6.164.215.009
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.241.451.136	2.555.871.801
Trích lập/Hoàn nhập chi phí bảo hành	892.427.148	1.279.252.577
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.795.375.352	12.742.751.241
Chi phí bằng tiền khác	33.674.433.454	32.686.432.277
Cộng	**98.652.445.718**	**88.525.929.554**
Các khoản chi phí quản lý phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	327.422.839.527	292.673.241.131
Chi phí vật liệu quản lý	16.046.028.060	12.189.785.133
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	31.759.616.228	31.480.250.600
Thuế, phí và lệ phí	11.184.369.571	19.157.491.514
Chi phí/ (Hoàn nhập) dự phòng	158.322.174.137	(2.684.723.068)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.947.105.629	42.305.424.329
Chi phí bằng tiền khác	123.055.918.519	91.532.219.965
Cộng	**694.738.051.671**	**486.653.689.604**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu thanh lý tài sản cố định, phế liệu, vật tư thu hồi	3.664.303.776	200.227.272
Thu tiền đền bù, bồi thường thiệt hại, phạt vi phạm hợp đồng	1.820.542.869	3.626.741.396
Các khoản khác	6.733.222.267	4.639.625.932
Cộng	**12.218.068.912**	**8.466.594.600**

32. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng (i)	31.370.814.227	4.665.135.586
Các khoản bị phạt thuế, vi phạm hành chính	2.500.729.083	2.436.200.059
Các khoản chi phí khác	1.587.508.505	5.641.466.665
Cộng	**35.459.051.815**	**12.742.802.310**

Ghi chú:

(i) Trong đó bao gồm 26.909.114.370 VND - là chi phí khấu hao trong năm của 305 bộ khuôn dập tại Thuyết minh số 14.

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công	144.919.041.729	138.251.266.783
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại các Công ty con	62.646.191.979	59.074.600.478
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**207.565.233.708**	**197.325.867.261**

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	7.148.497.621.444	7.361.192.564.715
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(169.920.236.876)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.148.497.621.444	7.191.272.327.839
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lã	1.328.800.000	1.328.800.000
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.380	5.412

Ghi chú:

(i) Tổng Công ty trình bày lại chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước do việc trích quỹ thưởng người quản lý và quỹ khen thưởng người lao động, phúc lợi tại Văn phòng Tổng Công ty với số tiền lần lượt là 1.331.042.339 VND và 62.518.231.493 VND; và 106.070.963.044 VND tại các Công ty con, số trước trình bày là 5.540 VND.

35. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (i)	1.611.550.805	746.296.260

Ghi chú:

(i) Khoản thanh toán và phân bổ thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng và thuê kho tại các địa điểm sau:

- Khoản thuê Văn phòng tại 90-92 Trần Bình Trọng, HCM theo Hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT/2008 ký ngày 04 tháng 8 năm 2008 và Phụ lục ngày 8/12/2010 với Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam, thời hạn thuê 20 năm từ ngày 15 tháng 4 năm 2008. Tiền thuê đã trả một lần là 30.645.000.000 VND.

- Khoản thuê đất và tài sản trên đất tại KCN Tiên Sơn, Bắc Ninh theo hợp đồng kinh tế số 05/HĐKT/TAMAC-VEAM/2024 ký ngày 27/09/2024. Bên cho thuê: Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp, thời hạn thuê 12 tháng đến ngày 1/9/2025, đơn giá thuê 1.794.000.000 VND/năm.

- Khoản thuê kho tại Tổ 22, Thị Trấn Đông Anh, Hà Nội theo hợp đồng số 1512/HĐ-VEAM-CPLOA ký ngày 15/12/2023 và Phụ lục số 001/2024/VEAM-COLOA ngày 31/12/2024. Bên cho thuê: Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa, thời hạn thuê 24,5 tháng đến ngày 31/12/2025, đơn giá thuê 78.540.000 VND/năm.

- Khoản thuê kho tại Khu phố 1, P Bình Đa, Biên Hòa, Đồng Nai theo hợp đồng số 001/HĐ-VEAM/SVEAM/2025 ký ngày 31/12/2024. Bên cho thuê: Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam, thời hạn thuê 12 tháng đến ngày 31/12/2025, đơn giá thuê 99.600.000 VND/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Trong vòng 01 năm	354.343.182	1.258.272.727
Từ năm thứ 02 đến năm thứ 05	-	-
Cộng	**354.343.182**	**1.258.272.727**

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia: không bao gồm các khoản chênh lệch chưa thanh toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán liên quan đến lãi dự thu, lãi hỗ trợ vốn, cổ tức và lợi nhuận được chia. Vì vậy, số tiền trình bày tại chỉ tiêu "Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia" phản ánh số tiền thực tế thu được trong kỳ, và một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu (Tăng)/giảm các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả: không bao gồm các khoản chênh lệch chưa thanh toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán liên quan đến lãi dự trả. Vì vậy, số tiền trình bày tại chỉ tiêu "Tiền lãi vay đã trả" phản ánh số tiền thực tế thu được trong kỳ, và một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)

37. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua hàng	**181.507.912.680**	**208.656.213.538**
Công ty Honda Việt Nam	179.344.961.818	206.240.780.610
Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ	2.162.950.862	2.415.432.928
Bán hàng	**1.120.078.719.470**	**1.124.204.649.561**
Công ty Honda Việt Nam	1.046.255.158.128	1.063.572.877.572
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	72.706.273.118	59.701.500.989
Công ty TNHH Ford Việt Nam	-	162.564.000
Công ty CP Cơ khí An Giang	1.117.288.224	767.707.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	**6.570.551.628.047**	**5.745.021.650.855**
Công ty Honda Việt Nam	5.931.764.124.421	5.079.453.599.993
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	264.129.783.988	261.471.922.012
Công ty TNHH Ford Việt Nam	358.535.547.638	395.764.316.850
Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ	541.452.000	541.452.000
Công ty CP Cơ khí An Giang	15.580.720.000	7.790.360.000
Lãi hỗ trợ vốn	**70.507.470**	**1.394.309.361**
Công ty CP NAKYCO	70.507.470	47.342.937
Công ty CP Matexim Hải Phòng	-	1.346.966.424

Thù lao, tiền lương của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Người quản lý khác được hưởng trong năm như sau:

		Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng quản trị			
Ngô Khải Hoàn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	2.217.600.000	1.157.076.169
Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	2.743.755.324	1.157.076.169
Nguyễn Thị Hoa	Thành viên HĐQT	1.552.320.000	809.953.330
Ngô Quang Trung	Thành viên HĐQT từ ngày 25/4/2025	1.063.001.735	-
Nguyễn Tiến Vỵ	Thành viên HĐQT	997.920.002	280.209.822
Trần Thị Nguyệt	Thành viên HĐQT	310.464.000	161.990.663
Phan Kim Khoa	Thành viên HĐQT	396.000.000	280.209.822
Nguyễn Khắc Hải	Thành viên HĐQT	-	896.455.087
Phan Phạm Hà	Thành viên HĐQT	-	765.536.346
Nguyễn Thị Nga	Thành viên HĐQT	-	118.219.159
Ban Tổng Giám đốc và phụ trách kế toán			
Lê Minh Quy	Phó Tổng giám đốc	1.836.300.616	1.496.356.369
Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	1.775.443.809	1.315.178.507
Lê Công Hoàng	Phó Tổng giám đốc	500.972.546	-
Vũ Phong Hải	Phụ trách kế toán	1.379.301.776	543.134.929
Nguyễn Thị Mai Hương	Kế toán trưởng đến ngày 10/6/2024	-	405.998.251
Ban Kiểm soát			
Nguyễn Thị Phương Lan	Trưởng ban	1.330.560.000	1.200.899.176
Nguyễn Thị Diên	Thành viên	997.920.002	900.674.381
Lê Thị Thanh Bình	Thành viên	199.584.000	180.134.876
Cộng		**17.301.143.810**	**11.669.103.056**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38. NỢ TIỀM TÀNG

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam ("SVEAM") có các nợ tiềm tàng sau:

(i) Về vấn đề thu hồi tiền hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào:

Ngày 28 tháng 7 năm 2009, Cục thuế Đồng Nai có công văn số 2732/CT - KT1 về việc không cho hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với 02 lô hàng xuất khẩu cho Công ty ASCO (Iraq) theo các hợp đồng số M121/99 và M122/99 ngày 08 tháng 9 năm 1999 liên quan đến chương trình trả nợ thanh toán chậm cho Iraq do Công ty chưa cung cấp được chứng từ thanh toán qua ngân hàng. Ngày 21 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính có công văn số 14826/BTC-TCT trả lời Cục Thuế tỉnh Đồng Nai về việc đồng ý chưa thu hồi số thuế giá trị giá tăng đã hoàn cho Công ty liên quan đến hợp đồng xuất khẩu bán hàng hóa thanh toán trả chậm cho Công ty ASCO thuộc Bộ Nông nghiệp Iraq thuộc Chương trình trả nợ thanh toán chậm cho Iraq để chờ kết quả đối chiếu nợ giữa hai Chính phủ. Khi có kết quả đối chiếu nợ thuộc Chương trình trả nợ thanh toán chậm cho Iraq giữa hai Chính phủ liên quan đến hợp đồng xuất khẩu có liên quan của Công ty thì Công ty có trách nhiệm xuất trình văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về số tiền phía nước ngoài phải thanh toán theo hợp đồng xuất khẩu có liên quan được tính giảm trừ nợ của phía Việt Nam cho Cục thuế để thay thế chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hóa xuất khẩu theo quy định.

Ngày 23 tháng 12 năm 2019, Cục thuế Đồng Nai có Quyết định số 2892/QĐ-THMPQĐXP-CT về việc tạm thời chưa thu hồi tiền hoàn thuế giá trị gia tăng nêu trên.

Đến thời điểm hiện tại, SVEAM vẫn chưa nhận được văn bản của Cơ quan có thẩm quyền đưa ra quyết định cuối cùng về vấn đề này, nên Công ty chưa xác định được nghĩa vụ có phải nộp lại khoản thuế giá trị gia tăng được hoàn lại này theo Công văn của Cục thuế hay không.

(ii) Về vấn đề tiền thuê đất tại địa chỉ Khu phố 29, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: Khu phố 1, Phường Tam Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai):

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, SVEAM đang tiếp tục làm việc và gửi các kiến nghị đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đề nghị xem xét, xác định lại đơn giá thuê đất và chính sách miễn, giảm tiền thuê đất theo Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 đối với khu đất thuê tại Khu phố 29, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai.

Trong thời gian chờ ý kiến chính thức từ các cơ quan chức năng, SVEAM đang ghi nhận và thực hiện nghĩa vụ tiền thuê đất trên cơ sở nguyên tắc điều chỉnh đơn giá thuê đất theo chu kỳ 05 năm, theo đó mức điều chỉnh không vượt quá 15% so với đơn giá đang áp dụng của kỳ trước, căn cứ theo Quyết định số 1357/TC/QĐ/TCT ngày 30 tháng 12 năm 1995 của Tổng cục Thuế và hướng dẫn tại Văn bản số 6366/STNMT-QH ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

Liên quan đến khu đất nêu trên, SVEAM đã nhận được các thông báo thu tiền thuê đất của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai cho các giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2025.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, SVEAM đang tiếp tục làm việc với các cơ quan chức năng để làm rõ các nội dung liên quan. Công ty sẽ thực hiện hạch toán và điều chỉnh các nghĩa vụ liên quan (nếu có) trên cơ sở kết luận chính thức của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

39. TÀI SẢN TIỀM TÀNG

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam ("SVEAM") có các tài sản tiềm tàng sau:

(i) Liên quan đến vấn đề thu hồi đất Xưởng Cao su:

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, SVEAM nhận được Thông báo số 441/TB-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Biên Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Chuyển đổi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu đô thị - thương mại - dịch vụ và cải thiện môi trường, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Theo đó, Công ty bị thu hồi khu đất Xưởng Cao su thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ địa chính số 35, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Trấn Biên).

Ngày 10 tháng 10 năm 2025, SVEAM nhận được Quyết định số 2293/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Phường Trấn Biên về việc bồi thường, hỗ trợ cho Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam bị thu hồi đất.

(ii) Liên quan đến vấn đề thu hồi đất Nhà máy 2:

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, SVEAM nhận được Thông báo số 1893/TB-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Biên Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Chuyển đổi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu đô thị - thương mại - dịch vụ và cải thiện môi trường, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Theo đó, SVEAM bị thu hồi khu đất Nhà máy 2 thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ địa chính số 47, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Trấn Biên).

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, SVEAM nhận được Quyết định số 3706/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Phường Trấn Biên về việc bồi thường, hỗ trợ cho Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam bị thu hồi đất.

SVEAM đã nhận được các Quyết định về bồi thường, hỗ trợ đối với hai khu đất nêu trên. Tuy nhiên, sau khi rà soát, Công ty nhận thấy mức bồi thường, hỗ trợ theo các quyết định này chưa phản ánh đầy đủ giá trị tài sản gắn liền với đất bị thu hồi. Do đó, SVEAM chưa đồng ý với mức bồi thường, hỗ trợ nêu trên và đã thuê đơn vị thẩm định giá độc lập để xác định lại giá trị tài sản phục vụ thanh lý tài sản trên đất để giao trả mặt bằng cho địa phương, đồng thời làm cơ sở để kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xem xét phương án bồi thường phù hợp.

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, SVEAM chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và các bên vẫn đang trong quá trình trao đổi, xử lý. Do chưa có quyết định cuối cùng về mức bồi thường được chấp thuận nên SVEAM chưa ghi nhận khoản phải thu hoặc thu nhập liên quan đến nội dung này trên Báo cáo tài chính.

SVEAM sẽ thực hiện ghi nhận khi có quyết định chính thức và đáp ứng điều kiện ghi nhận theo quy định kế toán hiện hành.

40. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Theo Hợp đồng hợp tác liên doanh số 149/HĐLD/THĐ-TBG ngày 10/11/2009 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PI-HĐLD ngày 15/10/2010 ký giữa Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo - Công ty con và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Tài chính Thái Bình ("TBG"), TBG sẽ đền bù cho Công ty con giá trị lợi thế thương mại, tài sản nổi trên đất (nhà cửa, vật kiến trúc) với số tiền là 40.000.000.000 VND; Số tiền này sẽ được TBG thanh toán theo phương thức thay mặt Công ty con chuyển tiền góp vốn Công ty TNHH Liên doanh Đầu tư Tài chính Thái Bình Dương (Công ty liên doanh). Tuy nhiên, Công ty con chưa được đối tác cung cấp hồ sơ, tài liệu về giao dịch thanh toán này của TBG cho Công ty liên doanh; theo đó, Công ty con không ghi nhận giá trị khoản vốn góp vào Công ty liên doanh trên Báo cáo tài chính.

41. THÔNG TIN KHÁC

Cổ tức và phân phối lợi nhuận

Ngày 29/5/2025, Hội đồng Quản trị đã có tờ trình số 368/TTr-HĐQT trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 về việc phân phối lợi nhuận năm 2024: chia cổ tức số tiền 6.189.656.704.000 VND; trích quỹ thưởng người quản lý và quỹ khen thưởng người lao động, phúc lợi người với số tiền lần lượt là 1.331.042.339 VND và 62.518.231.493 VND; hiện nay, Bộ Công Thương chưa có ý kiến về việc chấp thuận phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 nên Hội đồng Quản trị đã đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện phân phối lợi nhuận theo ý kiến của Bộ Công Thương. Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận theo tờ trình số 368/TTr-HĐQT theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2025.

Các thông tin khác

Tổng Công ty đang thực hiện các kết luận tại Kết luận thanh tra số 1538/KL-TTCP ngày 07/7/2023 của Thanh tra Chính phủ về tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Công Thương và Kết luận số 3202/KL-BCT ngày 08/5/2019 của Bộ Công Thương về thanh tra công tác quản lý, sử dụng vốn, tài sản; tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; công tác tổ chức cán bộ tại Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp - CTCP. Trong thời gian tới, Tổng Công ty sẽ tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện theo các kết luận và định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện cũng như các vướng mắc trong quá trình triển khai đến các cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Bản án hình sự sơ thẩm số 159/2022/HS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 8, 9, 16), Bản án số 157/2025/HS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 13) và Bản án số 580/2025/HSST ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Tòa án Nhân dân thanh phố Hà Nội, trong thời gian tới, Tổng Công ty sẽ tiếp tục phối hợp với Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội để có cơ sở đẩy mạnh việc thu hồi toàn bộ số tiền theo các bản án nêu trên.

Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 855/2023/HS-PT ngày 15/11/2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Bản án hình sự sơ thẩm số 234/2023/HS-ST ngày 12/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, các cá nhân có liên quan trong việc mua bán xe ô tô giảm giá trái quy định định; mua săm, lốp, yếm trái quy định phải bồi thường cho Nhà máy ô tô VEAM số tiền lần lượt là 55.673.446.360 VND và 16.828.878.687 VND, buộc các cá nhân có liên quan phải trả lại cho Nhà máy ô tô VEAM số tiền lần lượt là 2.417.298.653 VND và 1.468.609.133 VND. Đồng thời, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Ngày 23/01/2024, Giám đốc Nhà máy ô tô Veam đã gửi Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội Đơn yêu cầu thi hành án với các nội dung tại các Bản án nêu trên. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Tổng Công ty chưa ghi nhận các khoản phải thu theo kết quả bản án và tiền lãi chậm trả tương ứng theo nguyên tắc thận trọng do các khoản công nợ phải thu này chưa xác định được thời gian thu hồi (xem tại Thuyết minh số 9 trên đây).

40. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

Các thông tin khác (Tiếp theo)

Nhà máy ô tô VEAM đang sử dụng thửa đất được thuê tại phường Bắc Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo hợp đồng số 212/HĐ/TĐ ngày 18/12/2006 giữa Tổng Công ty và UBND tỉnh Thanh Hóa để sử dụng với mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh từ năm 2004 đến năm 2054. Diện tích tổng khu đất thuê là 288.804,9 m². Theo các hợp đồng này, Nhà máy ô tô VEAM phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Nguyễn Hoàng Giang	**Vũ Phong Hải**	**Bùi Tuấn Anh**
Tổng Giám đốc	**Phụ trách kế toán**	**Người lập biểu**

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2026

Đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được VEAM công bố trên trang thông tin điện tử tại đường dẫn: www,veamcorp.com

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

NGUYỄN HOÀNG GIANG

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: Lô D, khu D1, phường Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0246 280 0802 Fax: 0246 280 0809 Website: www.veamcorp.com